http://sachviet.edu.vn

GIAI THOẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM

(Tập VIII)

http://sachviet.edu.vn

http://sachviet.edu.vn

KIỀU VĂN
(Tuyển soạn)

GIAI THOẠI LỊCH SỬ
Việt Nam

(BỘ SÁCH CỦA MỌI NHÀ, GỒM 8 TẬP)
Tập VIII

LÃNH TỤ, CHÍ SĨ YÊU NƯỚC VÀ DANH NHÂN VĂN HỌC THẾ KỈ XX

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

http://sachviet.edu.vn

http://sachviet.edu.vn

Lời nói đầu

Kể từ khi xuất hiện trên trái đất, loài người thông qua những hoạt động để sinh tồn và phát triển, đã tham gia đắc lực vào guồng máy của càn khôn. Thuyết *Tam tài* (ba ngôi *Trời – Đất – Người*) của phương Đông đã xác minh địa vị to lớn của con người trong Đại thế giới (vũ trụ, trong đó có Trái Đất).

Khoa học lịch sử đã khẳng định: nhân dân – trong đó có những bậc *chí nhân, thần nhân, thánh nhân,* những *"người khổng lồ",* những anh hùng hào kiệt, những nhân vật xuất chúng – là lực lượng sáng tạo ra lịch sử nhân loại, lịch sử các quốc gia, các dân tộc.

Trong số những cuốn *biên niên sử* mà các dân tộc đã viết trên hành tinh Trái Đất này, có một cuốn của người Việt – "quê ở Á châu về địa cầu, Sông Đà núi Tản nước Nam Việt" như cách nói của thi sĩ Tản Đà. Đã bốn ngàn năm qua, cuốn Ngọc phả ấy đã luôn là cuốn sách thiêng liêng nhất, máu thịt nhất của bất kì người Việt Nam ở bất kì thời đại nào. Những kí ức diệu kì trong tâm tưởng của người Việt Nam, xuyên qua nhiều thiên niên kỉ, đến nay vẫn như còn tươi rói, vẫn đốt cháy và lay động lòng người. Hai tiếng *"về nguồn"* như tiếng chuông thiêng liêng luôn thôi thúc con người thuộc các thế hệ hướng tâm hồn để chiêm ngưỡng những kì tích của tổ tiên, để được

http://sachviet.edu.vn

chiêm nghiệm những bài học vĩ đại, để thụ hưởng những niềm cảm kích, tự hào, vui sướng không gì sánh nổi, để tự lớn mạnh mà sống sao cho xứng đáng là một Con Người.

Phương Tây có câu: *Một dân tộc vĩ đại khi nó sản sinh những vĩ nhân* (G.Duhamel). Thiết tưởng có thể dựa vào chuẩn mực ấy để nhận thức về con người và dân tộc Việt Nam. Kể từ thời Hùng Vương – thời khai sinh ra *nền văn minh sông Hồng* – đến thiên niên kỉ thứ ba này, lịch sử dân tộc Việt Nam đã sản sinh biết bao con người trác việt phi thường, những vì sao toả sáng rực rỡ trên bầu trời cũng như trong tâm khảm của mỗi con người Việt Nam chúng ta.

Tại Văn Miếu (Hà Nội), trên tấm văn bia được dựng từ thế kỉ XV có khắc một câu nổi tiếng: *Hiền tài – quốc gia chi nguyên khí* (Bậc hiền tài là nguyên khí của quốc gia).

Thật vậy, cốt cách cao đẹp, trí tuệ sáng suốt, nghị lực phi thường và sự nghiệp lớn lao cống hiến cho đất nước của các bậc hiền tài, các danh nhân, các anh hùng hào kiệt, đã góp phần quan trọng tạo nên lịch sử vẻ vang của dân tộc ta. Vinh quang của họ *được lưu truyền sử sách, nghìn đời thơm tho* đúng như lời Hưng Đạo Vương viết trong *Hịch tướng sĩ* từ thế kỉ XIII.

Bản chất, tính cách, cuộc đời và số phận của các *nhân vật lịch sử* thường có những đặc tính và những tình tiết vô cùng độc đáo. Chính vì vậy, những câu

http://sachviet.edu.vn

chuyện về họ đa trơ thanh nhưng *giai thoại* lưu truyền mãi trong đời, luôn luôn có sức hấp dẫn lạ thường đối với mọi người.

Thực tiễn cho thấy: những ai có ý thức trụ vững trên mảnh đất của truyền thống dân tộc, hấp thụ những tinh hoa của dân tộc mình đồng thời với việc hấp thụ những tinh hoa văn hoá của nhân loại, sẽ có nhiều triển vọng đạt tới những đỉnh cao của cuộc đời.

Ở thế kỉ XV, bậc vĩ nhân Nguyễn Trãi đã từng băn khoăn đặt câu hỏi: *Hậu học thùy tương tác chuẩn thằng?* (Lớp hậu sinh, còn ai lấy ta làm mực thước không?)

Xuất phát từ những suy nghĩ và tình cảm muốn đáp lại câu hỏi ấy của người xưa, đồng thời với mục đích "ôn cố tri tân", chúng tôi đã dành nhiều công sức và tâm huyết, sử dụng một lối văn thích hợp để viết bộ sách GIAI THOẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM này, mong đáp ứng nhu cầu của bạn đọc trong và ngoài nước muốn tìm hiểu con người, đất nước và lịch sử Việt Nam.

Để viết bộ sách giai thoại về những nhân vật và những sự kiện thuộc nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, học thuật, văn học nghệ thuật, đời sống xã hội... xuất hiện trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ thứ III trước Công nguyên đến cuối thế kỉ XX sau Công nguyên), chúng tôi đã căn cứ và tham khảo rất nhiều sách vở, tài liệu của các tác giả xưa và nay. Chúng tôi đã sắp xếp, hiệu

http://sachviet.edu.vn

chỉnh, tham gia dịch thuật, và trình bày theo cách nhìn mà chúng tôi cho là gần với chân lí khách quan nhất. Chúng tôi đặc biệt chú ý đảm bảo tính chất văn học của các *giai thoại*: chúng nhất thiết phải gây được những *rung động thẩm mĩ* và để lại ấn tượng sâu trong lòng bạn đọc.

Vì sách được biên soạn theo phương châm *quý hồ tinh, bất quý hồ đa* và vì khuôn khổ của sách có hạn nên chúng tôi không chủ trương giới thiệu tất cả giai thoại lịch sử Việt Nam mà chỉ chọn lọc những giai thoại tiêu biểu của mỗi thời đại.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với tất cả các tác giả của những bộ sử, những cuốn từ điển, những công trình nghiên cứu về lịch sử, những tiểu thuyết và thơ ca lịch sử, những sách chuyên về giai thoại... – những người đầy tâm huyết đã có công lao to lớn tập hợp nên một kho tàng giai thoại Việt Nam phong phú.

KIỀU VĂN

http://sachviet.edu.vn

Dậy! Dậy! Dậy! Hỡi quốc dân ta! Hỡi đồng bào ta! Dậy mà nghe tôi kể chuyện đời xưa. Chuyện đời xưa mà tôi sắp kể đây không phải là chuyện Âu, chuyện Mĩ, chuyện Trung Hoa, Nhật Bản, chuyện Ấn Độ, Xiêm La, mà chính là chuyện của tổ tiên ta vậy. Ôi! Chuyện tổ tiên ta có quan hệ với ta mật thiết biết chừng nào! Đồng bào ta chắc ai cũng muốn nghe... Sao vậy? Vì người ta, một khi nghe người kể chuyện tổ tiên thì ai là người không vui lòng lắng tai nghe? Ấy là lương tâm chung của loài người. Nếu không vậy thì hình người mà tính thú. Há lẽ con Rồng cháu Tiên như đồng bào ta mà lại thế ư?

PHAN BỘI CHÂU

http://sachviet.edu.vn

http://sachviet.edu.vn

1

Tuần phủ Ninh Bình là Phạm Hi Lượng nghe tin dữ và quái lạ, giậm chân quát:

– Con voi to tổ bố như thế mà để mất? Chúng mày nói cứ như chuyện quỷ thuật! Gọi tất cả chúng nó vào đây xem nào!

Một bọn lính mặt mày xám ngoét, thất thểu bước vào ra mặt quan và run run kể lại cơ sự dọc đường...

Số là bọn này hộ tống một con voi của quan tuần phủ gửi biếu quan công sứ Pháp ở Hà Nội để bày tỏ tấm thịnh tình. Trong việc này, quan tuần phủ đã có một suy nghĩ khá thâm thuý: không biếu thì thôi, đã biếu thì phải biếu cho ra tấm ra miếng!

Bọn lính trang bị súng ống đầy đủ, rầm rộ đưa voi đi. Khi đến địa phận Hoàng Mai, cửa ngõ Hà Nội thì bất thần một đoàn tráng sĩ từ những ổ mai phục xông ra gí gươm vào cổ bọn lính của quan mà quát:

http://sachviet.edu.vn

– Muốn sống, ngồi im! Đưa khí giới đây!

Lập tức một đoàn tráng sĩ khác xuất hiện truyền lệnh:

– Để voi đấy cho chúng ta đưa nó đi giúp nước, không thể dắt nó về Hà Nội để giày mồ ông bà ông vải được!

Nói đoạn, đoàn dũng sĩ xông đến áp giải con voi với đầy đủ lễ vật trên bành, rảo bước đi theo đường tắt qua Khương Hạ tiến về phía Hà Đông, rẽ sang Thanh Oai và mất dạng sau gò đồi, làng mạc...

Cả tụi lính áp tải ngồi trơ mắt ếch hồi lâu, rồi khi hoàn hồn mới nghĩ cách đi báo cho đồn canh ở Hoàng Mai định cầu cứu chính quyền sở tại, may có cứu vãn đoạt lại được voi về chăng.

Nhưng một số bà con địa phương lúc ấy có mặt đã thành thật bảo họ:

– Thôi, thôi, khuyên các chú chớ có khai báo khai biếc làm gì cho thêm rườm việc! Không nước non gì đâu! Các chú đụng phải nghĩa quân Phòng Dương (Dương Hữu Quang) rồi! Đến lính Tây kéo ra hàng đàn hàng lũ kia cũng còn chẳng làm gì được họ, phải lủi thủi quay về nữa là!

Bọn lính áp tải từ lâu đã nghe danh quân Tự So (nghĩa quân làng So) ở Quốc Oai, Ba Vì từng đánh cho quân Pháp thất điên bát đảo, cho nên tên nào tên nấy đều sợ mất mật, rốt cuộc đành chịu... mất voi, tưng hửng như... chó mất dái[1] quay về Ninh Bình.

---

[1] Thành ngữ Việt Nam.

http://sachviet.edu.vn

2

VUA **DUY TÂN**

Vua Duy Tân (Vĩnh San, 1900 – 1945) lên ngôi năm 1907, sau khi cha là vua Thành Thái bị Pháp buộc thoái vị và bắt đi đày ở đảo Réunion. Song vua Duy Tân lại chính là ông vua có tinh thần yêu nước, đã trở thành thủ lĩnh của phong trào khởi nghĩa chống Pháp năm 1916. Việc không thành, ông bị thực dân bắt đi đày như cha sang đảo Réunion ở châu Phi.

NGÔN CHÍ QUA MỘT VẾ ĐỐI CHIẾT TỰ

Vua Duy Tân rất sáng dạ, học giỏi cả chữ Hán và chữ Pháp.

Một hôm có một viên cố đạo người Pháp giỏi Hán văn, muốn thử tài nhà vua bèn ra một vế đối:

Rút ruột vua, tam phân thiên hạ!

Đó là một vế đối chiết tự: chữ "vương" (王) bị rút

http://sachviet.edu.vn

nét sổ ở giữa thì thành chữ "tam" (三). Song vế đối rõ ràng mang nghĩa bóng của một câu đe doạ láo xược đối với nhà vua: "Người Pháp chúng ta có thể rút ruột ông và chia thiên hạ của ông làm ba phần Bắc, Trung, Nam". Vua Duy Tân bị khiêu khích, lập tức phản đòn, đối lại:

Chặt đầu Tây, tứ hải giai huynh!

Vế đối này cũng dùng chiết tự: chữ "Tây" (西) nếu chặt đầu thì thành chữ "tứ" (四)! Thật là cực tài tình! Và nghĩa bóng cũng "dữ dội" không kém gì so với vế ra: "Chặt đầu lũ giặc Tây chúng mày thì bốn biển sẽ là anh em!".

Tên cố đạo bị một đòn cân não quá sức tưởng tượng, trong bụng không khỏi khiếp sợ trước tài ứng đối mẫn tiệp và khí phách của ông vua anh hùng.

NGƯỜI LO TOAN VIỆC NƯỚC, KẺ NHẮM MẮT ĐƯA CHÂN

Vua Duy Tân thường bơi thuyền trên hồ Tịnh Tâm câu cá, có lẽ cũng không khác mấy so với Lã Vọng thuở trước câu cá ở sông Vị Thuỷ.

Hôm ấy trên thuyền câu có Thượng thư Nguyễn Hữu Bài theo hầu. Vua Duy Tân buông cần câu xong, quay lại đọc cho viên cận thần của mình nghe một đôi câu đối mang nặng tâm sự ưu thời mẫn thế của mình và yêu cầu ông ta đối:

Ngồi lên nước, khôn toan được nước,

http://sachviet.edu.vn

Trót buông câu đã lỡ phải lần!

Vị thượng thư lúng túng mãi rồi thở dài mà đối rằng:

Nghĩ sự đời mà ngán cho đời,
Liều nhắm mắt đến đâu hay đó!

Rõ ràng đó không phải là vế đối mà nhà vua mong đợi. Ngài chán ngán với sự bạc nhược của lũ quan lại trong triều. Họ không hề biết rằng đức kim thượng của họ tuy đi câu nhưng trong lòng đang nung nấu một ý chí sắt đá muốn quật khởi để cứu vớt giang sơn!

Sau này, Trần Cao Vân và Thái Phiên, theo lệnh của Việt Nam Quang Phục hội, đã tìm cách cùng bơi thuyền đi câu với nhà vua. Và những tâm hồn vĩ đại đã gặp nhau để đến năm 1916 nổ ra sự kiện khởi nghĩa Duy Tân, tuy thất bại nhưng đã làm chấn động đất nước.

Hình ảnh vua Duy Tân giả dạng thường dân ngồi câu ở hồ Tịnh Tâm với nỗi ưu uất sâu xa vì vận mệnh của đất nước, thật khó phai mờ trong tâm trí nhân dân. Sau này nhà thơ Ưng Bình Thúc Gia Thị đã hoạ lại hình ảnh bất hủ ấy qua những dòng thơ tha thiết sầu thương:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non.

http://sachviet.edu.vn

NƯỚC BẨN LẤY CHI MÀ RỬA?

Duy Tân, từ lúc lên ngôi vua, lúc nào tâm trạng của ông cũng như kẻ đang đứng trên đống lửa, ngồi trên đống than hồng! Vì sao vậy? Làm một ông vua bù nhìn như Đồng Khánh, chịu để cho non sông nòi giống ở mãi trong cảnh sa hầm sẩy hang ư? Đối với một người dân, đó đã là điều nhục nhã thì đối với một ông vua, sự nhục nhã ấy còn tệ hại đến mức nào!

Một hôm, người thị vệ mang lại cho ông một thau nước để ông rửa tay. Nhà vua chợt hỏi:

– Tay bẩn thì lấy nước rửa. Vậy khi nước bẩn thì lấy chi mà rửa?

Câu hỏi bất ngờ, tưởng như thông thường, nhưng ai biết được đó là câu hỏi đã ngày đêm giày vò nhức nhối tâm can của ông vua yêu nước? *"Phải, ta lấy chi rửa được nước non bị ô uế này đây?"*.

Người thị vệ vô tình, không hiểu điều ngụ ý trong câu hỏi của vua, bỗng thấy bí không hiểu có cách gì... "rửa nước bẩn"!

Vua Duy Tân bèn giảng giải bằng giọng đanh thép:

– Ngươi không biết ư: nước bẩn thì phải lấy máu mà rửa!

Bấy giờ người thị vệ mới bừng tỉnh và hiểu thấu ý sâu xa nhà vua muốn tâm sự với anh về một điều trọng đại nhất đối với tất cả mọi người lúc đó: phải đánh đuổi bọn Pháp xâm lược đi cho non sông hết nhơ bẩn.

http://sachviet.edu.vn

MUỐN CÓ Ý TRUNG NHÂN PHẢI ĐÃI CÁT TÌM VÀNG

Cũng như các bà mẹ khác, bà mẫu hậu của vua Duy Tân rất mong cho con trai sớm yên bề gia thất. Việc chọn vợ cho vua vốn có nhiều thuận lợi. Các tiểu thư, ái nữ của các gia đình thế gia vọng tộc trong kinh ngoài lộ, nào có thiếu gì! Song mẫu hậu ngày càng thêm lo lắng: tất cả các nàng tiểu thư ấy được đưa đến ra mắt vị hoàng đế trẻ tuổi, trong đó có những áng giai nhân, những nàng lịch thiệp, nhưng không hiểu sao Duy Tân không để ai lọt vào mắt xanh của mình cả!

Vốn tôn trọng quyền tự quyết của con, bà mẫu hậu chỉ âm thầm chờ đợi ý con mà không dám ép.

Chẳng mấy ai biết rằng vua Duy Tân là một con người có "đôi mắt thần", chỉ thoáng qua một cử chỉ, một lời nói, một thái độ của một người con gái, ông đã có thể nhìn thấy rõ bản chất của nàng ta, không chút lầm lẫn. Cho nên dùng son phấn và những kiểu cách bề ngoài để... qua mắt ông thì thật là sai lầm lớn!

Thế rồi một hôm, bỗng Duy Tân thổ lộ với mẹ:

– Thưa mẹ, ý trung nhân của con, con đã chọn được rồi...

Mẫu hậu chợt vui như mở cờ trong bụng:

– Rứa à! Ý trung nhân của con là ai vậy?

– Thưa mẹ, nàng ở hơi xa, mãi ngoài cửa bể Thuận An kia... Nếu mẹ muốn thì con sẽ đưa mẹ đi xem mặt.

http://sachviet.edu.vn

Bà mẹ vui vẻ nhận lời.

Vài hôm sau, Duy Tân dẫn mẹ dạo chơi trên bãi bể Thuận An. Đang đi, bỗng ông ngồi sụp xuống vừa moi cát lên tay vừa trao qua trao lại, mắt nhìn về phía mẹ, mỉm cười. Mẫu hậu chợt hiểu ý con bèn nói:

– Ở, mẹ đoán ra rồi: con đang "đãi cát tìm vàng" phải không? Có phải ý trung nhân của con là cô Vàng, con gái quan phụ đạo Mai Khắc Đôn không?

Duy Tân thầm phục trí thông minh của mẹ, đáp ngay:

– Thưa vâng!

– Vì sao con chọn cô ấy?

– Thưa mẹ, vì cô ấy được thụ hưởng sự dạy dỗ của quan phụ đạo, một người chánh trực, yêu nước thương nòi, tôn thờ đạo lí, khác hẳn các ông quan khác chỉ lo vinh thân phì gia. Con đã được gặp gỡ cô Vàng và thấy cô quả xứng đáng là con gái của quan phụ đạo!

Mẫu hậu rất hài lòng với sự lựa chọn chín chắn của con. Bà liền lo liệu việc hôn nhân cho đôi trẻ.

Ít lâu sau, cô Mai Thị Vàng trở thành "đệ nhất giai phi" của vua Duy Tân.

Sự lựa chọn bạn trăm năm của vua Duy Tân được thời gian chứng minh là hết sức đúng đắn. Khi ông bị Pháp đưa đi đày ở đảo Réunion, bà Mai Thị Vàng đã đi theo chồng. Song vì khí hậu ở đó khiến bà không chịu đựng nổi. Nhà vua buộc phải "nghiến răng bẻ một chữ đồng làm đôi", cho bà một mình trở về nước,

http://sachviet.edu.vn

còn mình thì tiếp tục chịu cảnh lưu đày. Cổ nhân nói không ngoa: "Nước mất, nhà tan"! Vua Duy Tân cũng "cẩn thận" làm giấy cho phép vợ được đi lấy chồng khác. Nhưng bà Mai Thị Vàng đã giữ trọn lòng chung thuỷ suốt đời với ông vua lưu vong, quyết không tái giá. Đối với bà, đó là phẩm chất cao nhất của một người vợ trong cơn quốc biến gia vong. Còn bản thân vua Duy Tân thì đã "đi bước nữa", kết hôn với một phụ nữ người Pháp. Điều đó có thể hiểu được đối với cuộc đời một ông vua vong quốc, một người đàn ông gặp phải cơn "bình địa ba đào".

HÀNH ĐỘNG QUẬT KHỞI VÀ KẾT THÚC CỦA ÔNG VUA YÊU NƯỚC LƯU VONG

Hiện tượng vua Duy Tân là điều mà thực dân Pháp không sao lường nổi, bởi chúng không đủ mẫn tuệ để hiểu được rằng: tinh thần yêu nước chống ngoại xâm là di sản văn hoá phi vật thể của toàn thể dân tộc Việt Nam từng tồn tại qua hàng mấy nghìn năm, nó đâu phải là một ngoại lệ đối với những người thuộc hoàng tộc? Chúng không sao biết được ông vua thiếu niên giả danh dân thường, cả ngày ngồi câu cá trên hồ Tịnh Tâm như một gã chán đời và vô tích sự kia, thực chất là một con người oanh liệt như thế nào. Lần đầu tiên trong lịch sử hoàng tộc nhà Nguyễn Gia Long, có một ông vua đã trở thành lãnh tụ, trở thành linh hồn của một cuộc khởi nghĩa tầm quốc gia nhằm lật đổ ách thống trị của ngoại bang.

http://sachviet.edu.vn

Lợi dụng thời cơ do cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914–1918) tạo ra – khi nước Pháp đang phải đối đầu với nước Đức – vua Duy Tân chấp thuận đề xuất của các chí sĩ Việt Nam Quang Phục hội (do Phan Bội Châu thành lập ở nước ngoài), liên kết với họ (Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài..) lên kế hoạch khởi nghĩa như sau:

Trước tiên đánh chiếm ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm căn cứ;

Tổng phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh ở Trung Kì.

Thời điểm tổng khởi nghĩa được ấn định vào ngày 3–5–1916.

Có thể nói, trong thời vận mới, vua Duy Tân đã nối gót vua Hàm Nghi và những bậc sĩ phu yêu nước trước kia, kiên quyết xông lên giải quyết một vấn nạn lớn lao nhất của lịch sử dân tộc: vấn nạn vong quốc.

Thế nhưng vua Duy Tân đã vấp phải một vấn nạn khác vô cùng cay đắng: sự phản bội của bọn Việt gian. Trong khi bọn Pháp chưa hề biết tí gì về cuộc khởi nghĩa đã được chuẩn bị kĩ càng trong bí mật, thì tên án sát Phạm Đình Liệu ở Quảng Ngãi tình cờ khám phá được "âm mưu khởi loạn" của nghĩa quân. Y vội vã cấp báo cho Công sứ De Tastes biết. Đồng thời tên Trần Quang Trứ (nhân viên toà công sứ Thừa Thiên nhưng đã được giác ngộ trở thành thành viên của tổ chức khởi nghĩa) đã thay lòng đổi dạ, mật báo cho khâm sứ Pháp biết tất cả kế hoạch hành động của nghĩa quân.

Vua Duy Tân cũng như các đồng chí của ông không hề biết kế hoạch của mình đã bị bại lộ, vẫn cứ

http://sachviet.edu.vn

theo kế hoạch mà hành động trong khi bọn Pháp đã đón lõng ở tất cả các hướng để hốt một mẻ lưới to, khiến cuộc khởi nghĩa sớm rơi vào thất bại.

Ngày 2–4–1916, theo mật ước, vua lẻn ra khỏi hoàng thành, bỏ lại thanh kiếm trên cầu Tràng Tiền rồi theo Thái Phiên và Trần Cao Vân tìm đường vào xứ Quảng để chủ trì mặt trận miền Trung. Khi ông tạm lánh tại chùa Huyền Tông ở vùng Nam Giao thì bất ngờ giặc Pháp do bọn Việt gian dẫn đường, xộc vào chùa bắt ông rồi mang về giam ở đồn Mang Cá. Sau đó chúng đưa ông đi đày ở đảo Réunion châu Phi, nơi thân phụ ông là vua Thành Thái cũng bị đày ải tại đó. Lúc ấy vua Duy Tân mới có 17 tuổi, bằng lứa tuổi của người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản đời Đông A.

Trong Thế chiến thứ hai, Duy Tân tham gia quân đội Đồng Minh chống phát xít Đức. Năm 1945, sau khi chiến tranh kết thúc, với chức vụ thiếu tá của quân Đồng Minh, ông từ Réunion bay đến Paris để hội kiến cùng tướng De Gaulle. Ngày 26–12–1945, trên đường trở lại đảo Réunion, ông bị tai nạn máy bay và thiệt mạng.

Mãi đến năm 1987, hài cốt của nhà vua yêu nước mới được đưa về Huế trong sự nghênh tiếp nồng hậu và vô cùng cảm động của toàn thể hoàng tộc và đông đảo nhân dân, sau đó được an táng trong khu lăng tẩm của hoàng tộc.

http://sachviet.edu.vn

3

TRẦN CAO VÂN

Trần Cao Vân (1866 – 1916) người làng Tư Phú, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, cùng quê với các danh nhân Hoàng Diệu, Phạm Phú Thứ...

Tuy không theo đòi cử nghiệp nhưng Trần Cao Vân vẫn được coi là một người văn chương lỗi lạc. Ông cùng Võ Trứ đề xướng học thuyết Trung Thiên Dịch (tức một Kinh Dịch mới) được nhiều tín đồ theo học, song bọn quan cai trị lại khép ông vào tội... xúi dân làm loạn. Năm 1909, ông bị đày khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Năm 1915 được tha, ông cùng vua Duy Tân, Thái Phiên và một số đồng chí khác lập kế hoạch khởi nghĩa chống Pháp. Việc bại lộ, ông bị Pháp xử tử ngày 17–5–1916.

http://sachviet.edu.vn

THEO GƯƠNG LÊ LAI THUỞ TRƯỚC

Trần Cao Vân và Thái Phiên được *Việt Nam Quang Phục hội* (do Phan Bội Châu sáng lập) cử đến gặp vua Duy Tân thuyết phục ông vua có tinh thần yêu nước chống Pháp này làm cuộc khởi nghĩa. Nhà vua chấp thuận, và cuộc khởi nghĩa dự kiến sẽ nổ ra vào tháng 5–1916.

Nhưng không may kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ. Cả vua Duy Tân lẫn Trần Cao Vân, Thái Phiên đều bị Pháp bắt.

Hai nhà cách mạng không lo đến tính mạng của mình đang như ngàn cân treo sợi tóc mà chỉ lo cho số phận của vua Duy Tân.

Trần Cao Vân đã kín đáo từ trong ngục gửi một câu đối ra cho Thượng thư Hồ Đắc Trung, người được cử lập bản án luận tội nhóm lãnh đạo khởi nghĩa, nhằm đánh vào lương tri của một kẻ làm tay sai cho giặc nhưng có thể chưa mất hết bản chất của một nho sĩ:

Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai võng lọng là ai? Thử để cô thần tử biệt;

Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho thánh thượng sinh toàn.

Có nghĩa là Trần Cao Vân đề nghị mình được xử chết, để vua Duy Tân được sống!

Hồ Đắc Trung đọc đôi câu đối lạ lùng, không thể không cảm kích trước một tấm lòng trung liệt

http://sachviet.edu.vn

nhường bao. Hành động chịu chết thay cho vua của Trần Cao Vân nào khác gì hành động của Lê Lai cứu chúa thuở xưa?

Diệu kì thay! Từ địa vị đối thủ của Trần Cao Vân, Thượng thư Hồ Đắc Trung đã bị người chí sĩ cách mạng cảm hoá. Ông bèn tìm mọi cách thực hiện nguyện vọng hi sinh cao cả của Trần Cao Vân, để cứu bằng được tính mạng vua Duy Tân. Trong lúc soạn bản án, ông lập luận rất khéo khiến vua Duy Tân từ địa vị người chủ xướng trở thành người đóng vai trò thụ động:

Hà Trung mạch nhạn, Ngự Lĩnh kê thang, thừa dư chi thử phong trần, giai như bối vi chi nghiệt dã!

(Ăn cơm nếp ở Hà Trung, ăn cháo gà ở Ngự Lĩnh, vua phải dãi dầu gió bụi như thế, đều do bọn kia gây ra cả).

Nhờ lí lẽ đó mà bọn thực dân Pháp, mặc dù rất căm ghét vua Duy Tân, muốn trừ khử ông mà không thực hiện được.

BÀI THƠ TUYỆT MỆNH

Vốn là một trong "tứ hùng" văn chương đất Quảng, trước ngày bị hành hình, Trần Cao Vân đã thể hiện một khí phách hào hùng, một tấm gương tuẫn nạn chói lọi cho đời sau noi theo. Bài thơ tuyệt mệnh của ông gửi lại hậu thế là một bản *chính khí ca* sẽ trường tồn với càn khôn, với đất nước:

Trung lập càn khôn bất ý thiên,

http://sachviet.edu.vn

Việt Nam văn vật cổ lai truyền.
Quân dân cộng chủ tinh thần hội,
Thần tử tôn châu nhật nguyệt huyền.
Bách Việt sơn hà vô Bạch Sĩ[1]
Nhất xang trung nghĩa hữu thanh thiên.
Anh hùng để cục hưu thành bại,
Công luận thiên thu phó sử biên.

(Đứng giữa càn khôn thế chẳng dời,
Việt Nam văn vật tự bao đời.
Vua dân chung dạ tinh sao hội,
Tôi tớ bền lòng nhật nguyệt soi.
Đất Việt dẫu không còn Bạch Sĩ,
Khí trung kia vẫn ngập bầu trời.
Anh hùng sá kể cơn thành bại,
Sử sách ngàn thu chép rạch ròi).

(Nguyễn Văn Bính *dịch*)

---

[1] Bạch Sĩ: tên hiệu của Trần Cao Vân.

http://sachviet.edu.vn

4

NGUYỄN CAO

Nguyễn Cao, người làng Cách Bì tỉnh Bắc Ninh, đỗ giải nguyên năm 1867. Ông từng giữ nhiều chức quan như tri huyện Yên Dũng, tri phủ Lạng Giang, bang biện quân vụ, bố chánh Thái Nguyên, Bắc Kì tán lí quân vụ. Khi triều đình Huế kí hoà ước bán nước cho thực dân Pháp, ông treo ấn từ quan tỏ thái độ phản đối quyết liệt. Sau đó, ông hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, theo Nguyễn Thiện Thuật ở Bãi Sậy mộ nghĩa binh huấn luyện chiến thuật du kích lập căn cứ chống Pháp. Dưới quyền chỉ huy của ông, nghĩa quân gây cho Pháp nhiều tổn thất lớn.

CÁI CHẾT OANH LIỆT ĐỂ TIẾNG THƠM MUÔN ĐỜI

Sau nhiều tổn thất nặng nề, giặc Pháp quyết tâm huy động toàn lực lượng để tiêu diệt nghĩa quân Bãi

http://sachviet.edu.vn

Sậy. Đại binh của Pháp phối hợp với các toán quân của các tên Việt gian Hoàng Cao Khải, Lê Hoan xiết chặt vòng vây Bãi Sậy, dùng hoả lực nã liên tiếp vào căn cứ. Nghĩa quân trụ không nổi. Chủ tướng Nguyễn Thuật Thuật phải lánh lên mạn Thái Nguyên rồi sang nương náu bên Trung Hoa. Nguyễn Cao bí mật trở về làng Kim Giản, phủ Ứng Hoà (gần Hương Sơn) dưới lốt của sư cụ chùa Kim Giản và mở trường dạy học chờ cơ hội phục thù.

Bọn Pháp cho tay sai dò tìm tung tích của ông, cho quân đến bao vây và bắt ông giải về Hà Nội.

Lúc đầu bọn thực dân dùng lời lẽ đường mật dụ dỗ ông ra làm việc với chúng, song ông khẳng khái cự tuyệt. Một tên Pháp vặn lí ông:

– Ông chống lại lệnh của vua ông (tức Đồng Khánh, tên vua bù nhìn do Pháp dựng lên), trái đạo và làm loạn, chống lại nhà nước bảo hộ, làm dân chúng khổ sở vì chiến tranh. Bụng dạ ông xấu như vậy mà không biết hối cải thì ông chỉ chuốc lấy cái chết mà thôi!

Nguyễn Cao nổi giận quát:

– Vua ta chính là Hàm Nghi đang xuống chiếu Cần Vương đánh đuổi giặc chứ có phải là tên vua bù nhìn Đồng Khánh đâu? Bọn mi đi cướp nước người mới chính là lũ xấu bụng!

Không lung lạc được tinh thần ông, bọn giặc bèn mang các khí cụ tra tấn ra định doạ nạt. Nguyễn Cao cười khẩy:

http://sachviet.edu.vn

– Bọn mi tưởng tao sợ chết hay sao? Tao sẽ tự xử cho bọn mi xem!

Nói xong, Nguyễn Cao rút ra một con dao đâm thủng bụng mình và lấy tay móc ruột ra thành một đống trước mặt bọn giặc khiến chúng kinh hồn táng đởm. Chúng vội vàng mang ông đi nhà thương cấp cứu. Nhưng khi tỉnh lại, ông liền cắn lưỡi tự tử chết.

Bọn Pháp cố bưng bít cái chết oanh liệt của Nguyễn Cao, bèn bày một vở kịch, tuyên bố rằng chúng vừa bắt được ông, hành hình và mang bêu đầu ông ở khu đất gần hồ Hoàn Kiếm (cạnh phố Hàng Đào).

Thế nhưng bọn Pháp đã lầm to, nguồn tin chính xác về cái chết cực kì anh dũng của Nguyễn Cao từ nhà tù loang ra như một cơn bão lốc và đã đến với tất cả dân chúng Hà Nội. Quần chúng tự động tổ chức đám tang cho ông rầm rộ bất chấp giặc ngăn cản.

Hoàng loạt bài điếu, bài phúng, câu đối, thơ ca... đã ra đời ca ngợi cái chết làm rạng danh khí phách giống nòi đó, như:

Thệ tâm thiên địa phi trường xích,
Thiết xỉ giang san mãn thiệt hồng.
(Lòng trung, ruột đỏ phơi trời đất,
Răng nghiến, lưỡi hồng phủ núi sông.)

(Kiều Văn *dịch*)

Nhà chí sĩ Dương Bá Trạc cũng cảm kích viết một bài thơ đề vịnh gương tiết liệt của Nguyễn Cao:

http://sachviet.edu.vn

Trời đất chông gai hết vẫy vùng,
Còn đem một chết tạ non sông.
Kinh luân cuốn lại con dao bạc,
Danh tiết phơi ra giọt máu hồng.
Hồn nước gọi về dân ngũ tỉnh,
Tiếng thơm cùng thọ miếu song trung.
Chết mà được việc hơn bao sống,
Gian hoá nên ngay, nhát hoá hùng.

http://sachviet.edu.vn

5

THI ÔNG, TIÊN ÔNG

Ưng Bình Thúc Gia Thị[1] (1877–1961) dòng dõi hoàng tộc nhà Nguyễn, cháu nội của nhà thơ Miên Trinh Tuy Lí Vương. Ông uyên thâm Hán học, giỏi Nôm, am hiểu tiếng Pháp (từng chuyển thể tác phẩm kịch cổ điển nổi tiếng *Le Cid* của Corneille thành tuồng *Lộ Địch*). Ông làm quan trong triều Nguyễn (thăng tới hàm thượng thư) nhưng đời chỉ biết và nhớ đến ông như một thi ông và một tiên ông "giáng thế" giữa một thời buổi tao loạn và nhiễu nhương khi đất nước mất dần vào tay thực dân Pháp.

Ông đã "tự hoạ chân dung" mình như sau:

Vĩ Dạ thôn có lão vương tôn Thúc Gia,
Ưng ca, ưng hát, ưng giã gạo hò khoan.
Ham vui điệu cổ thi đàn,
Nghe câu tuyệt xướng, dẫu muôn vàng
cũng mua!

---

[1] *Ưng* Bình là tên, Thúc *Gia Thị* là hiệu.

http://sachviet.edu.vn

Cái chất thi nhân đậm đà của ông có lẽ rất gần với Bạch Cư Dị, tác giả *Tì bà hành*. Nếu thi nhân đời Đường say mê ngón đàn của người ca nữ bến Tầm Dương và thương cảm nàng đến nỗi:

Lệ ai chan chứa hơn người?
Giang Châu tư mã đượm mùi áo xanh...

thì thi nhân Ưng Bình cũng không giấu giếm tấm tình nồng hậu của ông với các nàng ca nữ – những "đoá hoa đời" mà hương sắc là văn chương, xoang điệu và tình yêu:

Dưới nguyệt vơi vơi một chén đồng,
Non vàng không đổi mối tình chung.
Bút nghiên ai đó đừng đen bạc,
Son phấn, tôi đây vẫn mặn nồng!

Ưng Bình đã vén bức màn và cho thấy cái sinh hoạt "bề trong" của giới tao nhân nghệ sĩ xứ sở sông Hương núi Ngự. Ắt hẳn đối với ông, đó đích thị là phần thưởng rất "cao giá" của Thượng Đế. Chính vì vậy, ông đã hào phóng trọng thưởng cho bạn tri âm là hai cô đào trẻ đẹp, tài hoa:

Giá ngọc treo cho đào Hữu Hạnh,
Nhà vàng dựng để kép Phương Lan.

Ưng Bình quả là người sành điệu thưởng thức những thứ rượu hảo hạng nhất trên đời!

Nhờ tâm hồn thi nhân cực kì tinh tế và nhạy cảm mà Ưng Bình khám phá được những "ý" những "tình", những "duyên" bí ẩn trong thế giới tạo vật. Xưa Trang Chu mơ thấy mình hoá bướm, và lúc đó ông tự hỏi "không biết mình là bướm hay là người?".

http://sachviet.edu.vn

Dù bướm hay người thì cũng đều là tạo vật, mà vạn vật là nhất thể, có khác gì nhau?

Bởi thế, thi nhân nhìn hoa hải đường ra Dương Quý Phi:

Biết mình đây đã có quân vương,
Giấc ngủ Dương Phi đẹp khác thường!

Nhìn con bọ rầy trong nhuỵ đoá hoa hoá một gã tình nhân nằm trong lòng tình nương:

Con rầy cũng một giống hoa tinh,
Kiếp trước không tu, phải hiện hình,
Nằm giữa nhuỵ hoa đêm đến sáng,
Yêu hoa, nó lại giỏi hơn mình!

Thực đúng là thứ ý nghĩ của "giống đa tình"!

Thi nhân còn quan sát và phát hiện ra một "tay chơi", hay đúng hơn, một "tình địch" khác:

Mình yêu hoa, nó cũng yêu hoa,
Ngộ nghĩnh cho con "bướm bướm bà"[1]
Chậu cúc của mình hương ướm trổ,
Liệng vòng chơi, nó đã bay qua...

Cái sự "vạn vật nhất thể" ấy còn được minh chứng bởi một lần có con bướm đã lầm, không phân biệt được thi nhân Ưng Bình với cỏ cây hoa lá:

Tội nghiệp cho con bướm bướm bà,
Quanh vòng cứ liệng mãi theo ta.

---

[1] Dân gian gọi là *bướm bướm bà* nhưng thực ra gã là một *chàng si* chính cống!

http://sachviet.edu.vn

Huê râm mái tóc, chòm râu bạc,
Nó ngỡ cành lau, ngỡ đoá hoa?

Nó ngỡ cành lau, ngỡ đoá hoa,
Hay đâu tướng mạo của ông già.
Nó lầm, tôi cũng thương cho nó,
Thương nó, không đành tẽ nó ra!

Chao ôi! Ưng Bình hay Ức Trai tiên sinh tái hiện chăng?[1]

CON NGƯỜI TÂM PHẬT

Lòng nhân từ là bản tính tự nhiên của loài người, nhưng chỉ ở những con người như Ưng Bình Thúc Giạ Thị, lòng nhân từ mới kết tinh thành một bản sắc nồng hậu, mãnh liệt và nhạy cảm đến thế.

Một hôm có một chị gánh chè bán dạo đi vào sân nhà cụ Ưng Bình để mời mua. Sau cơn mưa, sân gạch hãy còn ướt và trơn. Chị hàng chè chẳng may trượt chân ngã sóng soài, gánh chè đổ lênh láng ra sân. Cảnh tượng lạ mắt đó khiến cô cháu gái hôm ấy đến chơi bất giác bật cười. Cụ Ưng Bình bèn nghiêm nét mặt và la cháu:

– Ô kìa! Sao cháu không mau ra đỡ chị ấy dậy rồi giúp chị dọn dẹp chỗ chè bị đổ, mà lại đứng cười như thế? Ồ, con nhỏ này như vậy là không được, như vậy là ác dấy con ạ!

---

[1] Nguyễn Trãi có câu thơ: *Âu, lộ cùng ta dường có ý, Đi đâu thì thấy nó đi theo.* (Âu, lộ: chim âu, chim cò).

http://sachviet.edu.vn

Cô cháu gái chợt nghe ra rồi cùng chị Hỉ Khương (con gái cụ Ưng Bình) chạy ra sân đỡ chị hàng chè dậy và giúp chị dọn dẹp. Vừa tiếc gánh hàng vừa buồn vì một ngày xui xẻo, chị hàng chè nước mắt vòng quanh. Cụ Ưng Bình từ trong nhà đi ra bảo chị bằng một giọng hiền từ:

– Gánh chè của con độ bao nhiêu, ông cho tiền, đừng khóc nữa!

Chị hàng chè chợt mừng rỡ và đôi mắt chị ráo hoảnh với một nụ cười: thì ra hôm nay chị gặp được một vị Bồ Tát sống đã an ủi chị và xoá tan sự xui xẻo cho chị!

Một hôm cụ Ưng Bình có việc ra Bến Cạn để đi đò sang sông. Một bà xuống đò tay xách một xâu ếch, con nào con nấy bị trói thắt ngang bụng. Cụ Ưng Bình trông thấy bèn bảo:

– Bà ơi, bà nên cởi cái dây thả mấy con ếch xuống sông cho nó lội!

Bà kia liền cự lại:

– Ủa, ông cụ này tức cười quá. Người ta vất vả mới bắt được mấy con ếch để bán, cụ lại xui thả nó xuống sông là sao?

Lúc ấy người chèo đò biết ý cụ Ưng Bình, bèn khuyên bà ta:

– Bà cứ làm theo lời cụ dạy đi, rồi cụ sẽ cho tiền lại chứ có sao đâu?

Sau một giây ngỡ ngàng, bà bán ếch lấy con dao cắt đứt sợi dây buộc và thả hết lũ ếch xuống sông. Lũ ếch thoát nạn vội vàng bơi phóng bạt mạng trên

http://sachviet.edu.vn

làn nước.

Nhìn cảnh ấy, trên môi cụ Ưng Bình bỗng nở một nụ cười mãn nguyện, rồi cụ lấy tiền trả cho bà bán ếch theo giá bà yêu cầu. Bà ta cầm tiền rồi mà còn chưa hết ngỡ ngàng: bà đâu biết rằng cụ già kia đang làm một sự... "nhất cử lưỡng tiện", vừa mua hết món hàng cho bà, vừa trả lại cuộc sống tự do cho lũ ếch?

Một lần cụ Ưng Bình thuê một chiếc đò để dạo chơi trên sông Hương. Trong đò lúc ấy có một người đàn bà ôm một con chó nhỏ rất đẹp, miệng xuýt xoa:

– Ôi, con chó này mới dễ thương làm sao! Nuôi mày độ hai ba tháng nữa mà thịt ăn thì khỏi chê!

Cụ Ưng Bình giật mình quay sang hỏi:

– Bà nuôi chó để mai mốt ăn thịt nó sao?

– Dạ thưa cụ, cháu nuôi con chó này để mai mốt làm thịt. Thịt chó ngon và bổ lắm cụ ạ!

– Bà ơi, con chó dễ thương và đẹp quá. Bà hứa với tôi một tiếng là sẽ nuôi nó giữ nhà, đừng bao giờ làm thịt nó. Tôi sẽ đền bà một số tiền để mua những thức ăn khác. Nhớ là đừng bao giờ làm thịt con chó này nghe!

Những lời nói thấm đượm lòng nhân từ ấy của cụ già khiến người đàn bà sực tỉnh và nhận ra rằng những ý nghĩ của mình đối với con chó nhỏ thật là tàn ác. Như một người biết hối hận, bà ta cuống quýt thưa:

– Dạ, con xin vâng lời cụ!

Ngay sau đó, cụ Ưng Bình đưa cho người đàn bà mấy đồng bạc để đi chợ.

http://sachviet.edu.vn

MỘT CÁCH HÀNH LẠC ĐẦY TRÍ TUỆ

Phàm những ai đã có tư chất hơn người thì hành vi cũng mang màu sắc trí tuệ và có nhiều nét độc đáo khác người. Ưng Bình chắc hẳn là người có "tiên cốt" nên mùa xuân năm Tân Mão (1951) nhân chuẩn bị lễ chúc thọ tuổi 75 của ông, ông bỗng nêu ra một sáng kiến:

– Sao không làm thơ điếu lúc (tôi) còn sống, như thế (tôi) mới thưởng thức được hết chứ?

Sáng kiến tuyệt vời của nhà thơ liền được thi hữu khắp nơi nhiệt liệt tán đồng.

Hương Bình thi xã đứng ra tổ chức buổi lễ "sanh điếu" (điếu sống – tựa như "tế sống"). Các thi xã khác như *Diêu Trì thi xã* (Sài Gòn), *Liên Thành thi xã* (Phan Thiết) cùng bạn thơ ở Quảng Trị, Đà Nẵng, Nha Trang... đều có thơ gửi tới mừng "sanh điếu"! Vì "điếu sống" nên dĩ nhiên có chỗ khác với "điếu chết". Một bài văn "tế sống" của Thảo Am Nguyễn Khoa Vị đã "gãi đúng chỗ ngứa" của Ưng Bình: không chút bóng dáng của bi ai sầu não, trái lại, tràn đầy lạc thú của một cuộc sống trần gian:

Kẻ câu thơ, người câu đối, văn chương khác
thể gấm thêu,
Kìa sắc đỏ, nọ sắc xanh, phên vách nhuốm
màu vóc nhiễu.
Bạn bè lui tới, nghe ngâm nga nào có nghe than?
Con cháu vô ra, thấy vui vẻ mà không thấy mếu.
Ba bốn tỉnh làm quan thanh bạch, vàng thoi
bạc nén không dư,
Mấy mươi năm vui thú giang hồ, gió mát

http://sachviet.edu.vn

trăng thanh nỏ thiếu...
Bàn bàn, tiệc tiệc, ngạt ngào hương rượu cúc,
trà sen,
Hát hát, ca ca, tươi tốt sắc má đào mày liễu.
Khi sống, thử làm khi chết: cụ ưng chơi mà
họ chẳng dám chơi...

Một đôi câu đối hết sức dí dỏm của Hương Bình thi xã được đọc khi các đào nương đến.. điếu:

Cô Huệ, cô Na đương học dở kép đào, họ quyết
yêu cầu thầy ở lại;
Ông Lí ông Đỗ dẫu ngứa nghề ngâm vịnh,
ai cho nghinh tiếp cụ về chơi?

Ngoài ra là bao nhiêu thơ ca chúc tụng bậc "địa trung tiên" (tiên trên mặt đất) đã thần tình mượn chuyện "chết" để biến thành cuộc hội vui hoan lạc và giàu ý nghĩa nhất của "cuộc sống"! Một bài thơ hay của một thi hữu giấu tên đã khiến "tiên ông" rất lấy làm tâm đắc:

Thọ bảy mươi lăm, Phật ở đời,
Vui khi còn sống điếu mà chơi.
Con dâng lễ cúng hầu ban chuyện,
Bạn viết văn ai đến chọc cười.
Xót mắt bụi trần chưa nỡ nhắm,
Nóng lòng vận nước để chờ coi.
Hoàng gia nguyên lão còn không mấy,
Dưới đất văn chương nỏ thiếu người.

Và lẽ đương nhiên, những vần thơ sảng khoái đã tràn ra từ tâm hồn đầy hạnh phúc của tiên ông:

Xuân phong vô dạng,
Mình còn đây mà liễn điếu bạn đi đây.
Xanh xanh đỏ đỏ chưng đầy,

http://sachviet.edu.vn

Hàng Nhật có, hàng Âu Tây cũng có.
Ngâm luật ngôn ngôn giai cẩm tú,
Ca trù tự tự cẩn châu ki.[1]
Những câu ca câu đối lại siêu kì,
Thiệt chết cũng e khi mừng sống lại.
Huống thử bạch đầu xuân tự tại,
Bảy mươi lăm xuân hãy còn xuân.
Ngỏ lời tạ đấng văn nhân.

CÂU HÒ GỬI GẤM TÂM SỰ YÊU NƯỚC

Trong kho tàng các câu hò xứ Huế, nổi lên một bài hò của thi gia Ưng Bình Thúc Gia Thị mà rất nhiều người biết đến:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông.
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non...

Một câu hò lai láng một nỗi sầu tư thầm kín mà thấm thía, nghe tựa như một khúc bi ca thương khóc non sông.

Câu hò ấy đã vang vọng trên sông nước Hương Giang, đã đi vào lòng của những người yêu thơ ca như thể những vần ca dao. Tuy nhiên ít ai biết nội dung của những câu hò ấy nói đến chuyện gì. Người ta chỉ cảm được cái hồn thơ, cái tâm sự chất đọng trong đó những vấn hồ nghi thắc mắc như với một huyền

---

[1] Hai câu này nghĩa là: *Thơ Đường luật thì mỗi lời đều như gấm, thơ ca trù thì từng chữ đều như dát ngọc.*

http://sachviet.edu.vn

thoại từ xa xưa...

Sau này chính cụ Ưng Bình đã nói cho người con gái của mình là Tôn Nữ Hỉ Khương về bí mật của những câu thơ ấy: nhân vật "ai" ở dây chính là vua Duy Tân giả dạng thường dân ra ngồi câu cá ở bến Phu Văn Lâu để bí mật gặp các chí sĩ cách mạng của *Việt Nam Quang Phục hội* là Trần Cao Vân và Thái Phiên, cũng giả là người đi câu, cùng nhau bàn bạc về kế hoạch khởi nghĩa chống Pháp.

Thì ra tâm sự ưu uất của nhà vua yêu nước đã khiến tâm hồn nhà thơ xúc động biết chừng nào!

XỬ THẾ THEO THUYẾT TRUNG DUNG

Khác với những nhân vật cực đoan như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Phan Đình Phùng, Hàm Nghi, Duy Tân..., Ưng Bình Thúc Gia Thị, giống như Đào Tấn và Tản Đà, đã xử thế theo phương pháp *tuỳ thời thủ trung* (tuỳ thời đại mà giữ ở mức trung, không cực đoan). Nhưng một vấn đề lớn được đặt ra: *thủ trung* như thế nào để nhân cách khỏi tầm thường, khỏi bị tha hoá, điếm nhục và cao hơn nữa, để vẫn khẳng định được chân giá trị nổi bật của mình trong đời và lưu danh lại cho hậu thế?

Bằng sự minh triết riêng, Ưng Bình đã giải mã được vấn đề hóc búa đó, vạch ra một cách rõ ràng dứt khoát cách xử thế của mình qua hai câu thơ:

Cái nợ tang bồng thân phải gánh,
Tấm gương ngay thảo dạ thường soi.

Trước hết ông hoàn thiện mẫu mực của một thi

http://sachviet.edu.vn

nhân đích thực, giống như Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du trước kia hay Tản Đà (sống cùng thời với ông). Cả ngàn bài thơ khắc hoạ hình ảnh của một thi nhân cao khiết, chất đọng tâm sự đau nước đau nòi, chất đọng lòng thương yêu con người, thương yêu rộng tới cả muôn loài, thiết tưởng cũng là một sự nghiệp thi ca đẹp đẽ. Thơ Ưng Bình không dữ dội, không cấp tiến, không nhiều chất thép, hơi cổ, nhưng luôn sáng ngời một cốt cách cao thượng:

Việc đời

Kể từ năm Dậu (1945) *đến năm nay,*
Xuân lại xuân qua cũng thế này.
Trắng đỏ cuộc cờ đi đủ nước,
Xanh vàng mối chỉ nhuộm nhiều tay.
Hoa vườn thượng uyển không ai ngắm,
Rượu chốn sa trường có kẻ say.
Hàng lệ non sông rơi đã khắp,
Tấm lòng trời đất rõ chăng đây!

hoặc:

Sông Vị ngồi câu vuốt chòm râu Lữ Vọng,
Lên dù xuống võng đã phá tan giấc mộng
phiền ba.
Nghêu ngao vui thú yên hà,
Tám mươi xuân vẫn đượm đà với xuân...

Nhưng có lẽ điều đặc sắc hơn cả ở Ưng Bình là cái phong cách "tuy sống chung với thói đời mà không lẫn với thói đời" *(hoà nhi bất đồng, hoà nhi bất lưu)*, giống hệt như hoa sen tuy sống trong đầm mà không bợn mùi bùn. Ông thừa biết mình chỉ là một vai tuồng trong tấn

http://sachviet.edu.vn

trò thế sự mà uy danh của nhà Nguyễn đã đến hồi tàn tạ, hết thiêng! Biết thế nhưng không thể làm gì hơn, ông giữ một thái độ gần như chán chường với nghề làm quan, nhất là với trò hề danh lợi. Và ông sáng suốt tìm về với nhân dân, với cái đẹp truyền thống bất hủ của văn hoá dân tộc, của tình người, của đạo đức. Nhiều khi người ta nhận ra rằng, tuy thân ông bị ràng buộc trong cuộc cờ thế sự mà hồn ông thì dường như đã... tếch nẻo xa, thậm chí đã hướng vọng về phương trời Tây Trúc để tiêu dao, thoát tục:

Khai bút đầu xuân

Ngưỡng mong ơn Phật với ơn Trời,
Tuổi thọ nay đà đến bảy mươi.
Rượu có mùi hương nên uống mãi,
Thi là thuốc bổ cứ ngâm chơi.
Thuở ra sân khấu không làm rộn,
Khi hạ vai tuồng ít hổ ngươi.
Giở tấm gương vàng soi tóc bạc,
Sương pha tuyết điểm lại càng tươi.

Rõ ràng Ưng Bình Thúc Gia Thị không lúc nào nhầm lẫn *chân* với *giả*, *thực* sin*h* với *hư sinh*, không lúc nào đánh mất mình để trở thành một con rối của một thời cuộc... rối. Chính điều đó, phải, chính điều đó – hơn là tài nghệ và dòng dõi "con vua cháu chúa" của ông – đã khiến ông được cả người đương thời lẫn những kẻ hậu sinh trân trọng.

(Các giai thoại trên được viết trên cơ sở tài liệu rút từ sách "Hồi ức về cha tôi.." *của Tôn Nữ Hỉ Khương).*

http://sachviet.edu.vn

6

TRẦN QUÝ CÁP

Trần Quý Cáp (1870 – 1908) quê thôn La Thái, làng Bát Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tư chất thông minh, thi Hội và thi Đình đều đỗ cao (thứ nhì). Sống giữa thời buổi "gió Âu mưa Mĩ", tiếp tục tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản quốc tế, Trần Quý Cáp cũng như các chí sĩ cách mạng khác (Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...) dấn mình vào phong trào cách mạng nhằm duy tân đất nước, tiến tới lật đổ ách xâm lược của thực dân Pháp. Ông là nhân vật tiên khu đắc lực trong công cuộc truyền bá chữ quốc ngữ, nâng cao dân trí, cổ lệ quốc hồn quốc tuý. Bọn thực dân và tay sai thấy ông là một kẻ thù nguy hiểm đã vu cáo, kết án tử hình ông.

CÂU ĐỐI LÀM HỘ 12 NGƯỜI VỢ GOÁ

Khi còn đi học, một hôm Trần Quý Cáp đi xa lỡ độ đường đành phải vào một cái miếu đang diễn ra một

http://sachviet.edu.vn

cuộc cúng tế, để xin cái ăn cho đỡ đói lòng. Trong miếu có 12 bà vợ goá của 12 ông chồng làm nghề đánh cá chẳng may bị bão, bỏ mạng ngoài khơi. Miếu này do các bà chung nhau lập ra để thờ chung các ông chồng. Các bà vui lòng giúp cậu học trò ăn uống no nê. Trần Quý Cáp cảm ơn rồi đáp lại bằng cách viết cho họ một đôi câu đối thờ trong miếu như sau:

Chích bóng gương loan, một thảm, một sầu,
mười bức tức;
Gãy con chèo quế, ba chìm, ba nổi,
sáu lênh đênh.

Câu đối dán lên cột miếu. Bất kì văn nhân sĩ tử nào đọc đến cũng phải phục sát đất. Vế trên nói rõ cảnh goá bụa của 12 người vợ, thật là khổ não. Vế dưới tả cảnh gặp nạn ngoài khơi của 12 ông chồng, thật là bi thương! Lời văn lại càng tài: tất cả đều là thành ngữ và tục ngữ!

CÂU ĐỐI MỪNG TIẾN SĨ

Trần Quý Cáp thi cử nhân thì khó, mà thi Hội và thi Đình lại đỗ cao một cách khá dễ dàng và thú vị:

Thi Hội đỗ thứ hai, dưới Huỳnh Thúc Kháng, trên Đặng Văn Thuỵ.

Thi Đình cũng đỗ thứ hai, trên Huỳnh Thúc Kháng, dưới Đặng Văn Thuỵ.

Vì lẽ đó mà bạn ông là Đào Nguyên Phổ đã có câu đối mừng như sau:

http://sachviet.edu.vn

Tố tiến sĩ vi dị, tố cử nhân vi nan,
ức ức dương dương vô phi tạo vật;
Áp Huỳnh Thúc ư Đình, áp Đặng Văn ư Hội,
vinh vinh quý quý, hà tất khôi nguyên.

(Đỗ tiến sĩ thì dễ, đỗ cử nhân thì gay,
nén xuống dương lên, khôn qua trẻ Tạo;
Lấn Huỳnh Thúc ở Đình, lấn Đặng Văn
ở Hội, vinh này quý ấy, lọ đậu đầu khoa!)

(Vũ Ngọc Khánh *dịch*)

SỐNG HÀO HÙNG, CHẾT OANH LIỆT

Bằng học vấn, tài năng và nhiệt huyết cách mạng sục sôi, Trần Quý Cáp trở thành linh hồn của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, duy tân đất nước ở Quảng Nam. Ông đi khắp đó đây diễn thuyết trước quần chúng và ở đâu ông cũng được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh, ngưỡng mộ như với một vị lãnh tụ. Có người hỏi ông:

– Tại sao ông lại chọn phương pháp diễn thuyết?

Ông trả lời:

– Muốn khai trí cho dân có ba cách: mở trường học, lập báo chí, và diễn thuyết. Song trường học ngày nay chỉ là trường học trâu ngựa, báo chí thì chỉ để ngu dân, không hi vọng gì vì người Pháp nắm giữ hết cả. Vậy chỉ còn có diễn thuyết mà thôi. Lưỡi tôi bị cắt thì thôi, nếu không thì lưỡi tôi vẫn thuộc quyền của tôi. Tôi nói theo ý chí của tôi, không thể lấy đầu tôi mà hòng thay đổi lưỡi của tôi được!

http://sachviet.edu.vn

Để tách ông khỏi quần chúng ngưỡng mộ ông ở Quảng Nam, nhà cầm quyền đã điều ông thôi làm giáo thụ ở Quảng Nam, đến dạy học ở Khánh Hoà. Đến năm 1908, bỗng tại Quảng Nam nổ ra vụ chống thuế đầu tiên. Trần Quý Cáp tiếp được một bức thư từ quê nhà gửi ra báo cái tin sốt dẻo và cực kì đáng phấn chấn ấy. Ông quá đỗi vui mừng bèn lấy bút viết ngay một câu

Ngô dân thử cử, khoái, khoái, khoái!
(Dân ta làm thế, sướng, sướng, sướng!)

Không may tờ giấy ghi mấy chữ ấy đã bị tay sai thực dân lấy trộm và lọt vào tay tên Tuần phủ Khánh Hoà là Phạm Ngọc Quát. Y bèn cho lính khám nhà ông, chỉ thấy có một bản đồ thế giới và một cuốn *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu.

Muốn trừ khử một lãnh tụ phong trào cách tân và tâng công với thực dân Pháp, tên Quát hạ lệnh tống ngục Trần Quý Cáp, làm bản án luận tội, và kết luận: "Tuy việc phản chưa hình thành nhưng lòng phản đã sẵn. Với tội trạng này của Trần Quý Cáp, nghĩ nên xử chém để răn bọn mưu phản".

Đề đạt của tên tay sai đã được bọn thống trị duyệt y. Trần Quý Cáp bị xử chém tại làng An Phú ngày 17–5–1908.

Ông đã đối diện với cái chết như một đại anh hùng tuẫn nạn. Sắc mặt vẫn hồng tươi, ông đĩnh đạc tiến lại trước hương án lạy về phương bắc năm lạy, nói:

http://sachviet.edu.vn

– Quý Cáp bất tài, không giúp được một tay cho nước, cho dân. Đồng bào lầm than chưa biết đến bao giờ mà tôi đã thoát khổ, thật là có tội. Xin lấy chết tạ tội.

Vụ án mờ ám giết một người con ưu tú của đất nước đã làm các sĩ phu và quần chúng nhân dân sôi sục phẫn nộ.

Ở hải ngoại, Phan Bội Châu – đồng chí của Trần Quý Cáp – đã đau đớn vô cùng, viết đôi câu đối thống thiết:

Văn hựu văn thị tai! Thiên địa phong trần liên
thế biến;
Bi mạc bi hồ thử! Giang sơn hào hiệp
kỉ nhân tồn?

(Nghe lại nghe mà đau, trời đất phong trần
đầy sự biến;
Buồn nào buồn đến thế, nước non hào kiệt
mấy người còn?)

(Kiều Văn *dịch*)

http://sachviet.edu.vn

7

TĂNG BẠT HỔ
NHÀ CHÍ SĨ DỌC NGANG TRỜI ĐẤT

Tăng Bạt Hổ (Tăng Doãn Văn, 1858 – 1908) người quận Hoài Nhơn tỉnh Bình Định. Ông là một chí sĩ đứng ở hàng đầu trong phong trào Cần Vương chống Pháp tại Bình Định. Tuy thất bại nhưng không hề thoái chí, ông cho rằng con đường cứu nước là con đường thiên lí, cho nên thua keo này ông lập tức bày keo khác. Và ông đã bày không biết bao nhiêu "keo", cho đến khi trút hơi thở cuối cùng.

Trong ngót 20 năm trời, ông đã hoạt động như một anh hùng "chọc trời khuấy nước", luôn bôn ba từ Việt Nam qua các nước Trung Hoa, Xiêm La, Nhật Bản, sang cả nước Nga, viết nên bao giai thoại làm nức lòng người.

Đầu năm 1887, cuộc khởi nghĩa Cần Vương tại Bình Định bị dập tắt, ông liền cùng một số đồng chí tìm đường ra nước ngoài tiếp tục mưu tính việc cứu

http://sachviet.edu.vn

nước. Đoàn nghĩa sĩ trên đường tìm sang Xiêm La, khi đến giữa đèo Dốc Đốt (đất giáp giới giữa An Khê và Bình Định) thì gặp ngay một con hổ chắn đường. Trước cảnh bất thường "cao sơn ngộ hổ", ông bèn ứng xử bằng cách nhìn thẳng vào mắt hổ mà đối thoại với nó rằng:

– Này chúa sơn lâm! Ta đi đây là vì đại nghĩa chứ không vì việc riêng tư. Xin chúa sơn lâm tránh sang bên để kẻ vong quốc này lên đường cho sớm!

Không biết chúa sơn lâm có hiểu những lời nói ấy không, nhưng có lẽ một linh tính mách nó rằng những người này không phải kẻ thù của nó, không hề có ý gây hấn, và họ đang có việc riêng phải đi qua đây! Chúa sơn lâm bèn lẳng lặng bỏ đi, nhường đường cho toán người vong quốc qua đèo vô sự! Cái tên Tăng... "Bạt Hổ" ra đời từ giai thoại này.

Trong năm 1887, Tăng Bạt Hổ qua Xiêm La (Thái Lan) một thời gian rồi sang Trung Hoa. Ở Quảng Đông và Quảng Tây, ông tìm cách kết liên các lực lượng yêu nước lưu vong. Ông gặp được tướng Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc (vốn là bạn chiến đấu của ông hồi Lưu đóng quân ở Sơn Tây, phối hợp với quân triều đình chống Pháp xâm lược ra Bắc Kì). Nhưng rồi nhận thấy không thể dừng cuộc hành trình cách mạng tại đất Trung Hoa, ông tìm đường sang Nhật Bản bằng cách xin làm thuỷ thủ dưới một tàu buôn.

Tại Nhật Bản ông đã "mở to cặp mắt", "căng to bộ óc" mà nhận thức cuộc canh tân kì diệu của đất nước này. Trong thời kì Minh Trị Thiên Hoàng (bắt

http://sachviet.edu.vn

đầu từ năm 1868), nước Nhật đang tiến theo con đường Âu hoá, chuyển mình thành một nước tư bản phú cường. Tăng Bạt Hổ nhận xét rằng: "Trào lưu châu Âu quay về châu Á".

Để tiếp thu hết tinh hoa của Nhật Bản, ông quyết định "hoá thân" làm một người Nhật: học tiếng Nhật thông thạo, lấy tên Nhật, đăng lính Nhật (hải quân). Nhờ tòng sự ở binh chủng hiện đại này, ông nắm được các tri thức về vũ khí, chiến lược, chiến thuật và các thao tác thuỷ chiến trên mặt biển. Tăng Bạt Hổ đã thực sự thành tài, được đồng đội người Nhật mến phục.

Vì nặng lòng căm thù bọn Tây dương nói chung, ông đã tình nguyện tham gia các trận thuỷ chiến ở Đài Liên, Lữ Thuận trong chiến tranh Nga – Nhật 1904. Do tinh thần chiến đấu cực kì dũng cảm, được thưởng huy chương quân công, trong ngày chiến thắng Lữ Thuận, ông vinh dự được dự bữa đại yến do Nhật hoàng đãi các tướng sĩ. Đỡ chén ngự tửu từ tay vua Nhật ban thưởng, ông uống một hơi cạn, lòng tưởng tới tình cảnh bi đát của nước nhà, ông xúc động khóc lớn giữa triều đình. Nhật hoàng hỏi, ông bèn thổ lộ:

– Tôi vốn không phải là người Nhật mà là người Việt Nam vong quốc. Sau khi thất bại trong việc chống Pháp, tôi trốn qua Xiêm, qua Trung Hoa rồi tới đây, may được bệ hạ tin dùng. Nay thấy quý quốc thắng Nga, làm vẻ vang cho giống da vàng, tôi nghĩ đến tình cảnh nước tôi mà không cầm được giọt lệ. Bao giờ dân nước tôi mới có được một bữa yến như

http://sachviet.edu.vn

bữa này của quý quốc!

Lời thổ lộ khảng khái của ông đã khiến mọi người dự yến hôm ấy động lòng cảm kích. Nhật hoàng khen ông là bậc chân ái quốc và tìm lời an ủi ông. Từ đó ông trở thành một chính khách Việt Nam được trọng đãi và ưu ái tại đất Nhật. Ông có quan hệ mật thiết với các nghị sĩ Khuyển Dương Nghị và Đại Ôi Trọng Tín và được họ hiến kế cứu nước: trước hết phải lo phát triển phong trào duy tân trong nước để nâng cao dân khí, dân trí. Phải gửi những thanh niên ưu tú sang Nhật để họ đào tạo giúp.

Tăng Bạt Hổ rất đỗi vui mừng, bèn xin phép không tham dự trận thuỷ chiến Đối Mã, lập tức trở về nước, tháng 10–1904 tới Hải Phòng. Ông vào Quảng Nam tìm gặp cụ Nguyễn Thành (hay Nguyễn Hàm) hiệu Tiểu La, sau đó gặp nhà ái quốc Phan Bội Châu và Kì ngoại hầu Cường Để quyết định khai sinh phong trào Đông Du. Năm 1905, chính ông đã đưa cụ Phan Bội Châu sang Nhật đặt cơ sở cho hoạt động Đông Du và cầu ngoại viện.

Năm 1905 ông từ Nhật về nước, đem theo bức thư *Khuyên thanh niên du học* của Phan Bội Châu để tuyên truyền khắp nước. Sau khi hội đàm với các chí sĩ Nguyễn Quyền (Huấn đạo Lạng Sơn) và Nguyễn Thượng Hiền, ông lại tìm gặp cụ Lương Ngọc Quyến ở số 4 Hàng Đào bàn kế hành động cứu quốc. Hai trí tuệ lớn đã gặp nhau: phải cử thanh niên sang nước ngoài học tập.

http://sachviet.edu.vn

Ngay buổi tiếp kiến ấy, hai người con trai của cụ Lương Văn Can là Lương Ngọc Quyến và Lương Nghị Khanh hăng hái xin tiên phong xuất dương du học. Tăng Bạt hổ cảm khái nói:

– *Phi thử phụ bất sinh thử tử* (không có cha này thì không thể có con này).

Từ đó, nhờ người hướng đạo Tăng Bạt Hổ mà thủ đô Đông Kinh (Tokyo) của Nhật Bản trở thành lò đào tạo các thanh niên du học, thành trung tâm hoạt động và gặp gỡ của các nhà ái quốc Việt Nam.

Chỉ tiếc rằng vì thời cục biến thiên nhanh chóng khôn lường mà đại sự chẳng bao lâu sau đã đi đến chỗ đổ vỡ.

Hoạt động sôi sục không ngừng suốt 20 năm, cho đến năm 1908, khi bí mật đi từ Bắc vào Trung và dừng ở Huế để cổ động cho phong trào Đông Du, Tăng Bạt Hổ bất ngờ lâm bệnh nặng. Rồi ông lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng trên một con thuyền đậu ở sông Hương.

Cái chết đột ngột của ông khiến các chí sĩ Việt Nam thảy đều bàng hoàng thương tiếc. Chí sĩ Đặng Thái Thân có đôi câu đối viếng (dịch Nôm):

Người há sanh làm giỡn với đời sao? Cầm binh một độ, bỏ nước hai mươi năm, đã khóc với Xiêm, đã khóc với Tàu, đã khóc với Nga; đùng đùng sang khóc lớn bên Đông, ai dè gió phất trời thu, nắm cốt về chôn thành đất Huế;

Ta chả biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm châu,

http://sachviet.edu.vn

kết giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng não; khăng khăng chỉ độc đánh bằng sắt, thề quyết máu sôi đất nóng, cờ đào tỏ mặt giống da vàng.

(Huỳnh Thúc Kháng *dịch*)

Tăng Bạt Hổ đã để lại cho muôn đời tấm gương sáng chói của một chí sĩ kiệt hiệt, một nhà duy tân thực thụ, một nhân vật hiếm thấy trong giới sĩ phu đương thời đã thực hiện được kì tích: lột xác con người mình vốn thuộc về một thời đại cũ kĩ, suy tàn, bước qua lằn ranh để tiến sang địa hạt của một thời đại hoàn toàn mới, gợi mở một hướng đi đúng đắn cho dân tộc, hợp với quy luật của lịch sử.

Viết theo: – *Đông Kinh nghĩa thục (Nguyễn Hiến Lê)*
– *Hồi kí Phan Bội Châu niên biểu*

http://sachviet.edu.vn

8

CÁI CHẾT OANH LIỆT CỦA LIỆT NỮ **LÊ THỊ ĐÀN**

Bà Lê Thị Đàn, người xã Thế Lại Thượng, tỉnh Thừa Thiên, hội viên đắc lực của *Việt Nam Quang Phục hội* do Phan Bội Châu tổ chức. Bà chịu trách nhiệm làm giao thông liên lạc cho hội tại các cơ sở Bắc và Trung Kì.

Năm 1910, bà bị giặc Pháp bắt. Chúng dùng mọi cực hình tra tấn nhưng không moi được ở bà một tin tức nào. Bỗng một hôm bà bảo Phủ doãn Thừa Thiên Trương Như Cương:

– Tôi bị giam giữ đã lâu, nay tôi sẽ khai hết cho các ông những gì tôi biết về Hội. Có điều mình mẩy tôi thương tích bẩn thỉu, yêu cầu các ông cho tôi tắm rửa sạch sẽ, rồi mang giấy bút đến đây, nội đêm nay tôi sẽ viết.

Tên quan huyện Trương Như Cương mừng như mở cờ trong bụng, vội vàng chiều theo mọi yêu cầu của bà, ngoài ra còn đưa cho bà nhiều thức ăn ngon. Đêm

http://sachviet.edu.vn

ấy, bà thức suốt đêm để viết. Nhưng không phải là viết lời khai, mà là viết một bài thơ tuyệt mệnh và một bức thư kể tội và chửi mắng kẻ thù. Sau đó bà dùng sợi dây lưng trắng thắt cổ tự vẫn.

Cái chết oanh liệt của bà làm xúc động toàn thể quốc dân. Phan Bội Châu làm hai đôi câu đối viếng sau đây:

Tơ nhân sợi nghĩa, dây lưng trắng,
Dạ sắt lòng son, nét máu hồng.

và

Tấm thân trót gả giang sơn Việt,
Tấc dạ soi chung nhật nguyệt trời.

Nhân dân Huế còn truyền tụng bài thơ đầy xót thương và cảm phục mô tả cái chết cao cả của bà, có những câu:

Nay biết chắc là tôi tội chết,
Thì tôi xin khai hết đủ tên.
Họ Trương tưởng thực mình hên
Bèn ban lệnh xuống tháo then gông cùm.
Trong phòng kín tối om lạnh lẽo,
Ngọn dầu hao vóc liễu xót xa.
Một mình một bóng, châu sa,
Phu quân đâu đấy, đón ta đến cùng!
Lấy nghiên mực mài dòng huyết lệ,
Thảo một trang chửi tệ quân thù...

Phẩm chất cao quý và hành vi tuẫn tiết của Lê Thị Đàn đã treo thêm một tấm gương nữ kiệt Việt Nam.

Vết theo: Hồi kí Phan Bội Châu niên biểu

http://sachviet.edu.vn

9

Từ Diễn Đồng (1866–1922) quê ở xã Hạ Hồi, huyện Thường Tín (Hà Đông) đỗ tú tài (chữ Hán) năm 1906. Ông sống giữa thời buổi đất nước mất dần vào tay ngoại xâm nên luôn mang tâm trạng bi phẫn. Suốt đời, ông chỉ dạy học và làm thơ.

DỊCH THƠ NGƯỜI NÓI CHUYỆN MÌNH

Năm 1908, đốc học Hà Nội mở cuộc thi thơ Đường luật. Một trong những đề tài được đặt ra là dịch bài thơ *Thu hứng* của Đỗ Phủ ra thơ Nôm.

Nguyên văn bài thơ chữ Hán của Đỗ Phủ như sau:

Văn đạo Trường An tự dịch kì,
Bách niên thế sự bất thăng bi.
Vương hầu đệ để giai tân chủ,
Văn vũ y quan dị tích thì.
Trực bắc quan sơn kim cổ chấn,

http://sachviet.edu.vn

Chinh tây xa mã vũ thư trì.
Ngư long tịch mịch, thu giang lãnh,
Cố quốc bình cư hữu sơ ti.

(Đất kinh nghe nói tựa bàn cờ!
Nghĩ chuyện đời thêm dạ vẩn vơ!
Nhà cửa công hầu đều chủ mới,
Áo xiêm văn võ khác thời xưa.
Non sông ải bắc vang chiêng trống,
Xe ngựa bình tây chậm giấy tờ.
Nước cũ ngày thường lòng bận nghĩ
Sông thu lạnh ngắt, cá rồng thưa!)

(Nhượng Tống *dịch*)

Từ Diễn Đồng quyết định tham gia cuộc thi. Ông "chộp" được ngay cái ý chính của bài thơ (thật giống in cảnh kinh đô Huế với một lũ vua quan bán nước đương thời) bèn đưa ý tưởng cá nhân của ông một cách thần tình vào bài dịch sau đây:

Nghe nói trong Kinh lắm chuyện đùa,
Nước cờ sao lắm nỗi cay chua!
Những con nhà khá đi đâu cả?
Một bộ đồ tuồng rặt mới mua.
Tiếng trống vang lừng quân Bắc được,
Mảnh cờ sao chậm báo Tây thua?
Rồng nằm bể cạn, heo may lắm,
Nước cũ ai là chả nhớ vua!

Nếu xét từng câu thì câu nào dịch giả cũng căn cứ ở ý tứ cốt lõi của câu nguyên văn. Ví dụ câu "*Văn vũ y quan dị tích thì*" nghĩa đen chỉ là "quần áo của quan văn quan võ bây giờ khác hẳn thời trước" (nhưng Đỗ

http://sachviet.edu.vn

Phủ ngầm phi lộ thái độ phản đối, chê cười và nỗi thất vọng sâu sắc của mình). Nhượng Tống dịch "Áo xiêm văn võ khác thời xưa" tuy đúng từng từ nhưng là một câu thơ "lạnh", không có hồn, không biểu hiện được tâm tư tác giả. Cũng câu đó, Từ Điển Đồng dịch phóng túng thành "Một bộ đồ tuồng rặt mới mua": câu thơ mang tính châm biếm, đả kích, lột trần chân tướng của sự thay đổi y phục quan lại: một trò hề lố lăng! Rõ ràng đó là một câu thơ hết sức sống động và gợi cảm.

Đốc học Hà Nội đọc xong đã phải thừa nhận bài dịch của họ Từ vừa lưu loát vừa có sức mạnh lay động lòng người, đã mời ông lên tỉnh trao cho ông giải thưởng xứng đáng về văn chương. Song vì rõ ràng bài dịch của ông can tội "cố tình phạm thượng", nói xấu vua quan triều Nguyễn đương thời, cho nên ông bị phạt giam mấy ngày!

THƠ TRUNG THU GỬI TỪ ĐẠM

Từ Đạm, bạn học cũ của Từ Diễn Đồng, đỗ tiến sĩ năm 1895. Khác với các sĩ phu yêu nước, Từ Đạm rất đắc chí với con đường hoạn lộ của mình, cuối cùng được thăng đến chức *hiệp tá đại học sĩ*. Chính vì vậy, Từ Đạm thường bị các văn nhân sĩ phu như Tản Đà, Từ Diễn Đồng... làm thơ đả kích.

Một đêm trung thu, Từ Diễn Đồng ngồi uống rượu thưởng trăng, và nhìn cảnh người nhà bày đồ chơi "tiến sĩ giấy" cho trẻ con chơi. Cũng như Nguyễn Khuyến làm thơ *Tiến sĩ giấy* đả kích bọn nho sĩ bất

http://sachviet.edu.vn

tài vô dụng, Từ Diễn Đồng gửi cho Từ Đạm một bài thơ, ngoài bì đề: "Gửi lên quan lớn họ Từ, tuần phủ Bắc Giang mở xem". Bài thơ như sau:

Ông đỗ khoa nào ở xứ nào?
Cũng trâm cũng hốt cũng quan bào,
Mỗi năm một tết Trung thu đến,
Tôi dẫu quen ông, chẳng muốn chào![1]

Từ Đạm đọc thơ, đau điếng: bản chất "tiến sĩ giấy" của hắn đã bị bóc trần!

THƠ TẶNG QUAN LỚN

Nhân dịp sắp sửa đón tân xuân, tri phủ Thường Tín sai lính đem giấy về làng mời ông Tú lên gặp quan.

Tưởng có sự gì, té ra quan lớn chỉ có "nhã ý" mời ông Tú đến chơi với quan, để quan được thết đãi nhà danh sĩ, nhân tiện quan xin danh sĩ một bài thơ xuân để treo nơi tư thất cho khách khứa phải một phen lác mắt. Tiệc tùng tuý luý xong, tri phủ ngỏ lời xin thơ, sai người nhà mang giấy hồng điều, bút lông và nghiên mực ra để ông tú hạ bút.

Ông tú cười:

– Bẩm quan lớn, thơ tôi nào có hay ho gì cho cam! Chỉ e làm nghịch nhĩ quan lớn!

– Ấy chết, xin ông tú chớ có quá nhún mình! Phương danh của ông vùng này ai mà không biết? Vả

---

[1] Có ý kiến cho rằng bài thơ này là của Yên Đổ hoặc Tú Xương.

http://sachviet.edu.vn

lại chúng ta đều là chỗ thanh khí cả, xin ông tú chớ phụ kẻ mắt xanh!

Mắt ông tú Từ Diễn Đồng bỗng sáng quắc, hơi men và hào khí làm mặt ông đỏ gay. Ông cầm lấy cây bút chấm vào nghiên mực và viết hai câu phá thừa:

Năm mới mừng quan vạn sự lành!
Tốt tài, sai lộc, rạng uy danh.

Quan phủ đọc, thích quá, vừa khen vừa rót rượu mời ông tú và rối rít gọi cả vợ con ra chứng kiến ông tú nhả ngọc phun châu. Ông tú viết tiếp hai câu thực:

Lời vàng sang sảng, dân trơ mắt,
Tay sắt lăm le bạt luỹ thành.

Quan tri phủ thấy giọng thơ hơi khang khác nhưng cũng vui vẻ giục ông tú viết tiếp. Dưới ngòi bút, bốn câu cuối tuôn ra:

Đổi trắng thay đen: tài vạn dặm,
Vu oan giá hoạ: giỏi trăm vành.
Chúc quan sống mãi như Bành Tổ,
Đất nước vang trời giống nhặng xanh!

Quan điếng người, mặt xám lại, xấu hổ với lính tráng và vợ con, bèn nổi giận đùng đùng, đạp đổ mâm rượu, thét lính trói nghiến ông tú lại nhốt vào nhà giam, quyết không cho ông về nhà ăn tết.

Nhưng trong nhà giam, ông tú vẫn sang sảng ngâm thơ:

Trò đời một lũ mán mường,
Thật quân cướp nước, thật phường lợi danh.

http://sachviet.edu.vn

Bắc thang lên hỏi trời xanh,
Bao giờ hết lũ nhãi ranh hách xằng?

Dân chúng xung quanh nghe rõ ràng có giọng thơ chửi quan vang lên ngay trong dinh quan, lấy làm lạ, kéo nhau vây quanh tường nhà giam vòng trong vòng ngoài như họp chợ, rồi họ ầm ầm la lối hành động ngược đãi bậc danh sĩ.

Quan phủ lúc ấy mới thấy rằng việc giam ông tú trong nhà mình là... đại thất sách: để lòng dân xáo động thế này thì... mất tết như chơi! Rốt cuộc quan đành sai lính mở cửa nhà giam, mời ông tú về làng cho sớm chợ!

Ông tú về rồi, quan lớn mới đứng như trời trồng trước sân mà lắc đầu lẩm bẩm: "Mình không ngờ lão tú này lại to gan lớn mật đến thế!"

http://sachviet.edu.vn

10

HOÀNG HOA THÁM[1]

Hoàng Hoa Thám (tên thật là Trương Văn Thám) quê làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sau di cư lên Sơn Tây, cuối cùng lên Yên Thế (Bắc Giang). Tại đây ông trở thành tướng của nghĩa quân Đề Nắm (Lương Văn Nắm) tức Đề Hả (người làng Hả, Yên Thế, hi sinh năm 1892). Về sau Hoàng Hoa Thám trở thành lãnh tụ của nghĩa quân Yên Thế[2].

---

[1] Viết lại theo "Chân tướng quân" của Phan Bội Châu.

[2] Có tài liệu nói: ngay từ khi thực dân Pháp đặt chân lên xứ Bắc Kì, Hoàng Hoa Thám đã tình nguyện sung vào đội nghĩa binh chống Pháp dưới quyền chỉ huy của quyền lãnh binh Bắc Ninh Trần Xuân Soạn. Sau đó ông lại theo tòng sự Cai Kinh, lãnh tụ nghĩa quân vùng Yên Thế, phủ Lạng Thương, được trọng dụng, phong *đề đốc*. Khi Cai Kinh bị giết (1888) Đề Thám lên thay thế chủ tướng, trở thành lãnh tụ kiệt hiệt của nghĩa quân Yên Thế.

http://sachviet.edu.vn

ĐẠI BÀNG TÌM GẶP HÙM THIÊNG

Năm 1902, tiếng tăm và chiến tích giống như một pho huyền thoại về tướng quân Hoàng Hoa Thám vang dội tới tai Phan Bội Châu ở Nghệ An, đến nỗi Phan tự đặt một câu hỏi: "Không biết con người ấy có thật hay không?". Để giải đáp thắc mắc, Phan nhờ một người bạn là Tán Quỳnh "mò" đến tận căn cứ của Hoàng Hoa Thám tại Phồn Xương (Yên Thế, Bắc

http://sachviet.edu.vn

Giang) để "mục kích sở thị". Tán Quýnh trở về kể lại "cuộc điều tra" của mình (mặc dù chưa được Hoàng Hoa Thám tiếp, nhưng qua thăm dò quần chúng và nghĩa quân tại chỗ, tán Quýnh đã nắm khá rõ sự thật). Lúc ấy Phan mới tin huyền thoại Hoàng Hoa Thám là có thật! Rồi ngay năm sau, đích thân Phan – con đại bàng sẽ cất cánh lên bầu trời vài năm sau – lần đến tận nơi xin yết kiến người anh hùng, "hùm thiêng" Yên Thế. Phan tới phía bắc núi Nam Sơn, nơi đóng đại bản doanh của nghĩa quân.

Hoàng Hoa Thám cho tuỳ tướng ra hỏi Phan đến có mục đích gì. Phan nói:

– Tôi muốn đến gặp tướng quân để thảo luận về đại sự trong thiên hạ...

Tiếc rằng lúc đó tướng quân viện cớ đang bị cảm sốt không tiếp khách được, mới sai con cả là Trọng tiếp Phan ngoài doanh trại. Phan ở lại thăm Yên Thế mười ngày nhưng vẫn chưa được có diễm phúc yết kiến tướng quân họ Hoàng.

Lòng bùi ngùi vì chưa thoả niềm ngưỡng mộ, Phan bèn gặp gỡ dân trong vùng để hỏi han về thân thế và hành tung xưa nay của họ Hoàng.

XUẤT THÂN CỦA VỊ TƯỚNG QUÂN

Một bô lão chỉ dãy núi trước mặt nói với Phan Bội Châu:

– Đấy là chỗ ở cũ của quan lớn. Quan lớn lúc mới

http://sachviet.edu.vn

sinh ra đã mất cha. Người mẹ nghèo khổ lưu lạc tới đây, nương tựa vào nhà họ Hoàng, quan lớn được nhận làm con nuôi nên mang họ Hoàng. Năm lên sáu tuổi thì cả cha nuôi lẫn mẹ đẻ đều qua đời, quan lớn bơ vơ côi cút, phải đi ở chăn trâu, hoàn toàn không được đi học nên một chữ bẻ đôi không biết... Than ôi! ông thấy đó: một vị chân tướng quân như quan lớn mà không biết được một chữ quèn!

Phan Bội Châu, thủ khoa khoa thi Hương năm Canh Tý 1900, sửng sốt khi nghe câu chuyện đó! Trong lòng Phan trào lên một nỗi xót xa vô bờ bến. Ôi! Ngày nay biết bao kẻ dòng dõi cao sang, bao bậc danh nho nữa, đã lúc nhúc thi nhau quỳ lạy trước quân giặc, gọi giặc là Trời, là hoàng đế! Trong khi đó một vị tướng oanh liệt hiên ngang chống nhau với giặc mười mấy năm trời lại chỉ là một người con nhà khố rách áo ôm, bồ côi bồ cút! Những kẻ cao sang và chữ nghĩa bề bề kia liệu có biết hổ thẹn không? Phan Bội Châu gọi mua rượu đãi cụ bô lão và gợi chuyện cụ.

– Quan lớn, ngài như một vị thiên thần – cụ bô lão nói tiếp – hồi còn nhỏ tính nết ngài hết sức kì lạ. Ngài khoẻ như hổ, một mình có thể đánh ngã vài chục đứa bạn cùng tuổi. Bọn trẻ vì thế phục ngài sát đất. Tuy nhiên quan lớn, ngài lại rất hoà nhã với bạn hữu nên được anh em rất yêu mến. Anh em trẻ trâu cần gì, ngài đều cho. Ngài vừa can đảm vừa có biệt tài về sự khéo léo, thường có thể bắt gà của người ta giữa ban ngày ban mặt mà không một ai hay biết! Chính vì vậy những "gia chủ" trong vùng có gà nuôi

http://sachviet.edu.vn

đều phải khéo "lấy lòng" ngài, nếu không, chỉ nội một hai ngày, cả chuồng gà mấy chục con của họ sẽ chỉ còn chuồng không! Ngài bắt gà làm gì mà bắt nhiều thế! Ấy là để ngài "khao quân" của ngài, những bạn mục đồng trên nương trên núi! Tuy nhiên, khi không có việc gì cần đến thịt gà thì ngài tuyệt nhiên không bắt gà của ai, mà người ta có tự động đem đến biếu, ngài cũng không nhận mà bắt phải đem về. Ngài bảo: "Gà quý của các nhà giàu nuôi là để cung phụng cho bọn anh em chúng tôi. Vì vậy khi chúng tôi chưa cần đến thì lấy mà làm gì?".

Bọn trẻ trâu nhất nhất đều tuân theo sự chỉ huy của ngài. Trong đám người tầm thường, bỗng nhiên có cảnh tượng của một ông vua mục đồng như vậy, không phải là sự lạ hay sao?

TRONG CƠN HOẠN NẠN

Lúc ấy, bên phía nghĩa quân, khí giới súng đạn đều hết sức thô sơ cũ kĩ, không tài nào chống cự được vũ khí tối tân của giặc. Hơn nữa, các kho quân dụng dự trữ bị giặc cướp sạch. Chẳng bao lâu nghĩa quân các đạo phải chống nhau với giặc bằng tay không, bị đối phương tiêu diệt rất nhiều. Các vị đầu mục, kẻ thì chạy trốn, người thì chết trận. Kẻ vô sỉ thì quay đầu hàng giặc như tên Kiều, tên Công. Bọn phản bội chịu đi làm chó săn chim mồi thì bội tinh đầy ngực!

Tướng quân vào sinh ra tử, chết hụt không biết bao lần. Khi ăn lúc ngủ, gươm súng vẫn không rời

http://sachviet.edu.vn

bên mình, chỉ có mấy ngàn quân thân tín cùng chia sẻ ngọt bùi cay đắng. Tấm thân của tướng quân lúc đó đem đọ với sắt đá thì sắt đá cũng không vững bền bằng. Giặc muốn dụ tướng quân đầu hàng.

Những "chiến hữu" ngày xưa nay đã đầu hàng giặc cũng tranh nhau đưa thư khuyên tướng quân đầu hàng. Tướng quân cương quyết trả lời:

– Bậc đại trượng phu thà chịu chết chứ không chịu nhục, đầu tôi chưa rụng thì sao tôi lại chịu cúi để theo giặc. Tôi thề chết không đầu hàng. Ai còn dám nói đầu hàng sẽ chém!

Thế của nghĩa quân thực là nguy ngập. Khắp nơi tan tác, thế giặc tung hoành, người trong hàng ngũ cũng có thể trở thành thù địch.

Tướng quân bèn bày tiệc đãi tướng sĩ và quân lính. Rượu được nửa tuần, tướng quân đứng lên nói:

– Hôm nay tôi có lời nói với các người. Bấy lâu ai cũng đều yêu mến tôi, cùng cam sống với tôi như tình nghĩa chân tay, không nỡ lòng lìa bỏ. Song thời thế ngày nay không có thể nào cưỡng được. Nay trong số các người, ai có cha mẹ mà không có người nuôi dưỡng, có vợ con mà không chốn tựa nương, muốn hàng giặc thì hàng, muốn đi đâu cứ đi, từ đây tôi từ tạ các người. Có ai vui lòng sống chết với tôi thì Tầm Giang một dải rừng xanh là nhà tôi đó. Tôi sẽ tới đấy. Ai muốn đi thì đáp lời!

Hơn năm trăm người trong tiệc rượu đứng lên đáp "vâng". Bộ thuộc của tướng quân từ đó chỉ có hơn 500

http://sachviet.edu.vn

người mà vũ khí chỉ đủ trang bị cho một nửa. Than ôi! Thế địch to lớn như thế mà thế ta nhỏ bé nhường này! Ai biết đâu là một đốm lửa chưa tàn lại có thể kéo dài được đến trên 20 năm nữa? Khu rừng Tầm Giang được khai phá, xây đồn đắp luỹ, tập hợp thêm nông dân mở đồn điền... Đó là đồn Phồn Xương. Dân làng tôn tướng quân là chủ nhân.

CUỘC CHIẾN ĐẤU TRƯỜNG KÌ

Nhờ địa hình hiểm trở và cách bố trí trận địa tài tình, nghĩa quân phục kích trong những "mắt rừng" tựa như những lỗ châu mai. Quân ta thấy rõ địch mà chúng thì không thấy ta. Vì vậy có lần địch điều năm sáu nghìn tên đến quấy phá đều bỏ xác lại rừng Yên Thế. Bộ thuộc của tướng quân là những nghĩa sĩ quyết tử, thiện chiến, bắn cung bắn súng cực kì chính xác, đột kích bất ngờ, một chọi được trăm. Uy danh của tướng quân ngày một lớn. Giặc gọi tướng quân là *Con hổ họ Hoàng*. Nghĩa quân thường bất ngờ lẻn ra phá đường sắt làm giặc khốn đốn. Chúng nghĩ đến trò treo giải thưởng ám sát tướng quân.

Tên thống lĩnh họ Vương (tức Thương Phức hay Ba Phức) từng là cha nuôi của tướng quân trước kia, sau khi hàng giặc được giặc cử đến Phồn Xương dụ hàng tướng quân để mưu ám sát ngài. Y đã gài tạc đạn vào giường nằm của tướng quân. Nhưng khi tạc đạn nổ, căn phòng tướng quân tan tành thì may sao lúc ấy tướng quân lại ra ngoài nên vô sự. Tướng quân

http://sachviet.edu.vn

rất đại lượng, không thèm bắt tội Vương mà chỉ bảo y về nói lại với giặc Pháp rằng: *"Tôi nghe nói con người văn minh thì không làm những hành động thâm độc, thế mà nay họ cũng làm những trò hèn mạt như vậy sao?"*.

Ám sát tướng quân không nổi, giặc tính cách đánh úp. Nhưng "đánh úp" làm sao được! Bởi lực lượng nghĩa quân đâu có tụ tất cả trong một đồn Phồn Xương, mà rải rộng khắp núi rừng Yên Thế bao la trùng điệp! Giặc bèn lừa gạt tướng quân xin giảng hoà, mời tướng quân đến dinh thống lĩnh Nhã Nam để bàn việc hoà ước. Tướng quân đến đúng hẹn nhưng mang theo 150 thủ hạ thân tín hộ vệ. Giặc thấy tướng quân đã đề phòng, bèn bãi bỏ cuộc hội đàm. Sau đó giặc lại âm mưu đầu độc tướng quân. Chúng sai một tên quan là Dương Lục luôn đến đồn tướng quân đưa thư, bày tỏ ý giảng hoà, rồi y mời tướng quân đến dự một bữa tiệc cơm Âu. Tướng quân đã nghi ngờ việc bị đầu độc nên trong bữa tiệc, ngài tỏ ý nhún nhường xoay bàn ăn đi nửa vòng. Tên tuỳ viên của giặc ăn phải đĩa dành sẵn cho tướng quân (y không được biết âm mưu của thượng cấp!), một phút sau ngã lăn quay xuống đất! Thế là tướng quân trở về bản doanh vô sự!

Bọn giặc hoàn toàn bó tay, rốt cuộc phải biến việc "vờ giảng hoà để đánh úp" thành... giảng hoà thật! Tháng 1–1894, chúng đồng ý cắt cho tướng quân vùng đất thuộc bốn phủ Nhã Nam, Mạc Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng, toàn quyền tướng quân cai quản như một vương quốc riêng biệt. Tướng quân chỉ phải bảo đảm

http://sachviet.edu.vn

tính mệnh và tài sản của các thương nhân đi qua vùng ấy và không phá đường sắt, có vậy thôi. Mỗi hạn kì của hoà ước là 8 năm, sau đó bàn lại.

Thế là mấy ngàn dặm ruộng đồng rừng núi nghiễm nhiên trở thành đất đai của tướng quân. Than ôi! Đế đô thì bị chìm ngập trong bể hoạn, riêng tướng quân đóng dinh trên một khoảng đất trong lành tựa như lông phượng sừng lân. Người ta sùng bái đến như thế nào!

Xứ sở của tướng quân trở thành miền đất tự do duy nhất lúc bấy giờ. Nông dân tới lập nghiệp ngày càng đông đúc, cảnh sống trở nên tưng bừng nhộn nhịp, nào bán dao mua trâu, nào bán gươm tậu nghé, nào cày cấy nông tang, nào tiếng gà tiếng chó rộn vang như một cảnh tân đào nguyên của những bậc lánh đời vậy!

Phan Bội Châu tới thăm "xứ đào nguyên" ấy hai lần. Ông tận mắt chứng kiến cảnh quan xung quanh đồn, trâu cày từng đội, chim rừng quyện người, đàn bà con trẻ nhởn nhơ, tiếng chày rậm rịch, tất cả đều vui như những ngày đình đám hội hè, tuyệt không một tiếng thở than về chính quyền bạo ngược!

Tháng 12–1906 nhà chí sĩ họ Phan mới được tay bắt mặt mừng với người anh hùng Yên Thế. Trước mắt họ Phan là một vị hổ tướng thực thụ, thân hình to lớn, bước đi vững chắc nhưng nhẹ nhàng không gây một tiếng động. Vị thủ lĩnh nghĩa quân nói:

– Kẻ giặc hoà không phải là thực bụng. Thế của tôi bị cô, cũng không thể không hoà. Chậm vài năm

http://sachviet.edu.vn

nữa, hết hạn hoà là chiến sự lại mở màn thôi. Sức tôi có thể giữ được nhưng không có tiếp viện thì nguy... Tuy nhiên chí tôi rất vững, nếu đánh không thắng thì sẽ bỏ đất này. Tôi dù chết không thể nào làm một tướng quân hàng giặc.

Phan Bội Châu vô cùng cảm kích, trong lòng bừng dậy một ý nghĩ muốn "phối hợp tác chiến" cùng tướng quân họ Hoàng. Ông đề xuất xin một miếng đất làm trụ sở cho các đồng chí của ông, và mưu vận động tài lực vũ khí chi viện cho tướng quân. Hoàng Hoa Thám tán đồng tất cả. Tuy nhiên họ Phan không thực hiện được ý định ấy: ông mua khí giới, sai người vận chuyển về cho nghĩa quân, nhưng khí giới đi được nửa đường thì người này chết. Kì Sinh là người lo toàn bộ tiền nong cho vụ này bị bắt bỏ tù! Đại sự hoá thành mây khói! Tướng quân cầm cự với giặc thêm hai năm liền, quần nhau dữ dội với giặc trên trăm trận. Nhưng thế giặc mạnh hơn ta cả chục lần, lực lượng nghĩa quân ngày càng hao tổn. Tướng quân không thể không vào ẩn nơi non sâu rừng thẳm như con mãnh hổ tìm chốn nghỉ ngơi...

Nghĩ đến tướng quân không ai không đấm ngực tiếc thương bậc anh hùng không gặp thời gặp vận!

Tại Quảng Châu, tháng 7–1920, Phan Bội Châu cho đăng trên *Binh sự tạp chí* bài thơ *Khốc Chân Tướng Quân* sau đây:

Dị chủng sài lang mãn địa tinh,
Độc tương chích thủ dữ cừu tranh.
Trấp niên thương kiếm sơn hà khí,

http://sachviet.edu.vn

Bách chiến phong vân phụ tử binh.
Quốc thế dĩ trầm quân thượng phấn,
Tướng đầu vị đoạn tặc do kinh.
Anh hùng bản sắc chung năng hiện,
Vạn lí thời văn hổ khiếu thanh.

(Lang sói giống gì tanh lợm đất,
Đấu cùng lũ giặc – cánh tay đơn.
Súng gươm hai chục năm hồn nước,
Mây gió trăm lần, lính bố con.
Thế nước đắm chìm, lòng chẳng nhụt,
Đầu ông chưa rụng, giặc kinh hồn.
Anh hùng chân tướng ngày thêm rạng,
Ngàn dặm tiếng hùm vọng nước non...)

(Kiều Văn *dịch*)

http://sachviet.edu.vn

11

VỚI VAI TRÒ "THÍCH KHÁCH CÁCH MẠNG"

Phạm Hồng Thái (Phạm Thành Tích, 1896–1924) quê làng Ngọc Điền (Nghệ An), con của ông Phạm Thành Mĩ, nguyên là quan huấn đạo dưới triều Tự Đức, sau tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp.

Hấp thụ tinh thần yêu nước của cả dân tộc và của cha, Phạm Thành Tích bước vào đời với lời thề nguyện hiến thân cho công cuộc cứu nước. Anh từ giã quê hương ra Bắc, dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng, khởi đầu bằng việc hoà nhập vào xã hội cần lao. Anh xin làm phu mỏ ở Hòn Gai, làm ét ôtô v.v.. Dù lao động cực nhọc nhưng ở chàng thanh niên Phạm Thành Tích lúc nào cũng bồng bột tinh thần tranh đấu cho một tương lai xán lạn của tổ quốc.

Hạnh phúc biết bao đối với chàng thanh niên đầy nhiệt huyết: cuối năm 1918 đã có một cơ hội ngàn vàng để cho "Cánh bằng tiện gió cất lìa dặm khơi":

http://sachviet.edu.vn

Nhà cách mạng Vương Thục Oánh đã tổ chức cho Phạm Thành Tích và một số người khác vượt biên giới sang nước ngoài để học tập, gây dựng lực lượng, hướng tới mục tiêu giành lại độc lập cho tổ quốc.

Toán quân cách mạng gồm bảy người đã vượt Trường Sơn và vượt biên giới thuộc tỉnh Thanh Hoá qua đất Lào rồi qua Xiêm. Sau đó đoàn đóng giả làm người Trung Hoa, thuê tàu Anh đến Hồng Kông, cuối cùng đi đường bộ tới Quảng Châu.

Khi vượt qua dãy Trường Sơn hùng vĩ, chàng thanh niên Phạm Thành Tích cảm thấy tâm hồn tràn đầy hào khí. Anh bèn đổi tên là Phạm Hồng Thái, ngụ ý lấy màu đỏ – màu của đấu tranh quyết liệt – làm nguồn cổ lệ mạnh mẽ cho mình.

Tại Quảng Châu, Phạm Hồng Thái thực sự được rèn luyện về mọi mặt, nhất là "khoa học làm chính trị và cách mạng" để lật đổ cường quyền, giành lại độc lập cho đất nước và tái thiết xã hội đã bị suy vi sau nửa thế kỉ làm nô lệ. Tại đây anh mới có dịp kết thân và chung lưng đấu cật lo việc nước với các nhà ái quốc như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Đặng Sử Mạc, Vũ Hải Thu...

Tổ chức cách mạng *Tâm tâm xã* được thành lập, Phạm Hồng Thái cùng Hồ Tùng Mậu, Vũ Hải Thu được cử đi Thượng Hải, Hồng Kông và Đông Kinh (thủ đô của Nhật Bản) để cổ động tuyên truyền cho *Tâm tâm xã*, tập hợp sức mạnh ái quốc của thanh niên xuất ngoại và Việt kiều ở hải ngoại. Hiệu quả của cuộc vận động này rất rõ rệt: một làn sóng cách mạng thực sự dâng trào trong trái tim những người

http://sachviet.edu.vn

Việt lưu vong. Họ háo hức chờ ngày trở về thanh toán món nợ với bọn cướp nước.

Tâm tâm xã đã vứt bỏ tinh thần cải lương thoả hiệp mà một số trí thức đương thời muốn dùng nó để "đối thoại ôn hoà" với thực dân Pháp. *Tâm tâm xã* quyết định dùng vũ lực, bạo động để "nói chuyện" với giặc.

Khi ấy tên toàn quyền Đông Dương là Martial Merlin sang Nhật, bắt tay với Nhật nhằm chặn đứng phong trào cách mạng Việt Nam: y đã kí với Nhật một thoả ước với nội dung Nhật phải hỗ trợ Pháp, trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam đang "Đông du" ở Nhật!

Tâm tâm xã quyết định đánh một đòn sấm sét vào tên trùm thực dân này. Phạm Hồng Thái với sự trợ lực của Lê Hồng Sơn, được giao trọng trách thi hành bản án tử hình với Merlin.

Kế hoạch lập tức được triển khai một cách có bài bản. Phạm Hồng Thái theo dõi tên toàn quyền từng bước: y đi theo lộ trình từ Hồng Kông đến Thượng Hải, qua Hoành Tân, sang Đông Kinh (Tokyo)... Suốt lộ trình đó Phạm Hồng Thái đã không có một cơ hội nào tiếp cận với y.

Đành phải rình chờ cơ hội. Rồi cơ hội ấy đã tới. Merlin cùng đoàn tuỳ tùng của y từ Đông Kinh trở về qua Quảng Châu, đêm 18–6–1924 dự tiệc tại khách sạn Victoria ở phía bắc thành phố Sa Diện (gần thành phố Quảng Châu). Phạm Hồng Thái đóng vai một phóng viên lọt được vào khách sạn, liệng một quả bom vào giữa đám người dự tiệc. Bom

http://sachviet.edu.vn

nổ. Một số quan chức Pháp và ngoại quốc chết tại chỗ. Nhưng tên toàn quyền Merlin lại thoát chết: y chỉ bị thương xoàng.

Liệng bom xong, Phạm Hồng Thái nhanh như cắt chạy tháo thân về phía Tây Hào Khẩu. Bọn lính đuổi theo rất gấp. Anh chạy đến Châu Giang thì cùng đường. Chỉ có một dòng sông chảy ngang ở phía dưới. Phạm Hồng Thái bèn liều lao mình xuống dòng sông trong bóng tối mịt mù, nhất định không chịu để giặc bắt. Có lẽ anh đã bị thương nặng sau cú nhảy ấy và đã chìm xuống đáy sông.

Mấy hôm sau, bọn thực dân Pháp mới tìm được xác người liệt sĩ. Chúng hằm hằm tức giận, trả thù bằng cách... đày nắng xác anh, mặc cho ruồi kiến xâu xé thi thể anh, cuối cùng mới giao cho nhà chức trách Trung Hoa mai táng tại chân đồi Bạch Vân.

Năm 1925, vị tỉnh trưởng Quảng Châu là Hồ Hán Dân, cảm phục gương hi sinh vì tổ quốc của người liệt sĩ cách mạng Việt Nam – chẳng kém gì Kinh Kha và Cao Tiệm Li ngày xưa mưu sát bạo chúa Tần Thuỷ Hoàng – cho dời phần mộ Phạm Hồng Thái đến nghĩa trang Hoàng Hoa Cương, để liệt sĩ yên nghỉ cùng 72 liệt sĩ Trung Hoa.

Tiếng bom của Phạm Hồng Thái nổ ở Sa Diện tuy không giết được toàn quyền Merlin nhưng đã làm chấn động dư luận ở Việt Nam và quốc tế. Nó báo hiệu một thời kì đối đầu quyết liệt hơn bao giờ hết giữa một dân tộc kiên quyết quật khởi phá ách nô lệ với bọn thực dân cố tình kìm kẹp nó.

Viết theo: Hồi kí Phan Bội Châu niên biểu

http://sachviet.edu.vn

12

ĐỐI THOẠI VỚI THỰC DÂN PHÁP

http://sachviet.edu.vn

Nguyễn Thái Học (1904–1930) người phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên cũ, xuất thân từ một gia đình nông dân, theo học trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương.

Nguyễn Thái Học thuộc mẫu người "do chán lí sinh ra". Nghịch cảnh của dân tộc Việt Nam – một dân tộc oanh liệt và có nền văn hiến rực rỡ – bị hãm vào tử địa vong quốc nô: đó là nhận thức chính yếu của Nguyễn Thái Học, là vấn đề duy nhất trọng đại đặt ra cho cuộc đời ông.

Cũng như bao đấng hào kiệt không hề cúi đầu khuất phục bọn Pháp xâm lược, Nguyễn Thái Học đã anh dũng đứng lên "nói chuyện tay đôi" với bọn trùm thực dân với tư cách một chính trị gia. Năm 1925 ông gửi thư cho toàn quyền Varenne yêu cầu mở mang nền công nghiệp trong xứ, xây dựng một trường cao đẳng công nghệ, cho người Việt Nam được tự do mở trường học. Đến năm 1926 và 1927 ông viết hai bức thư cho thống sứ Bắc Kì với một dự án kinh tế giúp dân dễ sống, yêu cầu cải tổ nền hành chính trong nước, ban hành tự do ngôn luận, xin ra một tuần báo.

Những ý tưởng có tính chất trung dung, cải lương ấy rõ ràng đã vạch cho thực dân Pháp một phương án khả thi tối ưu đối với chúng. Song bản chất của thực dân Pháp là ngoan cố: chúng không hề cứu xét những đề đạt của nhà tư tưởng xuất sắc.

Nguyễn Thái Học nhận rõ thêm bộ mặt thật của kẻ thù. Ông quyết định hành động bằng chính trị,

http://sachviet.edu.vn

tiến tới hành động bằng quân sự. Năm 1927 ông thành lập *Việt Nam quốc dân đảng* với tôn chỉ dùng vũ lực bạo động giành lại độc lập, rồi xây dựng chính thể *cộng hoà* và thực hành kiến thiết đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa. Sau ba năm tích cực vận động cách mạng, năm 1930 Nguyễn Thái Học phát động cuộc khởi nghĩa Yên Bái, sau khi thực dân Pháp đã "đánh hơi" thấy và bủa vây một mạng lưới mật thám dày đặc theo dõi, bắt bớ nhiều đảng viên.

Ông không mấy lạc quan về kết quả của cuộc khởi nghĩa, nhưng ông tuyên bố: *Không thành công cũng thành nhân.*

Quả nhiên cuộc khởi nghĩa thất bại. Nguyễn Thái Học được các đồng chí định bố trí đưa ông lánh sang Trung Quốc. Song ông quyết ở lại với các đồng chí trong nước cùng sinh cùng tử. Ông bị Pháp bắt ở ấp Cổ Vịt (Hải Dương).

Ngày 17–6–1930 ông bước lên đoạn đầu đài cùng 12 đồng chí khác: Hà Văn Lạo, Nguyễn Như Liên, Phó Đức Chính, Nguyễn An, Bùi Tư Toàn, Lê Xuân Huy, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Văn Toại, Đoàn Trần Nghiệp (Kí Con), Bùi Xuân Mai, Bùi Văn Chuẩn, Lê Hữu Cảnh.

Nguyễn Thái Học đã ung dung, thản nhiên chấp nhận cái chết, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Trước quần chúng vây quanh nơi xử chém, ông muốn nói với họ đôi lời nhưng thực dân Pháp sợ ông lại phát động và thổi bùng ngọn lửa hoả diệm sơn của tinh thần

http://sachviet.edu.vn

yêu nước, chúng vội vàng bịt miệng ông, đẩy ông vào máy chém. Ông chỉ kịp hô vang mấy tiếng "Việt Nam độc lập vạn tuế!" rồi đầu lìa khỏi cổ.

Khi bị giam ở Yên Bái, Nguyễn Thái Học vẫn hiên ngang đứng trên tư thế của một lãnh tụ, đại diện cho một dân tộc, tiếp tục "nói chuyện tay đôi" với kẻ đại diện bọn xâm lược. Ông đã viết hai bức thư cho chúng.

Thư gửi toàn quyền Đông Dương, có đoạn:

Tôi Nguyễn Thái Học, kí tên dưới đây, chủ tịch đảng cách mệnh Việt Nam quốc dân đảng, trân trọng nói ông rõ rằng:

Hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, tôi thực có trách nhiệm về mọi việc chánh biến phát sinh trong nước do Đảng tôi chỉ huy từ năm 1927 đến nay, vì tôi là chủ tịch đảng và là người sáng lập, vậy xin ông giết một mình tôi chứ đừng giết các người đảng viên hay gọi là đảng viên hiện bị giam ở các ngục, bởi vì người ta vô tội!... Tôi xin nhắc lại một lần nữa để ông biết cho rằng chỉ cần giết một mình tôi, vì tôi mới chính là thủ phạm. Mà nếu còn chưa đủ hả thì xin tru di cả nhà tôi, nhưng tôi đem nước mắt mà xin ông tha cho những người khác! Sau nữa, tôi mong ông nghĩ đến danh dự nước Pháp, đến công lí, đến nhân đạo, mà thôi đừng ra lệnh ném bom hay đốt phá những làng vô tội như ông vừa mới làm!...

Thư gửi cho Hạ nghị viện Pháp, có đoạn:

Theo công lí, ai cũng có quyền bênh vực tổ quốc

http://sachviet.edu.vn

mình khi bị các nước xâm lược, và theo nhân đạo, ai cũng có nghĩa vụ phải cứu vãn đồng bào ở trong vòng nguy hiểm.

... Hiện nay trong các miền Kiến An, Hải Phòng, Bắc Ninh, Sơn Tây, Phú Thọ, Yên Bái, có hàng vạn người đàn ông, đàn bà, ông già, con trẻ vô tội mà bị giết! Vậy tôi trân trọng lấy nước mắt nhờ các ông làm cho tỏ nỗi bất bình ấy, là cái nó làm cho dân tộc tôi sẽ hoàn toàn tiêu diệt, là cái nó làm cho mất hết danh dự nước Pháp, là cái nó làm cho giảm giá trị của loài người.

Sau cùng tôi nói cho các ông biết rằng: nếu người Pháp muốn ở yên Đông Dương mà không khốn đốn vì phong trào cách mệnh thì phải thay đổi các chương trình chính trị hung tàn và vô đạo hiện hành ở Đông Dương; phải cư xử cho ra vẻ những người bạn giống Việt Nam chứ đừng có lên bộ là những ông chủ bạo ngược và áp chế; phải để lòng giúp đỡ cho những nỗi đau khổ về tinh thần và vật chất của người Việt Nam chứ đừng có khắt khe thâm độc nữa!

Những lời cảnh tỉnh thực dân Pháp của nhà tư tưởng Nguyễn Thái Học thật xứng đáng là những lời của bậc thánh sư. Song thực dân Pháp là bọn ngoan cố đến mức quá quắt: chúng đã bỏ ngoài tai lời cảnh tỉnh của ông. Chính vì thế chúng sẽ phải đối diện với phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ do lãnh tụ Hồ Chí Minh khởi xướng và lãnh đòn sấm sét khiến thân bại danh liệt ở Điện Biên Phủ vào năm 1954.

http://sachviet.edu.vn

13

HAI CHỊ EM

NHỮNG TẤM GƯƠNG NỮ KIỆT

Nguyễn Thị Bắc (cô Bắc) và Nguyễn Thị Giang (cô Giang) là hai chị em ruột của một gia đình cách mạng tại tỉnh Bắc Giang. Sinh trưởng ở một tỉnh thuộc miền trung du Bắc Bộ từng lẫy lừng danh tiếng với cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám, lại hấp thụ truyền thống cách mạng của gia đình, hai chị em hăng hái gia nhập *Việt Nam quốc dân đảng* do lãnh tụ Nguyễn Thái Học thành lập năm 1927. Họ là những tuyên truyền viên đắc lực cho đảng trong thời kì phát động khởi nghĩa Yên Bái.

Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp, đã đi đến thất bại. Hình ảnh 13 người liệt sĩ *Việt Nam quốc dân đảng* anh dũng hi sinh trên máy chém được miêu tả trong bài thơ *Ngày tang Yên Bái* như sau:

http://sachviet.edu.vn

Hai chị em NGUYỄN THỊ BẮC và NGUYỄN THỊ GIANG

http://sachviet.edu.vn

(*Hoạ sĩ:* **Tùng Hải**)

Gió căm hờn rên rỉ tiếng gào than,
Từ lưng trời sương trắng rủ màn tang,
Ánh mờ nhạt của bình minh rắc nhẹ
Trên Yên Bái âu sầu và lặng lẽ.
Giữa mấy hàng gươm sáng toả hào quang,
Mười ba người liệt sĩ Việt hiên ngang,
Thong thả tiến đến trước đài danh dự.
Trong quần chúng đứng cúi đầu ủ rũ,
Vài cụ già đầu bạc lệ tràn rơi,
Ngất người sau tiếng rú "Ối con ơi!",
Nét u buồn chợt mơ màng thoáng gợn
Trên khoé mắt đã từng khinh đau đớn
Của những trang anh kiệt sắp lìa đời.
Nhưng chỉ trong phút chốc, vẻ tươi cười
Lại xuất hiện trên mặt người quắc thước.
Đã là kẻ hiến thân đền nợ nước,
Tình thân yêu quyến thuộc phải xem thường.
Éo le thay: muốn phụng sự quê hương,
Phải giẫm nát bao lòng mình kính mến!
Nhưng này đây, phút thiêng liêng đã đến!
Sau cái nhìn chào non nước bi ai,
Họ thản nhiên lần lượt bước lên đài
Và dõng dạc buông tiếng hô hùng dũng:
"Việt Nam muôn năm!" – một đầu rơi rụng,
"Việt Nam muôn năm!" – người kế tiến lên.
Và tử thần kính cẩn đứng ghi tên
Những liệt sĩ vào bia người tuẫn quốc.

(Đằng Phương)

http://sachviet.edu.vn

Sau cuộc hành quyết những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa, thực dân Pháp trơ trẽn mở "phiên toà" để "xử tội" những nhân vật "can phạm" khác, trong đó có nữ chí sĩ Nguyễn Thị Bắc. Trước Hội đồng Đề hình họp ngày 28–3–1930 tại Yên Bái, Nguyễn Thị Bắc đã tỏ rõ khí phách của một "cân quắc anh hùng" nối tiếp truyền thống oanh liệt của Hai Bà Trưng, Bà Triệu thuở xưa. Khi bọn thực dân đọc bản luận tội xong, người nữ anh hùng đã phẫn nộ ném vào mặt chúng những lời đanh thép:

– Chúng mày kết tội ta, vậy chúng mày hãy về ngay nước Pháp mà kéo đổ bức tượng Gian Đa[1] đi thôi!

Câu nói hào hùng và đầy trí tuệ ấy đã khiến bọn thực dân ngồi xử tội Nguyễn Thị Bắc bị một đòn "gậy ông đập lưng ông" cực hiểm, đến nỗi phải tim đập chân run!

Là một nữ chiến sĩ tràn đầy nhiệt huyết yêu nước, Nguyễn Thị Giang hăng hái chiến đấu dưới cờ của lãnh tụ Nguyễn Thái Học. Một tình yêu cao cả đã nảy nở giữa hai con người ưu tú của dân tộc có chung lí tưởng giải phóng giống nòi khỏi vòng nô lệ. Nguyễn Thị Giang là một tuyên truyền viên đắc lực, đã đi sâu vào mọi tầng lớp quần chúng cổ động tinh thần và lôi cuốn họ tham gia vào một công cuộc lớn lao do *Việt Nam quốc dân đảng* lãnh đạo: làm cuộc khởi nghĩa Yên Bái, đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập cho tổ quốc, sau đó xây dựng chính thể

---

[1] Jeanne d'Arc: nữ anh hùng chống ngoại xâm của dân tộc Pháp.

http://sachviet.edu.vn

cộng hoà và kiến thiết nước nhà theo con đường tư bản chủ nghĩa tiến tới phồn vinh.

Tuy là một nữ chiến sĩ anh dũng, nhưng ở Nguyễn Thị Giang vẫn nhuần nhị bản sắc đầy nữ tính của một người con gái Việt Nam muôn thuở. Nói theo triết lí phương Đông, "cô Giang" là mẫu người không vì bất kì lí do nào mà đánh mất *thiên chân* khả ái nhất của một người phụ nữ.

Khi Nguyễn Thái Học, vị lãnh tụ kiệt hiệt, thần tượng của tâm hồn, người yêu dấu nhất đời của mình, bị thực dân Pháp sát hại trên đoạn đầu đài, Nguyễn Thị Giang đã bị một nỗi đau đớn vượt quá sức chịu đựng của một người con gái. Bởi vậy, người con gái đáng quý hơn mọi thứ bảo ngọc trân châu trên thế gian ấy không thể làm gì khác, đã dùng súng lục tự kết liễu đời mình, để lại cho đời một nỗi đau không bao giờ nguôi ngoai cho được!

Nguyễn Thị Giang đã gửi lại ngàn đời sau hai bức thư tuyệt mệnh cho thấy tấm hồn dạt dào tình cảm và phẩm chất cao vời của một đấng nữ kiệt.

Bức thứ nhất nói với linh hồn Nguyễn Thái Học và với các đồng chí của mình:

Anh đã là người yêu nước! Không làm tròn được nghĩa vụ cứu nước, anh giữ lấy tấm linh hồn cao cả để mà chiêu binh, rèn lính ở dưới suối vàng.

Phải chịu đựng nhục nhã mới có ngày vẻ vang! Các bạn đồng chí phải sống lại sau anh để đánh đổ cường quyền mà cứu lấy đồng bào đau khổ!

http://sachviet.edu.vn

Bức thứ hai là một bài thơ huyết lệ thể lục bát, giãi bày hết nỗi lòng bi thương u uất trước lúc lìa đời:

Thân không giúp ích cho đời!
Thù không trả được cho người tình chung!
Dẫu rằng đương độ trẻ trung,
Quyết vì dân chúng thề lòng hi sinh.
Con đường tiến bộ mông mênh,
Éo le hoàn cảnh buộc mình biết sao?
Bây giờ hết kiếp thơ đào,
Gian nan bỏ mặc đồng bào từ đây.
Dẫu rằng chút phận thơ ngây,
Sổ đồng chí đã có ngày ghi tên.
Chết đi dạ những buồn phiền,
Nhưng mà hoàn cảnh truân chuyên buộc mình.
Quốc kì phất phới trên thành,
Tủi thân không được chết vinh dưới cờ.
Cực lòng nhỡ bước sa cơ,
Chết sầu chết thảm có thừa xót xa!
Thế ru? Đời thế ru mà?
Đời mà ai biết? Người mà ai hay?

Theo Nguyễn Thái Học (Nhượng Tống)

http://sachviet.edu.vn

14

LƯƠNG VĂN CAN VỚI PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

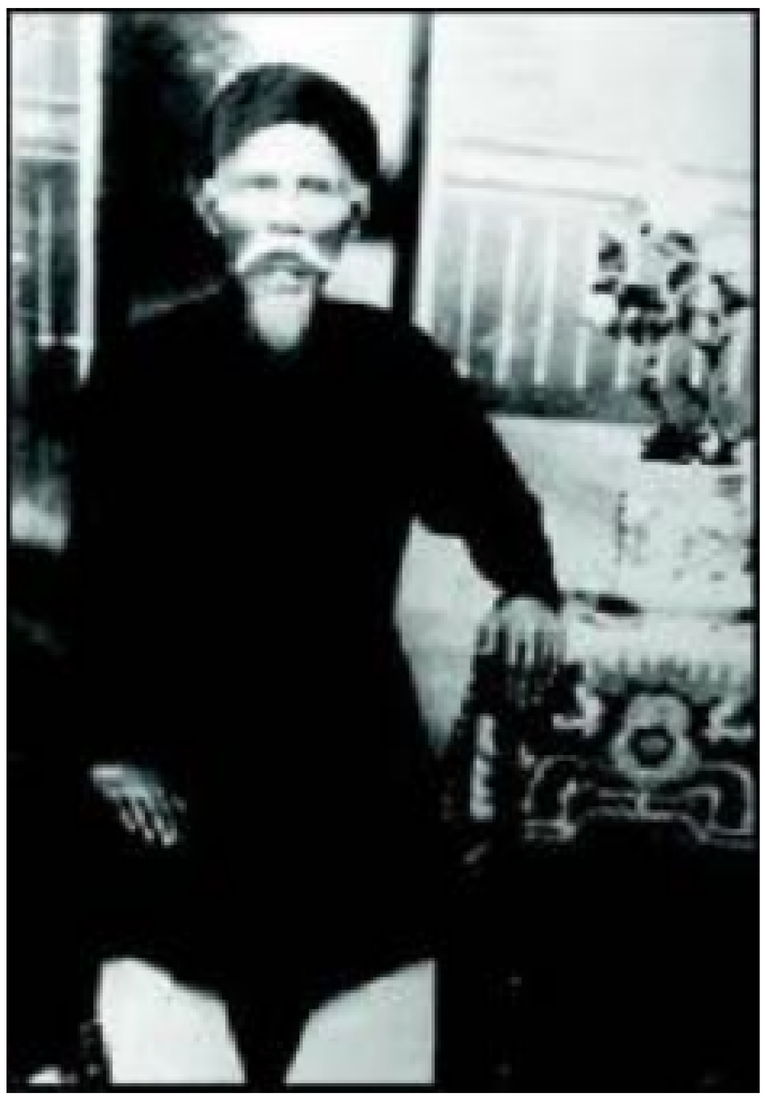

http://sachviet.edu.vn

Lương Văn Can (1854–1927), người làng Nhị Khê, tỉnh Hà Đông (cùng quê với Nguyễn Trãi), tính tình ôn nhu và có khí tiết, đậu cử nhân. Nam triều từng cử ông làm giáo thụ Phủ Hoài, chính phủ Pháp cũng từng cử ông làm Hội đồng thành phố Hà Nội nhưng ông đều khước từ, ở nhà dạy học. Môn đệ nổi tiếng nhất của ông là Nguyễn Hải Thần.

Ngay từ hồi còn trẻ, ông đã tỏ ra là một con người có khí phách. Khi thầy học của ông làm cách mạng bị giặc chém bêu đầu ở Phủ Hoài, môn đồ không ai dám có hành động gì, riêng ông khẳng khái dâng sớ xin đem thi hài thầy về chôn cất, được triều đình chuẩn y và còn khen là người có nghĩa.

Năm 1905, hoàn thành việc đưa Phan Bội Châu sang Nhật Bản để đặt giềng mối cho phong trào Đông Du, Tăng Bạt Hổ lại trở về nước tìm gặp các bậc văn thân, chí sĩ như Nguyễn Quyền (tại Lạng Sơn), Nguyễn Thượng Hiền (tại Nam Định) và Lương Văn Can tại Hà Nội.

Ngay trong cuộc sơ kiến, Lương Văn Can (lúc ấy ở tuổi ngũ tuần) đã có một ý tưởng sắc bén:

– Thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân[1]. Chúng ta đã vào hàng lão cả rồi, nên đặt hi vọng vào bọn hậu tiến.

Tăng Bạt Hổ đắc ý đáp:

---

[1] Kế mười năm không gì bằng trồng cây, kế trăm năm không gì bằng trồng người.

http://sachviet.edu.vn

– Ý tiên sinh thực hợp với ý tôi. Tôi về nước lần này chính có mục đích tìm thanh niên đưa qua Nhật học.

Rồi Tăng nhờ Lương giới thiệu các thanh niên du học. Lương nói:

– Tôi nghe nói một dải Hồng Sơn (Hà Tĩnh) đời đời sinh hào kiệt, dư đảng của cụ Phan Đình Phùng chắc còn, tiên sinh thử đi tìm, chắc được như ý.

Nhưng thật bất ngờ: người con trai cả của ông Lương là Lương Trúc Đàm (đã đậu cử nhân) đang hầu trà bỗng cung kính chắp tay thưa với ông Tăng:

– Thưa cụ, ở Bắc thành, thanh niên có tâm huyết cũng không ít, nếu cụ cho phép, cháu xin đảm nhiệm việc tìm anh tài ở ngoài này.

Tăng Bạt Hổ phấn khởi cả cười:

– Phi thử phụ bất sinh thử tử! (không có cha ấy không thể sinh con ấy).

Nhưng Lương Trúc Đàm chưa phải tìm kiếm đâu xa: hai người em trai của anh là Lương Ngọc Quyến và Lương Nghị Khanh mau mắn hăng hái xin nhập cuộc. Thế là ngay trong giờ phút mở màn của phong trào Đông Du, gia đình nhà chí sĩ họ Lương đã cung cấp ngay lập tức hai người lính tiên phong xuất sắc mà sau này sẽ được lịch sử lưu danh[1].

---

[1] Phan Bội Châu viết trong *Ngục trung thư* về Lương Ngọc Quyến như sau: *Tôi xem ra (Quyến) có khí phách hăng hái,*

http://sachviet.edu.vn

Đầu năm 1906, trước khi sang Nhật, Phan Chu Trinh đã hội đàm với Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Võ Hoành bàn kế duy tân. Tại Nhật, ông đã để ra vài tháng thăm viếng, nghiên cứu kĩ mô hình *Khánh Ứng nghĩa thục*, lò đào tạo các nhà duy tân tiền bối của Nhật Bản. Sau đó, trong dịp gặp gỡ tại phố Hàng Đào, ba yếu nhân Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu và Lương Văn Can đã quyết định thành lập *Đông Kinh nghĩa thục* để đẩy phong trào duy tân lên một quy mô mới.

Đông Kinh nghĩa thục (nghĩa là nghĩa thục tại Đông Đô, tức Hà Nội) toạ lạc tại... tư gia của Lương Văn Can, ở số 4 phố Hàng Đào, Hà Nội. Gian mặt tiền đã từ lâu là một tiệm vải, hai bên kê tủ hàng và kệ bày bán lụa Hà Đông, the La Cả, đũi Vân Xa, lãnh Bưởi và một số cây gấm Thượng Hải. Ở giữa chừa một lối đi. Còn trong hậu sảnh của căn nhà, có một cầu thang dẫn lên một căn gác: đó chính là một trong những "đại bản doanh" của cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Tại đó thường xuyên diễn ra những cuộc họp bàn quốc sự của các sĩ phu, văn thân, chí sĩ tầm vóc lãnh tụ như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Tăng Bạt Hổ, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lương Trúc Đàm, Đỗ Chân Thiết, Phương Sơn...

đầu tóc để bờm xờm, dò hỏi mới biết anh bỏ nhà vượt biển trốn sang Nhật có một mình, lúc lên bờ, trong túi chỉ còn vỏn vẹn có ba đồng xu... Bạn tuổi nhỏ ở nước nhà, một thân một mình mà dám liều mạng xông pha sóng gió muôn trùng tới một nước xưa nay chưa nghe thấy bao giờ, Lương quân là người thứ nhất vậy.

http://sachviet.edu.vn

Đông Kinh nghĩa thục tuy mang danh nghĩa một ngôi trường nhưng thực chất, nó thuộc về một phong trào cách mạng được phát động mạnh mẽ trên tất cả các mặt: xuất dương du học, chấn hưng kinh tế dân tộc, giáo dục nâng cao dân trí, và chuẩn bị lực lượng bạo động giành độc lập!

Nhà trường chủ trương dạy hoàn toàn miễn phí cho tất cả học viên. Hoạt động của trường gồm: dạy các môn Việt văn (bằng chữ quốc ngữ, theo mẫu tự Latin), Hán văn, Pháp văn; bỏ lối học từ chương mà chú trọng học thường thức và thực nghiệp; soạn sách giáo khoa mới để dùng cho nền tân học, dịch thuật những sách của Trung Hoa cần thiết; tổ chức những cuộc diễn thuyết để trao đổi tư tưởng và cổ động trong dân chúng; soạn ra những bài ca cổ động tinh thần ái quốc, chống thực dân phong kiến.

Lương Văn Can được cử làm Thục trưởng, Nguyễn Quyền làm Học giám. Một điều kì diệu là hầu như tất cả trí thức Việt Nam có tiếng đương thời đều đến quy tụ xung quanh vị huynh trưởng Lương Văn Can, tham gia xây dựng nhà trường, soạn sách giáo khoa, dịch sách nước ngoài, giảng dạy, hoặc diễn thuyết. Ngoài những nhà sáng lập trường như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ, còn có: Lương Trúc Đàm, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bá Học, Đào Nguyên Phổ, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Trần Đình Đức, Lê Đại, Bùi Đình Tá, Phạm Đình Đối, Phạm Tư Trực, Nguyễn Đôn Phục, ông cử làng Đông Tác, Hoàng Tích Phụng,

http://sachviet.edu.vn

Nguyễn Hữu Tiến... Riêng việc giảng dạy cho "phe nữ" có cô Năm (con gái của Lương Văn Can) đảm nhận.

Chỉ ít lâu sau khi khai trường, tại số 4 Hàng Đào đã có hai lớp học (một lớp nam và một lớp nữ) với sáu bảy chục học viên. Đến tháng 5–1907, được nhà nước cấp giấy phép, trường bèn khuếch trương lớn, sĩ số lên tới hơn năm trăm.

Tại nghĩa thục bỗng có một sự kiện làm nức lòng người mà cho đến tận ngày nay khi hình dung lại cảnh tượng ấy, mỗi chúng ta dường như thấy nó hiển hiện ngay trước mắt mình.

Đó là sự xuất hiện lần đầu tiên trước toàn thể thầy trò nghĩa thục *tấm bản đồ tổ quốc Việt Nam* do ông Trần Đình Đức, nhân viên sở địa lí (giáo viên dạy môn vẽ của trường) đã vẽ bằng tất cả trái tim và hoa tay của mình. Tấm bản đồ được vẽ trên một tấm vải trắng, cao 1m 50, chua đầy đủ (bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán) tên núi tên sông, các tỉnh, các đô thị, các thổ sản tại mỗi địa phương trên suốt dải đất Việt Nam uốn cong hình chữ S.

Ai cũng biết tình yêu đất nước là một tình cảm sâu xa và thiêng liêng không gì sánh nổi trong lòng mỗi con người Việt Nam. Bởi thế hình ảnh của tổ quốc mà lần đầu tiên họ được chiêm ngưỡng toàn bích qua tấm bản đồ mới gây ra những xúc động mãnh liệt đến thế trong tâm hồn họ. Các giáo sư nhà nho, các giáo sư Tây học, các nam nữ học sinh... thảy đều say sưa ngắm nghía tấm bản đồ, miệng không ngớt xuýt xoa và thốt lên những lời ngợi ca, cảm

http://sachviet.edu.vn

thán. Rồi ngay khi vừa trở về đến nhà, họ đã sôi nổi gọi những người thân và bạn hữu đến để thông báo về sự kiện trọng đại ấy:

"Hôm nay tôi vừa được nhìn thấy hình ảnh non sông gấm vóc mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta rồi dùng ngón tay chấm vào chén nước, vẽ lên mặt bàn mà hào hứng giải thích – này đây, nước mình có bờ biển cong như hình chữ S, phía trên này là Bắc Kì, quãng giữa thắt lại này là Trung Kì, còn phía dưới hơi phình ra này là xứ Nam Kì; đây là Ba Vì, Tam Đảo, đây là sông Hồng, đây là Thăng Long – Hà Nội, đây là Bạch Đằng giang nơi đại phá quân Nguyên, đây là núi Hồng Lĩnh, đây là dãy Trường Sơn, đây là sông Cửu Long, còn đây là vùng châu thổ phương Nam, nơi lúa chất thành núi, cá lội đầy sông... Ai muốn xem, mai tôi dẫn đến nghĩa thục cho tha hồ mà xem!"

Cũng từ lò duy tân, cách mạng *Đông Kinh nghĩa thục*, một số lượng đáng kể văn thơ yêu nước đã ra đời và đi vào quần chúng, tạo nên hơi thở cách mạng đặc trưng cho cả một thời đại mà toàn thể dân tộc ta nhất tề vươn mình tới văn minh, tiến bộ:

Hòn máu uất chất quanh đầy ruột,
Anh em ơi! xin tuốt gươm ra,
Có giời có đất có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm!

(Phan Bội Châu)

Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh Độc lập ở chùa Duy tân.

http://sachviet.edu.vn

Đêm ngày khấn vái chuyên cần,
Cầu cho ích nước lợi dân mới là.
Cốt tu sao cho mở trí dân nhà,
Tu sao độ được nước ta phú cường...

(Nguyễn Quyền)

Non sông thẹn với nước nhà,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu...
Lại nghe nói Lào Cai, Yên Bái,
Mấy muôn người xẻ núi đào sông:
Cực thay! Lam chướng nghìn trùng,
Sông sâu quẳng xác, hang cùng chất xương.
Nỗi diệt chủng vừa thương vừa sợ,
Nòi giống ta biết có còn không?...
Nghĩ lắm lúc thâm gan tím ruột,
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra.
Cũng xương cũng thịt cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long.
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Bốn mươi năm nhơ nhuốc lầm than.
Thương ôi! Bách Việt giang san,
Văn minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa.
Hồn mê mộng tỉnh chưa, chưa tỉnh?
Anh em ta phải tính làm sao?...

(Á tế á ca)

... Thiếp tôi đây đâu có nhi nữ chi thường,
Anh tai mắt mong nở nang trong vũ trụ.
Đường ưu thắng anh thênh thang vó ngựa,
Gánh văn minh em sớn sở lưng ong.

http://sachviet.edu.vn

Đôi ta vợ vợ chồng chồng,
Nước non nhẹ gót tang bồng này chăng?
Xem trong phu phụ ai bằng!

(Vợ khuyên chồng)

Đã một thế kỉ trôi qua, mà đến nay những câu thơ câu hát ấy vẫn còn như văng vẳng bên tai chúng ta, gợi nhớ về cái thuở ban đầu khi dân tộc ta thức tỉnh và hăng hái đoàn kết quyết từ giã "một thời xưa u tối" để hướng tới thời đại duy tân.

Có lẽ không ngoa khi nói rằng *Đông Kinh nghĩa thục* là một sự kiện lịch sử mang đậm tính chất lãng mạn cách mạng. Bởi vì nhà trường không được xây dựng trên cơ sở một luận chứng kinh tế xã hội mang tính khoa học và khả thi nào. Nó ra đời mau chóng và tồn tại một thời gian nhờ tinh thần yêu nước nồng cháy của các sĩ phu, trí thức và khát vọng bồng bột của quần chúng nhân dân muốn thoát khỏi cảnh sống đắm chìm trong đêm tối. Về ý nghĩa xã hội và những giá trị tinh thần mà *Đông Kinh nghĩa thục* mang lại cho dân tộc ta thời ấy, thật là vô cùng lớn lao, sâu sắc và sẽ trường tồn cùng lịch sử. Lòng yêu nước, ý chí độc lập tự cường, khát vọng nâng cao tri thức văn hoá, khẳng định vai trò ưu việt của *chữ quốc ngữ*, tinh thần hiệp nhất của cộng đồng dân tộc... đều được đẩy lên một mức độ rất cao.

Một điểm đặc sắc khác là vấn đề *bình đẳng nam nữ*, mặc dù lần đầu tiên được đề cập trong xã hội, đã tỏ ra có sức sống mạnh mẽ khác thường: giới phụ nữ

http://sachviet.edu.vn

đã tham gia và hưởng ứng rất đắc lực và sôi nổi mọi hoạt động ở cả trong nghĩa thục lẫn ngoài xã hội.

Có thể nói: nếu thời Trần oanh liệt ở thế kỉ XIII đã tạo ra *hào khí Đông A* thì thời đại cách mạng văn hoá, tư tưởng, kinh tế và phong tục với hạt nhân *Đông Kinh nghĩa thục* đã tạo ra *hào khí duy tân* đầu thế kỉ XX.

Nghiên cứu về *Đông Kinh nghĩa thục*, học giả Nguyễn Hiến Lê đã phải thốt lên những lời tâm huyết: *Về ảnh hưởng của phong trào thì chúng ta có thể tin rằng khắp thế giới, không có cuộc vận động nào trong những hoàn cảnh khó khăn mà chỉ có mấy tháng, lan tràn khắp trong nước, thành đề tài cho biết bao bài ca ái quốc được dân thuộc lòng như công cuộc duy tân của Nghĩa Thục... Mỗi lần ôn lại lịch sử là mỗi lần vững thêm được niềm tin... Hạng trí thức mà biết noi gương các cụ trong Nghĩa Thục, hết lòng dắt díu khai hoá đồng bào thì không có lí gì tương lai của chúng ta không rực rỡ vào bậc nhất nhì Đông Á.*

Ảnh hưởng của *Đông Kinh nghĩa thục* lớn lao là thế, nhưng "số phận" của bản thân trường thì thật là gieo neo, khốn khó.

Sau bảy tháng hoạt động, về tiền bạc, trường chỉ có chi, thậm chí chi một cách hào phóng, mà thu chẳng được là bao, do chính sách "miễn phí" cho học viên được áp dụng đại trà. Khi ngân quỹ của trường đã gần cạn, không còn cách nào khác, Thục trưởng Lương Văn Can buộc phải cậy đến sự "hi sinh" của bà

http://sachviet.edu.vn

vợ hiền Lê Thị Lễ. Vì sự nghiệp của chồng, cũng tức là vì đại nghĩa, bà vợ nhà chí sĩ đã đồng ý bán đi một cửa hiệu buôn của mình là Quảng Bình An ở phố Hàng Ngang, lấy số tiền 7000 đồng (một số tiền không nhỏ chút nào) đưa cho chồng để chi tiêu về việc của nghĩa thục. Sau này bà kể lại rằng:

– Tôi cầm bút kí tờ đoạn mãi mà tay run lên. Từ nhỏ tôi có bao giờ dám động tới di sản của tổ tiên đâu! Bán cửa hiệu đó được một tháng sau thì trường bị đóng cửa, nếu không, tôi không biết trường kiếm tiền bằng cách nào để qua nổi được cái tháng đó?

Rõ ràng hai vợ chồng ông bà Lương Văn Can đã dũng cảm làm một hành động "sát... sản thành nhân" đáng để cho mọi thế hệ người Việt trông vào mà cảm phục và suy ngẫm...

Thực dân Pháp biết rằng phía đằng sau nghĩa thục là cả một mặt trận phức tạp và đáng sợ chống lại chúng. Chẳng hạn chỉ riêng một bài vè *Thiết tiền ca* phát đi từ nghĩa thục, đả kích việc đúc tiền sắt thay cho tiền đồng tiền kẽm (bọn Pháp muốn thu hết đồng, kẽm cho việc đúc súng đạn) đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đúc tiền sắt của chúng: tất cả mọi người dân đã nghe theo lời khuyên nhủ của bài vè, không một ai chịu tiêu tiền sắt cả!

Rốt cuộc, thực dân Pháp thu hồi giấy phép của trường.

Kế đó có mấy sự kiện chính trị lớn xảy ra: vụ kháng thuế ở Quảng Nam, vụ bạo động của Đề Thám ở Yên Thế, và vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội

http://sachviet.edu.vn

năm 1908. Cả nước náo loạn. Thực dân Pháp bèn ra lệnh bắt tất cả các nhà cách mạng của nghĩa thục vì cho rằng họ có tham gia vào các vụ đó. Một thảm hoạ đã trút lên đầu hầu hết những người con ưu tú của dân tộc đã sống hết mình vì nghĩa thục.

Riêng Lương Văn Can cũng chỉ sống yên thân được một thời gian. Đến năm 1913, xảy ra vụ bạo động ném tạc đạn, bọn Pháp ngờ rằng nhóm nghĩa thục chủ mưu, bèn bắt ông đưa đi an trí tại Nam Vang mười năm trời.

Vậy là cả phong trào *Đông Du* và phong trào *Đông Kinh nghĩa thục* đang đến hồi phát triển mạnh mẽ thì bị thực dân Pháp đàn áp thẳng tay, dần dần tan rã. Phải chăng sự thất bại ấy đã vạch ra tính phi lí của mô hình *tồn tại song song hai phái bất bạo động và bạo động* trong bối cảnh thực tế của nước ta lúc đó? Nói cách khác: những hành động của phái bạo động đã gây ảnh hưởng làm đổ bể công cuộc duy tân của phái bất bạo động. Rõ ràng lịch sử đòi hỏi phải có một chiến lược khác đúng đắn hơn để giải quyết vấn nạn của đất nước ta thời đó.

Nhưng "luận anh hùng chớ kể hơn thua". Lòng yêu nước nồng cháy, tinh thần xả thân vì dân tộc của nhà chí sĩ kiệt hiệt – Thục trưởng Lương Văn Can, cũng như của bao nhiêu chí sĩ cách mạng khác trong phong trào duy tân đầu thế kỉ XX, đã làm nên những tấm gương sáng ngời, cao cả còn lại mãi mãi với thời gian.

Viết theo: Đông Kinh nghĩa thục
(Nguyễn Hiến Lê)

http://sachviet.edu.vn

15

VỚI LỜI THỀ YÊU NƯỚC

http://sachviet.edu.vn

Nguyễn An Ninh (1899 – 1943) sinh tại Hóc Môn (Gia Định) là con của nhà chí sĩ cách mạng Nguyễn An Khương – thủ lĩnh phong trào *Duy Tân* ở Nam Kì.

Khi đến tuổi thành niên, Nguyễn An Ninh ngỏ ý xin cha cho đi du học bên Pháp. Yêu cầu của cậu con rõ ràng là chính đáng, nhưng ông Nguyễn An Khương nào có như các ông bố khác! Ông lật trái vấn đề rằng: nếu cho con đi du học thành tài rồi sau này hắn dùng cái tài ấy phục vụ bọn cướp nước, phản lại giống nòi thì sao?

Để giải quyết mối nghi ngại ấy, ông dẫn con đến Lăng Ông (thờ Tả quân Lê Văn Duyệt) bắt con phải thề trước Đức Ông rằng không bao giờ chạy theo bả vinh hoa mà quên tổ quốc!

Nguyễn An Ninh không mong gì hơn thế: anh trịnh trọng đọc lời thề. Ông bố lúc ấy mới yên chí bằng lòng cho con đi du học!

Từ đó cả cuộc đời hoạt động sôi sục với tâm hồn nồng cháy của Nguyễn An Ninh chính là sự thực hiện lời thề nguyện ấy!

Nguyễn An Ninh học luật ở trường đại học Sorbonne. Ông giao kết với rất nhiều trí thức nước ngoài và các nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam ở Pháp như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc...

Năm 1922 sau khi đỗ cử nhân luật, Nguyễn An

http://sachviet.edu.vn

Ninh đã về nước, "đăng đàn" với nhiều bài diễn thuyết vạch mặt đế quốc Pháp tại Hội quán Hội khuyến học Nam Kì, được thanh niên trí thức nhiệt liệt hoan nghênh.

Năm 1923, ông ra báo *Cái chuông rạn* (La Cloche fêlée, bằng tiếng Pháp) công kích thực dân Pháp, đòi quyền dân chủ, dân sinh, đăng tải những luận văn chính trị nổi tiếng và tiến bộ của thế giới (như *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp 1789*).

Khi báo bị Pháp bắt đóng cửa, ông liền "xuống đường" tổ chức diễn thuyết. Ông đã biến phố phường, xóm thợ thành trường học qua những cuộc diễn thuyết ấy. Tại cuộc mít tinh ở xóm Lách (Sài Gòn) có đến 3000 quần chúng vây quanh nghe ông nói. Ông đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong tâm hồn họ khiến họ hò reo hoan hô vang dậy. Bọn mật thám và lính Pháp sợ sức mạnh của quần chúng, đành phải làm ngơ, đứng canh chừng ở bên ngoài.

Từ khi báo bị đóng cửa, ông "tìm kế sinh nhai" bằng việc bán dạo dầu cù là (môn thuốc mà một hoàng thân Miến Điện tặng gia đình ông) nhưng thực chất đây chỉ là "vỏ bọc" để ông hoạt động cách mạng. Nhân dân gọi ông là "nhà trí thức cách mạng bán dầu cù là" và vô cùng yêu mến ông. Để bổ túc tri thức cho dân, ông đã dịch tác phẩm lớn *Khế ước xã hội* của J.J.Rousseau ra tiếng Việt.

Là nhà cách mạng tầm cỡ lãnh tụ (lời cố Thủ

http://sachviet.edu.vn

tướng Phạm Văn Đồng), Nguyễn An Ninh đã đi từ chủ trương đấu tranh ôn hoà (bằng chính trị) đến chủ trương đấu tranh bằng sức mạnh quân sự – "một cuộc đề kháng có sức đánh bại sự áp bức". *Hội kín Nguyễn An Ninh* (còn gọi là Thanh niên Cao vọng) ra đời, có thanh thế mạnh mẽ nhất ở vùng Hóc Môn – Bà Điểm, có cơ sở ở hầu khắp các tỉnh Nam Kỳ.

Vì trọn đời thực hiện lời thề thiêng liêng "cống hiến tất cả cho tổ quốc, dân tộc", lại dũng cảm đối đầu công khai với thực dân Pháp nên Nguyễn An Ninh liên tục bị tù tội (5 lần) với mức án là: 11 năm 6 tháng tù ở, 20 năm biệt xứ, 10 năm mất quyền công dân! (Ông chỉ hưởng dương 44 tuổi). Tháng 10– 1939, khi cuộc Đại chiến thế giới thứ hai nổ ra, ông bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo. Tại đây, ông lâm trọng bệnh kiệt sức và hy sinh năm 1943.

Nguyễn An Ninh là một nhà trí thức cách mạng yêu nước chân chính, là người con ưu tú của dân tộc trong giai đoạn cuối cùng khi đất nước ta còn chưa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp.

Nguyễn Anh Ninh ra đi nhưng đã để lại cho những người đồng bào còn sống của ông một thiên tuyệt bút trong đó ông đi sâu luận bàn về ý nghĩa chân chính của *sự sống* và *cái chết*. Đọc bài thơ ông viết bằng tất cả lương tri và tâm huyết, chúng ta đều nhận thấy đó là một bài học quý giá về việc trau dồi phẩm hạnh và về cách xử thế của con người:

http://sachviet.edu.vn

SỐNG VÀ CHẾT

Sống mà vô dụng sống làm chi?
Sống chẳng lương tâm, sống ích gì?
Sống trái đạo người, người thêm tủi,
Sống quên ơn nước, nước càng khi.

Sống tai như điếc, lòng thêm hổ,
Sống mắt dường đui, dạ luống kì.
Sống sao cho phải, cho nên sống,
Sống để muôn đời, sử tạc ghi.

Chết sao danh tiếng vẫn lưu hoài,
Chết đáng là người đủ mắt tai.
Chết được dựng hình, tên chẳng mục,
Chết đưa vào sử, chữ không phai.

Chết đó rõ rằng danh sống mãi,
Chết đây chỉ chết cái hình hài.
Chết vì Tổ quốc, đời khen ngợi,
Chết cho hậu thế, đẹp tương lai.

(Nguyễn An Ninh tác phẩm,
Nxb Văn học, HN, 2009)

http://sachviet.edu.vn

16

MỘT TẤM GƯƠNG TRÍ THỨC YÊU NƯỚC

Thái Văn Lung (có tên Pháp: Albert) người Việt mang quốc tịch Pháp, từ nhỏ sống ở Pháp, học ở trường Công giáo. Năm 21 tuổi, anh đậu cử nhân luật rồi bị đăng lính (trong quân đội Pháp) tại Sài Gòn.

Với thân danh như vậy, Thái Văn Lung hoàn toàn có thể tạo dựng một cuộc sống phong lưu, thậm chí "ăn trên ngồi trốc". Song trong dòng máu của anh lại tiềm ẩn một nhiệt tình yêu nước vô cùng nồng cháy. Về nước, được chứng kiến tận mắt thực trạng của chế độ thuộc địa dã man tàn khốc, anh dứt khoát xác định lập trường: chống thực dân Pháp, giành lại độc lập cho tổ quốc. Năm 1940 cuộc khởi nghĩa Nam Kì thất bại, nhân dân bị tàn sát khủng bố khiến anh bội phần đau xót.

Sau khi giải ngũ, anh dần tách khỏi bọn trí thức thân Pháp và giao kết với những người trí thức tiến

http://sachviet.edu.vn

bộ và đến với nhân dân lao động. Anh luôn đứng ra cãi không lấy tiền cho những người nghèo khổ bị thực dân kết án. Rồi anh đến với chủ nghĩa cộng sản với khát vọng về một xã hội không còn cảnh bất công. Anh trở thành thủ lĩnh của tổ chức thanh niên tiền phong ra đời tháng 6–1945.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngay từ ngày 23–9–1945 Thái Văn Lung đã cầm súng đứng trong hàng ngũ những người kháng chiến. Trấn giữ Thủ Đức, bộ đội dưới sự chỉ huy của Thái Văn Lung đã đánh nhiều trận phục kích làm quân Pháp khiếp sợ, ban đêm không dám ra khỏi thị trấn. Anh đã chế tạo được những súng cối đầu tiên đánh lui nhiều cuộc tấn công của Pháp.

Tháng 10–1945, Tư lệnh Nguyễn Bình được cử vào miền Nam chỉ huy chiến đấu. Biết tài đức của Lung, ông gọi anh về chiến khu Đ vừa thành lập. Anh hoàn toàn có thể trở thành một sĩ quan chỉ huy cấp cao bên cạnh Nguyễn Bình, song Thái Văn Lung đã chọn con đường khác: ở lại với bộ đội của mình, trực tiếp đối mặt với kẻ thù. Dường như anh không thể rời xa các chiến sĩ thân yêu của mình được. Anh lo lắng cho họ với tất cả tâm hồn: họ còn đủ gạo ăn không? Giặc có làm tổn hại tính mạng họ không? Đồng bào có bị giết hại không?

Tham gia các trận đánh ở Bình Lợi, Bình Phước, Thủ Đức, luôn luôn Thái Văn Lung đứng ở hàng đầu của đại đội. Mấy lần anh suýt chết, song bọn giặc cũng khiếp vía vì anh.

http://sachviet.edu.vn

Giặc Pháp giở thủ đoạn dụ dỗ, đã sai tên Lơcle, chỉ huy phòng nhì của quân đoàn đến vận động ba má Lung gọi con trở lại hàng ngũ của chúng, nhưng ông bà đã trả lời:

– Con tôi đã lớn, nó có đủ trí khôn để hiểu công việc nó làm!

Thái Văn Lung rất thương ba má, nhưng *éo le thay, muốn phụng sự quê hương, phải giẫm nát bao lòng mình kính mến*[1], anh đã đặt nghĩa vụ với tổ quốc lên trên tình cảm gia đình.

Chính vì quá chú tâm bảo vệ dân, một ngày kia Thái Văn Lung đã không kịp rời xa ngôi nhà của anh khi quân Pháp bất ngờ đến bao vây. Anh chỉ còn la thật lớn để các đồng chí của mình biết mà rút lui.

Thái Văn Lung bị giặc đưa về Thủ Đức, giở đủ mọi trò tra khảo và những đòn tra tấn dã man nhất. Anh chết đi sống lại mấy lần trong đêm, người sưng mềm đầy máu. Và anh đã trút hơi thở cuối cùng ở bót phòng nhì Thủ Đức giữa lúc mới có 29 tuổi.

Tấm gương oanh liệt của một trí thức Sài Gòn yêu nước – Thái Văn Lung – mãi mãi ngời sáng, giải đáp cho câu hỏi muôn thuở "sống để làm gì" và "sống như thế nào?" của tất cả mọi người.

Một người bạn của Thái Văn Lung là Gerbes (người Pháp) đã làm một bài thơ thương tiếc anh như sau:

---

[1] Hai câu thơ trong bài thơ *Ngày tang Yên Bái* (Đằng Phương).

http://sachviet.edu.vn

BÓ HOA LÒNG

(Tặng anh Thái Văn Lung thân mến)

Anh nỡ biệt chiến khu rực rỡ,
Nơi gần năm ta đã liều thân.
Đấu tranh chẳng chút ngại ngần,
Giữ gìn bửu bối, ấy thần Tự Do.
Mạng tuy yểu, anh là bất tử,
Bạn đồng liêu tưởng nhớ khôn nguôi.
Lời xưa nung nấu sục sôi,
Ghi vào tấc dạ chí người trượng phu.
Hãy an nghỉ, anh giờ thoả mãn
Khi làm tròn sứ mạng vẻ vang.
Tôi dầu thịt nát xương tan,
Quyết lo thống nhất, đặng hàn vết thương.
Nhớ chăng tá? Lòng tràn hi vọng,
Mùa tới rồi, ta ngóng thành công.
Bỏ tôi, anh sớm ruổi rong,
Trên đường hoa gấm, cõi Bồng là đây.

(Bà Hồng Hi Phạm Thị Nhiệm
dịch từ Pháp văn)

Tư liệu: B.S Phạm Ngọc Thạch thuật

http://sachviet.edu.vn

17

PHẠM QUỲNH

Phạm Quỳnh[1] (1892–1945) là một gương mặt học giả tiêu biểu của nửa đầu thế kỉ XX, có nhiều điểm tương đồng với nhà bác học Trương Vĩnh Kí ở nửa cuối thế kỉ XIX. Điều khiến ông có phần vượt trên nhiều học giả khác đương thời chính là nhờ khối kiến thức quảng bác của ông đối với cả hai nền văn hoá: phương Đông (trong đó có Việt Nam) và phương Tây. Đầu óc thông tuệ và có những phẩm chất của một nhà tư tưởng cộng với trình độ Pháp văn và Hán văn vào hàng cự phách đã giúp ông nhìn thấy được những vấn đề lớn của thời đại và mạnh dạn vạch ra một hướng đi cho đất nước. Mặc dù thất bại trên trường chính trị, ông đã có những thành tựu nhất định đóng góp cho nền văn hoá của dân tộc, được nhiều người công tâm thừa nhận.

---

[1] Tất cả các giai thoại về Phạm Quỳnh được viết trên cơ sở cuốn sách TIỂU LUẬN của Phạm Quỳnh (nguyên văn bằng tiếng Pháp, viết trong thời gian 1922–1932) (Nxb Tri thức – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2007).

http://sachviet.edu.vn

Một trong những cống hiến có giá trị của ông là ý tưởng sau đây: cần phải phối hợp những tinh hoa của hai nền văn hoá Đông–Tây vốn mang bản chất phiến diện, để tạo thành mô hình một nền văn hoá hoàn thiện cho tương lai. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh: không phải chỉ phương Đông tiếp thu những thành tựu của nền văn minh kĩ thuật phương Tây, mà chính phương Tây cũng dần ngộ ra và tiếp thu những thành tựu về sự minh triết và đạo đức của phương Đông.

Với trường hợp Phạm Quỳnh, các giai thoại thường là những "chuyện lạ có thật" thuộc về một nhân vật vừa có tài vừa có nhiều tham vọng lớn.

TRÁCH VỤ CỦA MỘT TRÍ TUỆ LỚN ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC VÀ DÂN TỘC

Người ta dễ dàng nhận thấy Phạm Quỳnh là một nhân vật kì tài trong làng văn hoá Việt Nam đầu thế kỉ XX. Ông xứng đáng với nhiều danh hiệu như *nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nhà văn hoá, nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà nghiên cứu, nhà phê bình văn học, nhà biên khảo, nhà dân tộc học, nhà ngôn ngữ,*

http://sachviet.edu.vn

thuyết khách, dịch giả v.v..

Cuốn *Tiểu luận* của Phạm Quỳnh khiến nhiều người thán phục và hăm hở tham gia vào việc giới thiệu, dịch thuật và xuất bản. Trong những năm đầu thế kỉ XX hiếm thấy người trí thức Việt Nam nào lại có đủ năng lực đề cập đến nhiều lĩnh vực học thuật đến thế: lịch sử Việt Nam, cái đẹp của đất nước, con người và văn hoá Việt Nam, lịch sử thế giới, văn minh phương Đông, văn minh phương Tây, triết học Đông – Tây, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, văn học... Ở bất kì lĩnh vực nào, Phạm Quỳnh không chỉ là một độc giả mà đều có những tổng hợp và nhận định sắc bén được trình bày trong những luận văn mang tầm tư duy cao.

Mặc dù chỉ mới tốt nghiệp bậc trung học trường thông ngôn (năm 1908), trong khoảng 4 đến 5 năm làm việc tại Trường Viễn Đông Bác Cổ, Phạm Quỳnh đã tự trau dồi cho mình cả một khối tri thức bách khoa cổ kim to lớn của thế giới. Với khối tri thức đó và "tài thao lược" trên mặt trận văn hoá, ông ý thức được trách vụ của một trí thức hàng đầu trong buổi sơ khai của nền văn minh hiện đại Việt Nam: cần phải gấp rút trang bị những tri thức căn bản cho nhân dân để tiến kịp trào lưu chung của thế giới, đồng thời phải hoạch định một đường lối chiến lược khả dĩ đưa đất nước tiến sang thời đại văn minh ngay cả khi Việt Nam còn chưa thoát khỏi sự thống trị của đế quốc Pháp.

Để thực hiện những mục tiêu trọng đại đó, lợi dụng lúc Pháp đang gặp nhiều khó khăn do cuộc Thế

http://sachviet.edu.vn

chiến thứ nhất, buộc phải nới tay với các thuộc địa, Phạm Quỳnh cộng tác với *Đông Dương tạp chí* của Nguyễn Văn Vĩnh những năm 1913–1914. Sau đó ông quy tụ một số nhân vật trí thức từng tham gia *Đông Kinh nghĩa thục* để sáng lập *Nam Phong tạp chí* năm 1917. Đó là một tờ báo danh tiếng với ba ngôn ngữ Việt – Pháp – Hán, là diễn đàn để ông trình bày với quốc dân, với người Pháp và với thế giới những vấn đề bức xúc của xã hội Việt Nam cùng những chính kiến, tư tưởng của ông. Năm 1919, ông tham gia sáng lập hội *Khai Trí Tiến Đức*.

Bên cạnh những việc làm đó, Phạm Quỳnh đã để nhiều công sức trước tác và dịch thuật hàng loạt tác phẩm kinh điển để làm sách giáo khoa cho người Việt học tập. Đó là: *Phương pháp luận* của Descartes, *Sách cách ngôn* của Epictète, *Triết học Auguste Comte, Triết học Bergson, Văn minh luận, Khảo cứu về luận lí học thuyết của Thái Tây, Khảo về chính trị nước Pháp, Văn minh nước Pháp, Văn học nước Pháp, Lịch sử thế giới, Lịch sử và học thuyết của Rousseau, Lịch sử và học thuyết của Montesquieu, Lịch sử và học thuyết của Voltaire, Tiểu luận 1922–1932* (viết bằng tiếng Pháp), *Phật giáo đại quan, Khổng giáo luận, Hán-Việt văn tự, Việt Nam thi ca, Thơ ta và thơ Tây, Thơ Baudelaire v.v..*

Sức làm việc của Phạm Quỳnh thật phi thường và phạm vi những đề tài ông đề cập thật rộng lớn. Khối tác phẩm ấy cùng với *Nam Phong tạp chí* đã đáp ứng được nhu cầu học hỏi và nghiên cứu của cả giới trí

http://sachviet.edu.vn

thức lẫn giới bình dân thời bấy giờ.

Chúng tôi xin trích dẫn từ kho tàng trước tác của Phạm Quỳnh một số đoạn văn đặc sắc hàm chứa những phát hiện trí tuệ, để bạn đọc thưởng thức:

"Với chúng tôi, dù đức vua có dành cho một gian phòng trong lâu đài của người, thì cũng không vì thế mà chúng tôi lại muốn rời bỏ chiếc thuyền tam bản quê mùa này... chị nấu cho chúng tôi những món cá tuyệt vời thêm vào đó chị còn có một chất giọng rất tuyệt: ban đêm, lúc chèo thuyền, chị vẫn hát những bài buồn mê hồn".

(Trên sông Hương)

"Những thi sĩ bình dân của chúng tôi có một quan niệm rất giản dị về tình yêu... Họ không biết những điều phức tạp của tình yêu ngoại hôn, cũng không biết những suy đồi của tình yêu thoáng chốc, sản phẩm của những xã hội quá văn minh... Trong những xung đột giữa tình yêu và bổn phận, tình cảm về bổn phận bao giờ cũng thắng... Tới một ngày mà nhờ những tiến bộ của nền giáo dục phương Tây và sự tiếp xúc với nền văn minh hiện đại, thì những phụ nữ nước Nam... cũng sẽ đòi hỏi cái gọi là quyền được sống và quyền được yêu. Nhưng... chúng ta cũng vẫn mong những người bạn đời, những người chị em của chúng ta hãy luôn luôn giữ nguyên vẹn thứ tình cảm cao đẹp về bổn phận, chính nó làm nên sức mạnh gia đình chúng tôi, làm ra cái sức sống của nòi giống chúng tôi".

(Thơ nước Nam)

http://sachviet.edu.vn

"... Bên cạnh nền văn học chính thống... mà ta có thể gọi là văn học chữ Hán, còn tồn tại một nền văn học bình dân, phần lớn là truyền miệng, dù sao nó cũng là một quặng mỏ không thể cạn kiệt cho nhà ngữ văn và nhà nghiên cứu văn hoá dân gian (folkloriste)... Chẳng có "rừng bút" nào có thể sánh bằng cái tráng lệ, cái xum xuê của khu rừng rậm rạp của ngôn ngữ nói bình dân nước Nam.

Cái gì đã làm nên sự độc đáo vô cùng của quyển Kiều; điều đó chính là cuốn sách đã được viết bằng một thứ ngôn ngữ vô cùng bác học và văn chương... tất cả người nước Nam, từ người kéo xe cho đến những vị quan cao, từ người bán hàng rong đến người đàn bà cao sang, đều thuộc lòng những câu thơ trong Truyện Kiều..., thậm chí tôi có thể nói nó được cả một dân tộc hâm mộ.

Nếu một dân tộc sống bằng ngôn ngữ của mình thì chúng tôi quyết sống, tức là quyết bảo vệ sự toàn vẹn, quyết làm giàu thêm trong chừng mức có thể cái ngôn ngữ dân tộc của chúng tôi".

(Người nông dân Bắc Kì
qua tiếng nói bình dân)

"Tết là gì? Tết là tiếng gọi mênh mông của tất cả những người con nước Nam, trong dịp đổi mới của toàn bộ đất trời và của muôn vật, gào lên niềm tin vào cuộc sống cùng niềm khát khao hạnh phúc và an vui của mình".

(Tâm lí ngày Tết)

http://sachviet.edu.vn

"Nghị lực của nước Nam... Đấy không phải là nghị lực của cây sồi đương đầu trước cơn giông tố, mà là của cây sậy hay đúng hơn là cây tre mảnh mai nhưng lại rất vạm vỡ mà người nước Nam gọi là bậc hiền nhân, hẳn vì nó uốn mình mà không gãy, theo họ đó mới là minh triết...

(Suy nghiệm về lịch sử nước Nam)

"Lí tưởng của phương Đông là lí tưởng về minh triết, thuận lợi cho một sự yên bình hạnh phúc. Lí tưởng của phương Tây luôn là lí tưởng về sức mạnh. Nhằm khuất phục các lực lượng của tự nhiên để phục vụ con người, nó đã phát minh ra khoa học.

Khoa học làm ra ngày càng nhiều phương tiện, tạo nên các nhu cầu, kích thích các ham muốn, và đưa ý chí về quyền lực lên đến độ cao nhất của nó, làm cho con người phương Tây tràn ra khỏi môi trường tự nhiên của mình và ném họ vào cuộc chinh phục thế giới... Nếu khoa học cổ đại đồng nghĩa với minh triết thì khoa học hiện đại thường là phủ nhận minh triết, chỉ nhằm thiết lập trên thế giới triều đại của máy móc, tàn phá mọi lí tưởng và mọi minh triết, và mỗi bước con người chiếm lĩnh được khoa học đánh dấu một bước lùi trong lĩnh vực các giá trị đạo đức và tinh thần... Lí tưởng hơn cả là có thể đi đến được sự đồng cảm hài hoà giữa phương Tây và phương Đông, giữa khoa học châu Âu và minh triết châu Á".

(Phương Đông và Phương Tây)

http://sachviet.edu.vn

"Nhật Bản, dưới sự dẫn dắt của một tầng lớp ưu tú sáng suốt, tập trung toàn bộ ý chí của mình, đã ra sức chiếm lĩnh khoa học phương Tây, ngọn nguồn của mọi sức mạnh... và đến một ngày họ trở nên cũng hùng mạnh, hùng mạnh hơn cả những người thầy ngoại quốc".

(Tấm gương Nhật Bản)

"... Chính tư tưởng là ngọn nguồn của hành động... Nếu tư tưởng không nhất quán và sai lầm, thì hành động nó sản sinh ra ắt sẽ rối rắm và vô hiệu quả..."

(Học thuyết)

"... Chúng ta không thể là gì khác với chính mình, vậy thì hãy quyết định mạnh mẽ là chính mình... chúng ta đã được sinh ra là người nước Nam, chúng ta tất phải sống và... chết là người nước Nam. Đừng mơ tưởng thành ai khác; đừng tìm cách phủ nhận chính mình..., đấy là chọn lựa khôn ngoan nhất. Và khi chúng ta đã quyết định rõ ràng như vậy, chúng ta có thể sáng tạo cuộc sống của chúng ta".

(Những lời tâm sự)

"Ngài Vraysac, trong công trình nghiên cứu tuyệt vời của mình nhan đề Người nước Nam có thể đổi mới nền văn minh của mình như thế nào? *mà tôi đã dịch sang tiếng Nam trên tạp chí Nam Phong, đã viết: "Đông Dương có thể coi là một phòng thí nghiệm tại đấy đang được chuẩn bị sự hoà giải giữa phương Đông và phương Tây".*

http://sachviet.edu.vn

Và ngài Alfred Meynard, trong một bài đăng trên tạp chí Viễn Đông: "Đối với các dân tộc da vàng, việc tiếp xúc với phương Tây không đem đến một truyền thống mới, mà là những phương tiện vật chất để làm sâu sắc hơn, và phát huy truyền thống của mình".

(Sự tổng hợp cần thiết)

"... Rõ ràng là văn xuôi mới đang đi theo mẫu của văn xuôi Pháp và đang tìm cách vay mượn ở đó một số phẩm chất: sáng sủa, chính xác, logic, thanh nhã, dí dỏm và hài hước".

(Ngôn ngữ mới của nước Nam)

Có thể nói tiếp sau phong trào "văn minh hoá Việt Nam" do Trương Vĩnh Kí phát động hồi cuối thế kỉ XIX, Phạm Quỳnh đã ra sức thúc đẩy công cuộc "văn minh hoá Việt Nam" trong thời đại mới.

NGƯỜI MỞ ĐẦU CHO LỐI HÀNH VĂN HIỆN ĐẠI

Năm 15 tuổi khi còn học ở cấp II, do bệnh "mê văn" khá nặng, tôi – soạn giả bộ sách *Giai thoại lịch sử Việt Nam* này – đã lập một cuốn sổ nhỏ nhưng khá dày, đóng bìa cứng, để ghi chép nhiều bài, nhiều đoạn văn thơ và những câu danh ngôn mà tôi yêu thích. Trong đó có một bài luận văn của tác giả Phạm Quỳnh đã làm tôi say mê đến nỗi lập tức học thuộc lòng. Sau này tôi mới hiểu rằng đó là áng văn xuôi tuy còn mang ít nhiều phong vị cổ điển nhưng do tiếp thụ được văn phong phương Tây nên

http://sachviet.edu.vn

rất mực sáng sủa, gãy gọn, gợi cảm và mới mẻ. Bài văn ấy như sau:

"Thờ gia đình, mến tổ quốc, phụng tổ tiên, tồn cổ điển. Những tình cảm đó nhờ có giáo dục vun trồng, thói quen bồi đắp, văn chương cùng phong tục cổ lệ tán dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần chí vững vàng, ngay thẳng, một cái tâm địa chắc chắn, điều hoà, một cái tính thiết thực, có lẽ không được bay bổng, cao xa lắm, nhưng khi quan hệ đến vận mệnh gia đình và Tổ quốc thì cũng có thể tận tuỵ hi sinh được.

Lòng hiếu thảo trong đạo cha con, lòng tiết nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung thành với nhà vua là trạng thái đặc biệt của lòng ái quốc người Việt Nam. Cổ lai vẫn gây nên những bậc anh hùng liệt nữ, hoặc hiển hách, hoặc vô danh, hoặc tên chói lọi trong sử sách, hoặc biên chép lưu truyền trong gia phả, hay chỉ còn lại cái bài vị trong gian miếu nhỏ núp dưới bóng tre xanh.

Lòng vị nghĩa còn siêu việt đến các bậc tuẫn tử một cách oanh liệt... Ngoài những người đó, còn biết bao người nữa. Và trong những người đó, thiếu chi những người đàn bà âm thầm lẳng lặng và can đảm quyên sinh để giữ tròn danh tiết.".

Nửa thế kỉ trôi qua, mãi đến đầu năm 2008, bất ngờ tôi được thấy cuốn *Tiểu luận (Essais 1922–1932)* của Phạm Quỳnh vừa xuất bản. Tôi đã đọc say sưa các luận văn vừa được dịch từ tiếng Pháp ra tiếng

http://sachviet.edu.vn

Việt này và không khỏi sửng sốt vì nội dung phong phú, sâu sắc và nghệ thuật văn chương điêu luyện của nó. Thật vậy, Phạm Quỳnh có một văn phong chất lượng cao, vượt xa thứ văn phong bình dân, chứng tỏ ông là nhân vật tiên khu ở Việt Nam đã xác lập được một kho từ vựng mới và một lối hành văn mang tầm chung của thế giới hiện đại.

Cuốn *Tiểu luận* của Phạm Quỳnh – một tác giả ngẫu nhiên để lại trong tôi một dấu ấn từ thời niên thiếu – đã gây ra cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Một câu danh ngôn phương Tây nổi tiếng bỗng vang lên bên tai tôi: *"Cái gì của César hãy trả về cho César"*. Có lẽ do lòng "liên tài" chăng mà tôi cảm thấy như mình rơi vào tâm trạng của thi hào Nguyễn Du xưa khi ông đọc những trang viết của nàng Tiểu Thanh:

Tây Hồ vườn đẹp hoá gò hoang,
Giấy nát bên song đọc viếng nàng.
Son phấn có thần, thương chửa dứt,
Văn chương không mệnh, đốt đường tan.
Nỗi hờn kim cổ, trời khôn hỏi,
Oan nghiệt phong lưu, ta chuốc mang.
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa
Người đời ai khóc Tố Như chăng?[1]

---

[1] Bản dịch (nhuận sắc bản dịch cũ của Vũ Tam Tập) rút trong "Thơ trữ tình Hán văn và Pháp văn", Kiều Văn tuyển dịch, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh 2007.

http://sachviet.edu.vn

NHỮNG ÁNG VĂN TIẾNG PHÁP MANG TẦM QUỐC TẾ

Có thể khẳng định: Phạm Quỳnh là một cây bút có năng lực nổi trội trong việc viết văn bằng tiếng Pháp. Cuốn tiểu luận *Essais 1922–1932* của ông được viết bằng một thứ Pháp văn điêu luyện đã xác nhận ông như một học giả tầm vóc quốc tế.

Toàn bộ nội dung cuốn sách tựa như một bản tổng kết những vấn đề đã được Phạm Quỳnh đề cập trên *Nam Phong tạp chí*. Tất cả đều xoáy vào những mục tiêu căn bản: ca tụng, biểu dương đất nước, nền văn hiến và con người Việt Nam; kiên quyết bảo vệ bản sắc văn hoá Việt Nam, chống lại tình trạng lai căng, vong bản; đặt vấn đề "trường phái lãnh đạo đất nước nhất thiết phải là giới trí thức"; đề xuất ý tưởng "hoà hợp Đông – Tây để nước Pháp và nước Nam cùng phát triển và hoàn thiện trong hoà bình". Rõ ràng Phạm Quỳnh muốn tham mưu cho chính phủ Pháp về quyết sách *hỗ trợ đắc lực để Việt Nam tiến vào thời hiện đại* mà theo ông là có lợi nhất cho dân tộc mình. Người đọc có thể nhận thấy những phương sách và lời lẽ khôn khéo, mềm dẻo và thuyết phục của ông với kẻ thống trị là cường quốc Pháp – một trung tâm của nền văn minh phương Tây. Nhưng người đọc không bắt gặp ở đâu thái độ hạ thấp, sỉ nhục tổ quốc và nhân dân mình hoặc hành vi phản quốc. Ông đã làm tất cả vì tương lai tốt đẹp của đất nước và dân tộc mình trên cơ sở đường lối chiến lược "Pháp–Việt đề huề" do ông chủ trương và thực tâm tin tưởng. Đường lối ấy đã bị

http://sachviet.edu.vn

phá sản trong hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam lúc ấy, thiết tưởng cũng là một hiện tượng bình thường đối với lịch sử. Và không phải vì thế mà chúng ta phủ nhận sạch trơn những đóng góp mang tính tích cực của người trí thức Phạm Quỳnh trong lĩnh vực văn hoá và tư tưởng.

Việc Phạm Quỳnh viết những luận văn bằng tiếng Pháp hàm chứa một ý đồ thâm thuý: ông muốn trực diện đối thoại với chính phủ Pháp – kẻ đang thống trị nước ta – và các trí thức tiến bộ Pháp, để khua một hồi chuông cảnh tỉnh, buộc họ từ chỗ khâm phục những luận văn xuất sắc đó mà nghiêm túc nhìn nhận những chân giá trị của dân tộc Việt Nam, từ đó thay đổi thái độ bất công đối với Việt Nam. Ông tin rằng bằng phương sách đối thoại mang tính thuyết phục đó, dân tộc ông sẽ dần ngửng cao đầu trước nước Pháp để tiến tới mục tiêu chiến lược: xây dựng quan hệ ngày càng bình đẳng hơn mang tên "Pháp–Việt đề huề". Đường lối giải quyết vấn nạn của dân tộc bằng đối thoại, bằng đấu tranh bất bạo động của Phạm Quỳnh có ít nhiều gặp gỡ với đường lối của Mahatma Gandhi ở Ấn Độ hoặc của Phan Chu Trinh. Đường lối đó đúng sai thế nào sẽ được thực tiễn lịch sử giải đáp.

Năm 1922, tại Paris vị học giả của Việt Nam đã chính thức đăng đàn diễn thuyết về những vấn đề bức xúc trong quan hệ PhápViệt. Hành động "đem chuông đi đấm nước người" đó thể hiện bản lĩnh của ông muốn biểu dương bản chất tốt đẹp của dân tộc ta

http://sachviet.edu.vn

để hiệu chỉnh mối tương quan giữa hai nước theo hướng có lợi hơn cho Việt Nam.

Cũng như Nguyễn Thái Học và Phan Chu Trinh gửi thư đối thoại với nhà cầm quyền Pháp, Phạm Quỳnh đã gửi thư cho Bộ trưởng Bộ thuộc địa Paul Rgynaud vào năm 1931, trong đó bằng một thứ Pháp văn già giặn, ông quyết làm cho vị quan chức Pháp cấp cao này phải lắng nghe, phải vì nể để rồi sẽ có những hành động tốt đối với Việt Nam: "*... hôm nay ngài đặt chân lên xứ Bắc Kì. Chính ở đây cái nôi của dòng tộc chúng tôi; chính ở đây con cháu của người Giao Chỉ suốt nhiều thế kỉ đã dấn mình vào cuộc chinh phục Đông Dương...*

Người nước Nam không thể coi nước Pháp là tổ quốc mình, bởi vì người nước Nam đã từng có một tổ quốc...

Một cách hợp lí, chẳng ai lại đi mơ mộng việc đồng hoá người nước Nam. Càng không được rơi vào sai lầm là dị hoá họ khỏi chính nước Nam của họ bằng cách tách họ khỏi truyền thống, tập tục, tổ tiên và vua chúa của họ.".

Một trí thức Pháp là Paul Viviane đã cho đăng báo bức thư ngỏ trả lời để chia sẻ với ông về luận đề *Những lễ hội phù hoa của trí năng*, trong đó Phạm Quỳnh kịch liệt phê phán việc người châu Á tiếp thụ không chọn lọc những ảnh hưởng từ phương Tây: "*... việc du nhập ồ ạt các tư tưởng và các quan niệm của phương Tây, và từ đó tàn phá đối với nền tảng đạo*

http://sachviet.edu.vn

đức cổ xưa của phương Đông, đã đưa đến một sự mất thăng bằng chung trong đầu óc con người... Người ta nhồi nhét vào đầu óc mình những lí thuyết và những luận điểm ngoại lai..., sa vào một tình trạng thật sự là phù hoa trí tuệ, *trong một số người trẻ tuổi lại còn thêm vào đó một thứ phù hoa cảm tính, do chủ nghĩa cá nhân vô độ nhất hay chủ nghĩa lãng mạn cuồng loạn nhất."*

Sau cùng, chúng tôi không thể không nhắc tới một việc làm đầy ý nghĩa của nhà văn hoá dân tộc Phạm Quỳnh. Ông đã dịch sang Pháp văn một số lượng đáng kể những bài ca dao, những câu tục ngữ của Việt Nam để chứng minh cho nước Pháp và cộng đồng quốc tế thấy cái hay cái đẹp diệu kì của tâm hồn người Việt và của nền văn hoá Việt Nam.

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một bài dịch đặc sắc để các bạn yêu tiếng Pháp thưởng thức và truyền đạt lại cái hay, cái tinh tế của nó cho những người khác:

Nguyên văn bài ca dao:

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền
Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua
Năm thương cổ yếm đeo bùa
Sáu thương nón Thượng quai tua dịu dàng
Bảy thương nết ở khôn ngoan
Tám thương miệng nói lại càng thêm xinh

http://sachviet.edu.vn

Chín thương cô ở một mình
Mười thương con mắt hữu tình với ai.

Bản dịch của Phạm Quỳnh:

Je vous aime premièrement pour vos beaux
cheveux qui pendent en "queue de coq";
Deuxièmement, pour vos paroles pleine
d'entrain et de charme;
Troisièmement, pour vos belles joues qui,
lorsque vous riez, font deux petites fossettes
rondes comme des sapèques;
Quatrièmement, pour vos dents laquées
plus noires que le jais;
Cinquièmement, pour les amulettes qui
pendent du haut de votre couvreseins;
Sixièmement, pour le chapeau de Thượng aux jolis
pendantifs qui vous donnent un air si mignon;
Septièmement, pour votre sagesse et votre
conduite exemplaire;
Huitièmement, pour votre bouche gracieuse qu'est
encore plus gracieuse quand vous parlez;
Neuvièmement, je vous aime, ma chère demoiselle,
parce que vous êtes seule;
Dixièmement, pour vos beaux yeux qui semblent
rêver à quelqu'un!

Tôi tin rằng bất kì người Pháp hoặc những người biết tiếng Pháp nào đọc bài thơ này của người dân quê Việt Nam do Phạm Quỳnh dịch, đều cảm thấy ngây ngất và choáng ngợp bởi vẻ đẹp vẻ duyên đến tột độ của nó!

http://sachviet.edu.vn

18

NHẤT L
MỘT MẪU "NGƯỜI HÙNG"

CON MẮT TINH ĐỜI

Trong thời gian còn làm việc ở Sở Tài chính cùng Tú Mỡ, thỉnh thoảng vào những lúc rảnh rỗi, chàng thanh niên Nguyễn Tường Tam lại có cái thú tán chuyện triết lí với anh em trong phòng. Một hôm Tam thuyết về áng cổ văn "Say, Tỉnh, Đục, Trong" của Khuất Nguyên. Anh nói say sưa quá mà không để ý thấy rằng mọi người trong phòng không mấy thích thú với câu chuyện triết lí rất xa lạ với họ ấy. Chỉ có Tú Mỡ là dân văn chương, tỏ vẻ lịch sự lắng nghe... Đến khi Tam dẫn câu thơ "*Nước sông Tương trong thì ta giặt dải mũ; Nước sông Tương đục thì ta rửa chân ta*", bất ngờ Tú Mỡ nói chen vào một câu nối điêu rằng:

– *Nước đá ta cho vào rượu bia ta uống!*

http://sachviet.edu.vn

Câu nói phá quấy làm cho cả phòng giấy cười ồ lên. Nguyễn Tường Tam cũng sững lại, nhưng chẳng những anh đã không bực mình mà còn thích thú cười to hơn mọi người nữa. Rồi anh nói:

– Khá đấy! Anh nên làm thơ hài hước đi! Anh có khiếu về trào phúng đấy!

Không ngờ câu nhận xét ấy đã thấm sâu vào tâm trí của Tú Mỡ. Nó đã đánh động cái khu vực còn yên ngủ trong tiềm năng sáng tạo của ông. Vài năm sau, khi đã trở thành chủ bút của báo *Phong hoá*, chính Nguyễn Tường Tam đã "cắt đặt" Tú Mỡ phụ trách mục *Dòng nước ngược* của báo. Đó chính là mục trào phúng, và Tú Mỡ đã phát huy khả năng sáng tác thơ trào phúng một cách xuất sắc.

Có một dạo Tú Mỡ cũng nảy ra ý định "xé rào", viết một số bài thơ trữ tình đưa cho Nguyễn Tường Tam để đăng báo *Phong hoá*. Chờ mãi không thấy đăng, Tú Mỡ sốt ruột hỏi thì được Nguyễn Tường Tam trả lời hết sức thẳng thắn:

– Dở quá! Anh cứ nên chuyên viết thơ trào phúng thì tốt hơn!

Tú Mỡ phải công nhận lời khuyên ấy là xác đáng. Và quả nhiên, trong cả cuộc đời, Tú Mỡ đã thành công và "thành danh" chỉ bởi thơ trào phúng mà thôi!

Nguyễn Tường Tam là người có khả năng "dụng nhân như dụng mộc".

Khi ông làm chủ bút báo *Ngày nay* thì thi sĩ trứ danh Tản Đà vẫn hết sức long đong lận đận với nghiệp báo, nghiệp văn.

http://sachviet.edu.vn

Con mắt tinh đời của Nguyễn Tường Tam nhìn thấu chân tài của Tản Đà. Về thơ thì có lẽ Tản Đà không theo kịp trào lưu Thơ Mới của thời đại, nhưng về văn chương Hán học thì chắc chắn thế hệ Thơ Mới không mấy ai sánh ngang được Tản Đà. Cảm thông với những nỗi day dứt mà Tản Đà luôn luôn phi lộ qua những bài thơ đăng báo, ông chủ bút báo *Ngày nay* băn khoăn tự hỏi: có cách nào giúp Tản Đà mưu sinh, đồng thời sử dụng được tài nghệ của nhà thơ một cách đắc địa nhất? Cuối cùng, chỉ vì muốn tạo điều kiện cho Tản Đà hoạt động mà Nguyễn Tường Tam quyết định mở thêm một chuyên mục "dịch thuật thơ Đường" trên báo *Ngày nay*, mời Tản Đà phụ trách hoàn toàn mục này. Thế là Tản Đà lại có được một mảnh đất rất thích hợp để "dụng võ", và nhà dịch thuật thơ chữ Hán cự phách đã phát huy khả năng của mình một cách... không chê vào đâu được!

"NGƯỜI HÙNG"

Nhân vật "người hùng" là đề tài trung tâm trong nhiều cuốn tiểu thuyết từng "vang bóng một thời" của Lê Văn Trương.

Trong khoảng thời gian từ những năm 30 đến những năm 60 của thế kỉ XX, xuất hiện một nhân vật mang tính cách rất đặc trưng của một "người hùng", nhưng là "người hùng trong đời thực" chứ không phải trong tiểu thuyết. Nhân vật đó chính là Nguyễn Tường Tam (bút danh Nhất Linh).

http://sachviet.edu.vn

Một hôm có một chàng thanh niên lanh lợi với đôi mắt thông minh, nói năng hoà nhã, đến xin làm việc ở Sở tài chính. Chàng thanh niên ấy là Nguyễn Tường Tam. Tại đây, chàng gặp Hồ Trọng Hiếu (tức Tú Mỡ) lúc ấy làm thư kí Sở.

Sau khi đã quen nhau và nhận thấy ở nhau một mối đồng cảm kiểu "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", Tú Mỡ lấy làm ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao sau khi đỗ đíplôm, anh không tiếp tục xin vào học cao đẳng như những thanh niên khác mà lại đi làm cái nghề "cạo giấy" này?

Tam đáp:

– Tôi không có ý muốn trở thành ông tham, ông đốc như ai. Nguyện vọng tha thiết của tôi là viết văn, làm báo, sống bằng ngòi bút của mình, sống bằng nghề tự do, ngoài vòng kiềm toả... Trong khi chờ đợi chuẩn bị công việc lâu dài, tôi đi làm cho đỡ buồn, kiếm ít tiền tiêu, chỉ là tạm bợ ít lâu thôi...

Chẳng mấy ai biết rằng, chính trong thời gian này, chàng thanh niên có hoài bão lớn lao ấy đã bắt tay viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Nho phong*, và cuốn thứ hai cũng đã được chàng dự định: đó là truyện dài *Người quay tơ*.

Hai năm sau, chàng thanh niên thôi việc, đúng như chàng đã nói: làm việc ở Sở tài chính chỉ là "tạm bợ", "cho đỡ buồn" mà thôi! Thế rồi thoắt một cái, cánh chim bằng tiện gió cất lìa dặm khơi: chàng sang Pháp du học trong hai năm. Đến năm 1930, chàng

http://sachviet.edu.vn

trở về nước với cái bằng "cử nhân khoa học". Tú Mỡ gặp lại chàng, một lần nữa ngạc nhiên hỏi:

– Tại sao anh đã cất công sang tận Pháp quốc, lại theo học cái ngành nghề trái với sở nguyện của anh như vậy?

Chàng trai trả lời tỉnh queo:

– Thực ra tôi sang Pháp cốt là để nghiên cứu nghề làm báo, sau này tôi sẽ mở một tờ báo thể tài mới, khác hẳn các báo trong nước từ trước đến nay. Còn cái bằng cử nhân khoa học này, nó chỉ là một thứ "cần câu cơm", là cái cái kế phòng xa khi bí tắc mà thôi... Nếu việc làm báo chẳng may thất bại, lúc ấy tôi sẽ xoay ra đi làm giáo sư cũng tốt chán...

Miệng nói tay làm, ngay lập tức Nguyễn Tường Tam chuẩn bị mọi điều kiện để cho ra đời tờ báo *Tiếng cười*, tờ báo được ông[1] dự định sẽ lãnh sứ mạng của một cuộc cách mạng trong làng báo quốc ngữ đương thời.

Và "nhà tổ chức" tài ba đã năng nổ tìm được một địa điểm thích hợp để làm "bản doanh" cho tờ báo tương lai: đó là một căn nhà trong ấp Thái Hà (Hà Đông). Đồng thời ông cũng nhanh chóng "chiêu hiền đãi sĩ", tập hợp được một nhóm "ngũ tinh" – những cây bút sẽ trưởng thành, sẽ nổi tiếng trong một tương lai không xa: Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh),

---

[1] Từ đây, chúng tôi xin được dùng đại từ "ông" để gọi Nguyễn Tường Tam cho thích hợp.

http://sachviet.edu.vn

Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), Trần Khánh Giư (Khái Hưng) và Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ).

Là lãnh tụ của nhóm, Nguyễn Tường Tam đã vạch ra tôn chỉ mục đích khá tiến bộ cho tờ *Tiếng cười*.

Mặc dù báo chưa ra được, nhưng bộ máy của cái "toà soạn" mới manh nha này đã khởi động một cách hết sức khẩn trương. Tất cả mọi ngòi bút đều bắt đầu được mài giũa, rèn luyện, đúng như tinh thần cổ học phương Đông "*Kinh luân khởi tâm thượng, binh giáp tàng hung trung*" (Phương sách để trong tâm, binh giáp giấu trong bụng).

Song *Tiếng cười* đã không được cấp giấy phép hoạt động, bởi vì chính quyền thực dân rất e ngại rằng tờ báo "cười" này sẽ cười cợt, châm chọc, đả kích chế độ cai trị của chúng.

Trước tình hình ấy, Nguyễn Tường Tam bèn dùng đến một "diệu kế" để vượt qua mọi cản trở. Ông quyết định mua lại tờ báo *Phong hoá* lúc ấy đang "ngắc ngoải" vì chất lượng quá kém dẫn tới việc... không có độc giả! Rốt cuộc, dưới "bàn tay phù thuỷ" của ông, tất cả những thứ "rượu mới" (dự định sẽ được chứa trong *Tiếng cười*) thì bây giờ được rót tất cả vào chiếc "bình cũ" *Phong hoá*! Và một điều kì diệu đã xảy ra: *Phong hoá* – tờ báo trào phúng đầu tiên của làng báo Việt Nam – do nội dung tiến bộ, thiết thực, nghệ thuật đặc sắc, đã được đông đảo quần chúng nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh và

http://sachviet.edu.vn

nhanh chóng trở thành tờ báo nổi tiếng khắp ba kì. *Phong hoá* cũng là diễn đàn chủ yếu giới thiệu tiểu thuyết mới của Việt Nam (của các nhà văn Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Thế Lữ...), đồng thời giới thiệu quá trình ra đời và phát triển rực rỡ của Thơ Mới.

Mặc dù tờ báo rất phát đạt, nhưng cuối năm tính sổ, Nguyễn Tường Tam (từ đây về sau chúng tôi xin gọi ông bằng bút danh Nhất Linh) và các đồng sự đều "ngã ngửa người ra" khi nhận thấy một sự thực... đau lòng: thành quả kinh tế, tài chính rốt cuộc hầu như đều chui vào túi các nhà tư sản như nhà buôn giấy, nhà in... Té ra nhóm "ngũ tinh" chỉ là những "thằng còng lưng làm cho thằng ngay lưng ăn"! Thế là cái đầu năng động của "nhà tổ chức" tài ba lại hoạt động dữ dội để tìm đường tiến...

Đến năm 1933, một ý tưởng táo bạo đã chín muồi: Nhất Linh quyết định thành lập *Tự lực văn đoàn*, một thứ "công ti văn hoá", một tổ chức hoạt động chuyên về văn học và báo chí, mang tính cách độc lập, dựa vào sức mạnh của chính nó. Số thành viên cũng được "nhà tổ chức" chiêu nạp thêm – đó là những nhân vật tài năng: Thế Lữ, Trần Tiêu, Xuân Diệu. *Tự lực văn đoàn* trở thành một hội "thất tinh", "bát tú". Mỗi đoàn viên đều phải góp vốn bằng 500 đồng Đông Dương. Với số vốn tự có ấy, Nhất Linh cho ra đời Nhà xuất bản *Đời nay* có nhiệm vụ xuất bản tất cả sách báo của văn đoàn.

Bằng chủ trương "tự lực cánh sinh" đúng đắn và

http://sachviet.edu.vn

bằng những tác phẩm văn chương xuất sắc, chẳng bao lâu *Tự lực văn đoàn*, với sự tổ chức và lãnh đạo của Nhất Linh, đã trở thành một văn phái hùng mạnh, danh tiếng nhất thời bấy giờ, sách in ra bao nhiêu bán hết bấy nhiêu...

Phong hoá đang "thịnh" như thế, vậy mà Nhất Linh, ông chủ của nó, đã lường trước đến cái ngày nó bị "suy"! Chính vì thế, ông đã quyết định cho ra đời một tờ báo thứ hai, tờ *Ngày nay*! Nghĩa là trong tay Nhất Linh có hai tờ báo hoạt động song hành!

Sự tiên liệu của Nhất Linh quả không sai. Năm 1936, *Phong hoá* đột ngột bị chính quyền thực dân ra lệnh đóng cửa. Nghe nói tờ báo đã làm một hành động "phạm huý", đã châm chọc vào cái Nam triều của Bảo Đại! Từ đấy *Ngày nay* đảm nhiệm tất cả gánh nặng mà *Phong hoá* trút lại cho nó! Lúc đầu, *Ngày nay* còn giữ thái độ "ôn hoà", khéo léo tránh những "đòn trừng phạt" của chính quyền, nhưng dần dần – vẫn dưới "bàn tay phù thuỷ" của Nhất Linh – cái "bình mới" *Ngày nay* lại được chứa toàn là thứ "rượu cũ" đặc sắc của *Phong hoá*! Chính vì vậy, thay cho *Phong hoá*, *Ngày nay* trở thành người bạn tri kỉ mới của các tầng lớp nhân dân.

Nhất Linh là một cây bút hàng đầu. Ông liên tục cho "ra lò" những tiểu thuyết và truyện ngắn (một số tác phẩm viết chung với Khái Hưng) như: *Anh phải sống, Gánh hàng hoa, Đời mưa gió, Đoạn tuyệt, Lạnh lùng, Đi Tây, Hai buổi chiều vàng, Bướm trắng*...

http://sachviet.edu.vn

Đồng thời, vì "biết người biết của", ông đã thu hút, tập hợp quanh văn đoàn và tờ báo của ông hàng loạt nhân tài của thời đại để cùng nhau xây dựng nền văn học nghệ thuật mới của dân tộc: Đoàn Phú Tứ, Nguyên Hồng, Vi Huyền Đắc, Thanh Tịnh, Đỗ Đức Thu, Huy Cận, Nguyễn Bính, và các hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Trần Bình Lộc...

Cùng tiến bước theo Nhất Linh là cả một đội quân văn hoá hùng hậu của thời đại.

Vào khoảng 1938, *Tự lực văn đoàn* và báo *Ngày nay* đạt tới đỉnh cao về mọi phương diện. Nhất Linh lại tiến hành thêm một công việc quan trọng: trang bị máy in cho Nhà xuất bản *Đời nay*. Giấc mơ "tự lực tự cường" của cái "công ti văn hoá" do ông lãnh đạo đã trở thành hiện thực.

Thế nhưng chí vọng của "người hùng" vẫn không dừng lại ở đó! Nhất Linh tính tới chuyện... làm giàu cho "công ti văn hoá" *Tự lực văn đoàn* của mình. Muốn làm giàu, nhất thiết phải có một hoạt động kinh doanh theo mô hình tư bản chủ nghĩa.

Và ông chọn mô hình kinh doanh nông nghiệp mà ngày nay chúng ta gọi là mô hình "kinh tế trang trại". Ông yêu cầu mỗi thành viên làm đơn xin chính phủ cấp 10 hécta đất ở vùng Cầu Linh (giáp chân núi Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Yên) để khai hoang, nhằm lập một đồn điền hiện đại, có đủ phương tiện sinh hoạt văn minh cho tá điền, nhà "Ánh sáng" để truyền bá khoa học và những thành tựu văn minh Âu Mĩ, trường học, phòng y tế, nhà

http://sachviet.edu.vn

gửi trẻ, câu lạc bộ... Kĩ sư canh nông Nguyễn Tường Cẩm (anh em ruột với Nhất Linh) được dự kiến sẽ phụ trách việc khai khẩn, lập ấp trồng trọt, chăn nuôi...

Tiếc thay, ý đồ to lớn ấy không thực hiện được vì chính phủ bác đơn xin cấp đất với lí do: các nhà thơ, nhà văn, nhà báo không đủ tư cách khai khẩn đồn điền!

CHÍ VỌNG CHỌC TRỜI KHUẤY NƯỚC

Với bấy nhiêu thành tựu lập được trong đời, người ta tưởng rằng Nhất Linh đã có đủ lí do để mà thoả mãn, để mà "mượn điền viên vui tuế nguyệt" như cách nói của Nguyễn Công Trứ trước kia. Nhưng không!

Có lẽ Nhất Linh không chấp nhận cái triết lí "*tri túc, tri chỉ*" (biết đủ, biết dừng) của triết gia Lão Tử. Trái lại, ông có cùng một suy nghĩ như Napoléon Bonaparte: "Tiếng *không thể* không có trong từ vựng của tôi".

Năm 1939, khi báo *Ngày nay* bị thực dân Pháp cấm hoạt động. Nhất Linh đã cứng cỏi: "*Tình hình này sẽ không kéo dài mãi đâu! Thế nào thằng Tây cũng bị lật đổ. Một mai,* Ngày nay *sẽ tái bản như chim phượng hoàng sống lại từ hài cốt tro tàn của nó*".

Quả nhiên, tháng 9–1940, Pháp buộc phải cho Nhật vào chiếm đóng Đông Dương để rồi cuối cùng bị Nhật hất cẳng. Và *Ngày nay* lại "tái xuất giang hồ", tha hồ mà "chửi", mà lên án thực dân Pháp!

http://sachviet.edu.vn

Những cơn bão táp của thời đại vào đêm trước của Cách mạng tháng Tám đã lôi cuốn "người hùng" Nhất Linh vào một mặt trận mới: mặt trận chính trị. Trong một cuộc hội họp với anh em *Tự lực văn đoàn*, ông nói:

– Đã đến lúc chúng ta phải hoạt động chính trị để giành lấy chính quyền. Cái chính phủ Trần Trọng Kim này không làm nên trò trống gì đâu. Nhật không thể nuốt nước ta được vì Mĩ không để cho nó chiếm cái cửa ngõ Á Đông. Chúng ta cần phải vào một tổ chức cách mạng để khi thời cơ đến, sẽ đứng ra giành chính quyền.

Nhất Linh đã bí mật thành lập đảng *Hưng Việt* (năm 1940). Bị Pháp khủng bố, ông trốn sang Trung Quốc, trở thành nhà chính trị lưu vong được Tưởng Giới Thạch bảo trợ. Năm 1945, ông theo chân quân đội Tưởng về Việt Nam giải giáp quân đội Nhật.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, với chủ trương đoàn kết rộng rãi mọi thành phần, mọi tầng lớp nhân dân, chính phủ Liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã mời ông – người của *Việt Nam quốc dân đảng* – giữ chức vụ Bộ trưởng ngoại giao. Thế nhưng ông vẫn nuôi ý chí trở thành lãnh tụ của Việt Nam quốc dân đảng, muốn tranh ngôi bá chủ về chính trị. Về mặt cá nhân, ông bắt chước "người hùng" Hitler từ y phục, kiểu để râu, cử chỉ và cả... đầu óc quốc xã!

Lao vào cuộc đấu tranh chính trị khẩn trương,

http://sachviet.edu.vn

gay gắt, ông cho đình bản tờ *Ngày nay* và cùng Hoàng Đạo, người em ruột và là đồng sự thiết cốt, dồn sức viết cho hai tờ *Thiết thực* và *Việt Nam* để giành giật ảnh hưởng trên chính trường.

Đến khi quân Tưởng rút về nước, ông bỏ cương vị Bộ trưởng ngoại giao và đi theo chúng sang Trung Quốc, mãi đến năm 1951 mới trở về vùng tạm chiếm rồi vào Sài Gòn lập ra Nhà xuất bản *Phượng Giang* và ra tạp chí *Văn hoá ngày nay*. Là người đã từng theo học một thời gian tại Trường Mĩ thuật Hà Nội, Nhất Linh vẽ tương đối khá. Tất cả các bìa của tạp chí *Văn hoá ngày nay* đều do ông vẽ. Có khi vì mục đích kiếm tiền, ông đã phải vẽ phông cho các rạp hát ở Sài Gòn, ở Cao Miên...

Có thể nói những bước phiêu linh vừa kể trên đã minh chứng đầy đủ cho cái chí vọng "chọc trời khuấy nước" của nhân vật "người hùng" Nhất Linh.

KẾT CỤC ĐỘC ĐÁO CỦA "NGƯỜI HÙNG"

Câu thơ: *Dọc ngang nào biết trên đầu có ai* của Nguyễn Du có lẽ ứng vào trường hợp "người hùng" Nguyễn Tường Tam – Nhất Linh.

Vì có chính kiến riêng, ông cũng "chẳng ưa gì" cái chế độ gia đình trị của tổng thống Ngô Đình Diệm.

Chính vì vậy mà mặc dù năm 1951 ông đã tuyên bố "không làm chính trị nữa" nhưng đến năm 1960

http://sachviet.edu.vn

ông lại cảm thấy "ngứa nghề" ghê gớm! Không thể đừng được, "người hùng" lại dính líu vào một âm mưu đảo chính anh em họ Ngô nhưng thất bại, bị gọi ra toà xét xử vào năm 1963.

Chắc chắn đối với ông, việc "những hạng người tầm thường" như anh em Ngô Đình Diệm mà đòi xử tội "người hùng Nguyễn Tường Tam – Nhất Linh" là một việc... thậm vô lí, ngược đời, tức cười, không thể nào chấp nhận được! Chắc chắn ông đã nghĩ rằng: "Chính ta phải xử tội các ngươi mới đúng, chứ không phải là ngược lại!". Chắc chắn ông đã hạ một quyết định thép: không thể để cho tấn trò hề đó diễn ra!

Ông tuyên bố: *Đời tôi để lịch sử xét xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng... Tôi chống đối sự đó và tự huỷ mình cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.*

Sáng chủ nhật 7–7–1963, một ngày trước khi phiên toà khai mạc, Nhất Linh đến chào từ biệt các bạn bè thân thiết. Ông nói không úp mở:

– Tôi không để người ta xử tôi đâu! Hôm nay tôi đến để chào vĩnh biệt các anh chị!

Mọi người đều sửng sốt và cho là ông nói gở. Ông vẫn giữ thái độ bình thản, vui vẻ như không.

Đến chiều, ông bảo người nhà mua rượu, gọi cả nhà

http://sachviet.edu.vn

quây quần lại cùng uống, rồi ông nói thẳng vào đề:

– Tôi đã uống thuốc độc tự vẫn rồi. Bây giờ thuốc độc đã ngấm, cứu chữa cũng không được nữa. Mà cũng đừng cứu chữa, vì tôi đã quyết như vậy. Chỉ còn nửa giờ nữa tôi sẽ chết, cả nhà hãy ngồi lại gần đây nghe tôi dặn dò...

Và sự việc đã xảy ra đúng như ông đã trù tính: ông ngả lưng trên chiếc võng ở ngoài sân thản nhiên đọc báo cho đến lúc tử thần đến đón ông.

Cái chết của Nhất Linh đã hoàn thiện bức chân dung độc đáo của một kiểu mẫu *người hùng* thời đó.

Viết theo tư liệu:
- Tú Mỡ – Thơ và đời
- Giai thoại nhà văn Việt Nam
- Lời kể của học giả Thanh Vân
Nguyễn Duy Nhường

http://sachviet.edu.vn

19

NHỮNG NỮ LƯU ĐI QUA ĐỜI
HÀN MẶC TỬ

Có lẽ Thượng Đế sinh ra Hàn Mặc Tử đã phú cho thi sĩ một khối óc sắc bén, một trái tim đa cảm để nhận biết vẻ tuyệt mĩ của cuộc sống, của tình yêu, để thi sĩ yêu đắm đuối và để sáng tạo thơ ca.

Tập thơ đầu tay – tập thơ duy nhất được xuất bản khi Tử còn sống – mang tên *Gái quê*. Điều đó mách bảo rằng cái chủ đề *Tình yêu* – nhân bản mãnh liệt bậc nhất của con người[1] – ngay từ buổi đầu đã cuốn hút trái tim đa cảm của Tử, và "những nường con gái" đã sớm "hớp hồn" Tử.

Điều tội nghiệp cho chàng thi sĩ cực kì tài hoa là chàng đã yêu hầu như đơn phương những "nường" chưa thực sự yêu hoặc không hề biết chàng: đó là

---

[1] Quan điểm của triết gia Freud và các nhà văn như E. Zola, Ch. Dickens...

http://sachviet.edu.vn

Hoàng Thị Kim Cúc, Ngọc Sương và hai cô bé Thương Thương, Thanh Huy.

Chỉ có hai "nường" thực sự bước vào cuộc tình với Tử trong cuộc sống thật: đó là Mộng Cầm và Mai Đình.

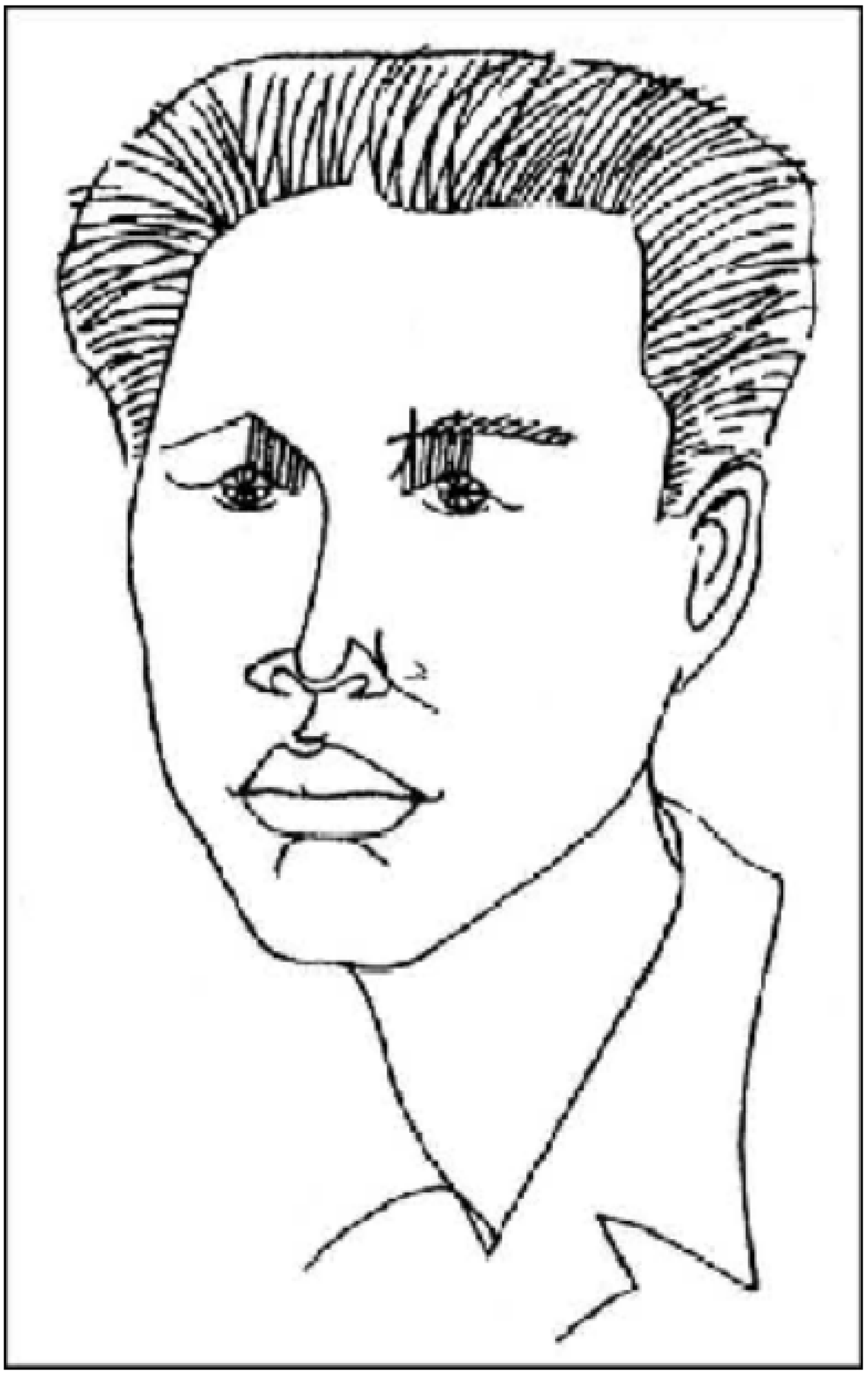

HÀN MẶC TỬ

(*Hoạ sĩ:* **Tạ Tỵ**)

http://sachviet.edu.vn

Hàn Mặc Tử biết đến Mộng Cầm từ năm 1933 qua những bài thơ của nàng gửi đăng ở mục văn chương các báo *Trong khuê phòng, Sài Gòn, Công luận* mà chính Tử là người biên tập. Tài hoa, những suy nghĩ độc đáo, và nhất là cái "hồn thơ" chất đọng trong các bài thơ của Mộng Cầm đã cuốn hút tâm hồn Tử mạnh mẽ. Rốt cuộc, chàng nhà báo thi sĩ đã... "xăm xăm đè nẻo Lam Kiều lần sang": chàng đi xe lửa từ Sài Gòn ra Phan Thiết, rồi từ Phan Thiết đi đò ra Mũi Né tìm gặp nàng "cộng tác viên" của báo, là Mộng Cầm, lúc ấy đang học ở đó.

Vì trọng danh tiếng và mến tài Tử, gia đình Mộng Cầm bằng lòng cho phép Mộng Cầm đi đường biển với Tử từ Mũi Né về Phan Thiết (khoảng 20km) để Tử gặp gỡ nhà thơ Bích Khê (cậu út của Mộng Cầm). Có lẽ câu tục ngữ "*một chuyến đò nên nghĩa*" đã ứng vào tình yêu của Tử và Mộng Cầm. Trai tài gái sắc phải duyên. Trong khoảng hai năm (1934, 1935 và nửa đầu năm 1936), họ sống trong một mối tình vô cùng thơ mộng và trong trẻo. Tình yêu ấy được bao bọc trong bầu không khí đầm ấm của gia đình nàng và của các bạn hữu thân thiết và tài hoa trong giới văn chương (như Quách Tấn, Bích Khê, Trần Thanh Địch, Nguyễn Minh Vĩ, Hoàng Diệp...).

Cặp uyên ương cùng nhau quy ước một cái hẹn định kì: mỗi tuần gặp nhau một lần để cùng nhau đi thưởng ngoạn cảnh đẹp thiên nhiên và đắm mình trong "tình thân ái" ở lầu Ông Hoàng (Phú Hài), ở bãi biển Thương Chánh, ở Bia Đài... Mặc dù lúc ấy

http://sachviet.edu.vn

Mộng Cầm còn giữ nguyên nét ngây thơ của một trinh nữ, và Hàn Mặc Tử thì mang phong cách tao nhã, hơi rụt rè của một đấng văn nhân (có phần khác với sự nồng cháy sôi sục trong thơ chàng), tình yêu của hai người đã đi đến chỗ sâu sắc. Nếu cứ "đằng thẳng" ra thì Mộng Cầm sẽ trở thành người vợ ngoan hiền của Hàn Mặc Tử, và kết thúc của tình yêu – nói theo kiểu Nguyễn Nhược Pháp – rất có thể sẽ... "lấy nhau rồi là hết chuyện"!

Thế nhưng ngọn roi phũ phàng của định mệnh đã giáng xuống tình yêu thơ đẹp ấy một đòn trí mạng. Vào nửa cuối năm 1936, Hàn Mặc Tử nhuốm bệnh phung[1], phải từ giã Sài Gòn về Quy Nhơn với gia đình. Thi sĩ tự hạ lệnh cho mình phải cách li bè bạn và cả Mộng Cầm, như là một sự hi sinh, một sự cam chịu số phận bất hạnh. Tuy nhiên đó chỉ là mệnh lệnh của lí trí. Mệnh lệnh đó làm sao tiêu diệt được trái tim yêu đương nồng cháy của Tử ? Chính lúc này, Tử càng đau đớn vì tình yêu hơn bao giờ hết:

Nghệ ơi Nghệ[2] *muôn năm sầu thảm*
Nhớ thương còn một nắm xương thôi
Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan.

Sức mạnh cố hữu của tình yêu cũng đã khiến Mộng Cầm phải thốt lên bằng những lời thơ chan chứa yêu đương:

---

[1] Bệnh phung: bệnh phong
[2] Nghệ: tên riêng của Mộng Cầm.

http://sachviet.edu.vn

Nếu anh đếm được những vì sao
Thì hiểu em yêu đến bực nào
Tinh tú trên trời không đếm được
Tình yêu càng vói lại càng cao
Cả năm chỉ có một lần xuân
Nhưng với lòng em xuân mỗi tuần
Thơ thẩn tâm hồn hoa nở nhuỵ
Cạn dòng tâm sự được bao lần
Em cứ tưởng rằng anh với em
Như hình với bóng dưới màn đêm
Hoàng hôn đã khóc niềm chung thuỷ
Đau đớn tình anh khắng khít thêm
Cho nên không thể nói không yêu
Mà nói rằng yêu, yêu rất nhiều
Trời đất ngập tràn thơ vĩnh biệt
Lòng em chan chứa biết bao nhiêu.

Trong cơn đại biến đó, Mộng Cầm vẫn tôn thờ Hàn Mặc Tử, vẫn "ghi xương khắc cốt" tình yêu trong thời gian qua với Tử. Thế nhưng còn tương lai? Và cuộc hôn nhân? Rõ ràng ông Trời như đã đóng sập cánh cửa dẫn tới tương lai trước mặt Mộng Cầm! Vả lại, nàng chính là một phụ nữ hiện đại, nàng đâu có thuộc mẫu nữ lưu tiết liệt kiểu sư nữ Huê Cầu (người yêu của Hải Thượng Lãn Ông) hoặc bà Mai Thị Vàng (vợ vua Duy Tân) thuở xưa? Nàng không thể nào làm khác: bởi vì trên thực tế, Tử không thể nào còn khả năng làm chồng nàng được nữa!

Sự "đành lòng chia tay" của nàng với Hàn Mặc Tử khi Tử lâm bệnh hiểm nghèo đã làm xôn xao dư luận.

http://sachviet.edu.vn

Nhiều người, trong đó có Bích Khê (cậu ruột nàng) và cả Trần Thanh Mại nữa, đã chê trách nàng là kẻ... bội tình! Mộng Cầm biết rõ những ý kiến dị nghị ấy, song nàng lại cũng là con người "nhân bản chủ nghĩa" thứ thiệt. Những ai thông minh một chút đều có thể đọc được suy nghĩ của nàng: nàng chỉ có thể yêu và kết hôn với một con người lành mạnh toàn diện, một nhân tài song cũng phải là một trang phong lưu mã thượng, chứ không thể lại là một người mắc bệnh cùi! Cuộc đời của nàng phải thực sự tươi đẹp và hạnh phúc chứ không thể biến thành một thứ tu viện dành cho các tu nữ sống theo chủ nghĩa khắc kỉ của Cơ Đốc giáo! Hàn Mặc Tử sẽ đau đớn và bất hạnh: nàng biết rõ điều đó, nhưng bi kịch ấy, xét đến cùng, đâu phải do nàng gây ra? Do Trời chứ? Có điều, sự "dứt khoát" của nàng có lẽ khí... mạnh mẽ quá! Nàng hầu như đoạn tuyệt hẳn với Hàn Mặc Tử, mặc dầu trong sâu thẳm tâm hồn, nàng có thể vẫn cảm thấy"

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng

như Nguyễn Du đã viết.

Chính vì vậy mà trước lúc quyết định đi lấy chồng, nàng đã đến thăm Hàn Mặc Tử một lần cuối. Về phía Tử thì nhà thơ được một dịp, có thể nói là dịp tốt nhất, để cho linh hồn đau thương của mình nương theo đôi cánh thiên tài mà bay vút tới tận chín từng trời:

Nhớ khi xưa ta là chim phượng hoàng
Vỗ cánh bay chín từng trời cao ngất...

http://sachviet.edu.vn

... Nhưng phép lạ! Có một vì tiên nữ
Hao hao như nường Nguyệt cõi Đào Nguyên
Ta đắm mê trong ánh sáng trần duyên
Và van lạy xin cô nường kết ngãi...
Ta lang thang tìm tới chốn lầu trang:
Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang,
Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết...
Ta đến nơi, nường ấy vắng lâu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trăng kế kỉ.
Trăng vàng ngọc trăng ân tình, chưa phỉ!
Ta nhìn trăng, khôn xiết ngậm ngùi trăng!
Ta vãi thơ, tung lên tận sông Hằng
Thơ phép tắc bỗng kêu rêu thống thiết
Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!
Mi là nơi ta chôn hận ngàn thu,
Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư...

(Phan Thiết! Phan Thiết!)

Thơ cũ có câu: *Chốn này tình phụ, chốn kia yêu.* Thì đúng vậy! Tiếp ngay sau sự ra đi của Mộng Cầm, một nữ lưu 20 tuổi đã tự nguyện đến điền vào chỗ hững hụt của tâm hồn Hàn Mặc Tử: nữ lưu đó là Mai Đình. Nàng dường như là một *tiên nữ* (chữ của Hàn Mặc Tử gọi Mai Đình) do Trời cử đến để bù đắp cho người thi sĩ bất hạnh, đồng thời tiếp tục khơi cho nguồn thơ vốn đã lai láng của chàng được trào tuôn. Trong mối tình với Mai Đình, Hàn Mặc Tử đã viết tới 15 bài thơ, trong đó có những kiệt tác như *Lưu luyến, Sáng láng, Hãy nhập hồn em, Đôi ta, Đàn ngọc, Rượt trăng, Lòng anh, Thắm thiết, Trút linh hồn...*

http://sachviet.edu.vn

Dưới đây chúng tôi xin lược thuật lại nội dung những lời tự sự của Mai Đình[1].

Đầu tiên, Mai Đình "cảm" và "mê" thơ Hàn Mặc Tử, nhất là bài *Thức khuya*. Khi ấy (1935–1936), Tử đang làm trong toà soạn báo *Sài Gòn*. Chính vì nghĩ đến sự có mặt của thi sĩ lớn này ở đó mà Mai Đình mạnh dạn gửi những bài thơ của mình đến báo. Những bài thơ ấy khiến Hàn Mặc Tử biết có một "cây bút thơ" trẻ tuổi là Mai Đình. Vậy là hai người quen nhau qua trao đổi thơ chứ chưa biết mặt.

Đến năm 1937, Mai Đình đi xe lửa từ Thanh Hoá để vào Phan Thiết, được biết Tử đang ở Quy Nhơn. Bỗng Mai Đình nảy ra ý định tìm gặp Tử (chưa hề biết Tử bị bệnh). Mai Đình ghé thăm vợ chồng anh Trần Thống (bạn thân) và lúc ấy mới biết Hàn Mặc Tử phải chịu một bất hạnh khủng khiếp: mắc bệnh phung! Vì quá thương cảm con người tài hoa ấy, Mai Đình quyết đến thăm Tử ở số nhà 20 Khải Định. Tử từ chối không tiếp ai. Khi Mai Đình đến, Tử nhờ em là Hiếu ra nói với Mai Đình lòng cảm ơn của mình, xin Mai Đình lượng thứ vì Tử ốm không dậy tiếp khách quý được, và xin hẹn dịp khác. Mai Đình ngậm ngùi ra về. Ngay chiều hôm ấy nàng nhận được từ tay Nguyễn Minh Vĩ (bạn thân của Tử) tập thơ *Gái quê* do Tử gửi tặng nàng với dòng chữ đề tặng của Tử. Lên tàu, Mai Đình ngốn ngấu đọc tập thơ và vô cùng cảm phục

---

[1] Nữ sĩ Mai Đình thường say sưa kể chuyện tình yêu với Hàn Mặc Tử cho tác giả sách này và các bạn thơ của bà nghe.

http://sachviet.edu.vn

Tử. Ngay lúc ấy nàng viết bài thơ *Biết anh*, kẹp vào giữa cuốn thơ *Gái quê*. Tàu đến Nha Trang, Mai Đình xuống và đến thăm Quách Tấn (thân với Mai Đình). Nàng khoe tập *Gái quê* vừa được Tử tặng. Quách Tấn lúc ấy đang muốn viết một bài báo về Hàn Mặc Tử, nhưng cuốn *Gái quê* Tử tặng ông thì một người bạn lại đang mượn. Vì vậy Quách Tấn đã mượn Mai Đình cuốn *Gái quê* trong ít ngày. Mai Đình quên bẵng bài *Biết anh* của mình đang để trong cuốn thơ ấy. Lời tâm sự kín đáo của Mai Đình, vì sự đãng trí này mà rốt cuộc đến tay Tử (do Quách Tấn... khoe). Hàn Mặc Tử vô cùng xúc động, viết đáp lại Mai Đình bằng bài *Lưu luyến*:

Chưa gặp nhau mà đã biệt li
Hồn anh theo dõi bóng em đi
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió,
Lưu luyến bên em chẳng nói gì.
... Anh đã ngâm và đã thuộc làu
Cả người rung động bởi thương đau,
Bởi vì mê mẩn, vì khoan khoái,
Anh cắn lời thơ để máu trào...

Từ đó, thế là hai người trở thành một cặp "tình nhân trong mộng", kẻ nam người bắc luôn trao đổi thư từ cho nhau.

Mai Đình rời Phan Thiết vào Sài Gòn. Đầu năm 1939 nàng lại ra Quy Nhơn thăm Tử. Song lúc ấy Tử đã được gia đình bố trí ra ở một túp lều trên bãi cát ven biển để dưỡng bệnh (gia đình không muốn Tử bị đưa vào tập trung tại nhà thương Quy Hoà). Mai Đình

http://sachviet.edu.vn

Nữ sĩ MAI ĐÌNH

theo chân một chú bé, lội qua một quãng mép biển, trèo lên một bãi cát cháy chân và đến túp lều nát. Mai Đình thấy Tử, thân hình tiều tuỵ, đang ngồi viết trên chiếc bàn đóng bằng gỗ thùng. Tử ngước đôi mắt đen sáng long lanh nhìn kẻ nữ lưu lạ mặt, dò hỏi. Mai Đình nhận thấy Tử không còn gì cả ngoài cặp mắt sáng rực như hai ngôi sao. Chính đôi mắt ấy làm bùng cháy tình yêu nơi trái tim nàng. Nàng nói nhỏ:

– Em là Mai Đình đến thăm anh đây... Vâng, Mai Đình đây!

Tử nhìn chằm chằm vào người con gái, không nói, và mắt chàng rưng lệ.

Mai Đình định ngồi xuống cạnh Tử, nhưng Tử vội xua tay ra hiệu cho nàng chớ đến gần mình, lỡ lây bệnh. Sau đó hai người bắt đầu tâm sự, nói về bạn bè mà cả hai cùng quen, về thơ văn, về đạo, về đời... càng nói càng tâm đầu ý hợp.

Từ phen "đá biết tuổi vàng" ấy, Mai Đình để hết hồn vía nơi người thi sĩ mà nàng yêu đang lâm bệnh.

http://sachviet.edu.vn

Nàng từng kêu thét oán trời trách đất:

Thương anh càng thấy căm trời đất
Gieo bệnh nan y để hại người!

Hàn Mạc Tử đã không ngăn nổi nước mắt khi đọc bài *Căm giận* này của người yêu.

Mai Đình bán hết tư trang, từ Sài Gòn ra "thăm nuôi" Tử, càng nhiều càng tốt. Trong túp lều nát, thấy cả nắng trên trời lọt xuống ấy, hai người đã quên đói, quên khát cùng làm thơ xướng hoạ, chuyện trò thâu ngày thâu đêm. Kết quả của những cuộc xướng hoạ là một tập thơ chung của hai người mà Tử để Mai Đình đặt tên. Đó là tập thơ ĐÔI HỒN[1].

Thấy sức khoẻ Hàn Mặc Tử quá suy sụp, Mai Đình khuyên Tử nên vào nhà thương Quy Hoà điều trị, Mai Đình sẽ rời Sài Gòn đến ở hẳn Quy Nhơn săn sóc Tử. Song Tử đã từ chối và đáp:

– Cám ơn em rất nhiều, nhưng thực lòng anh không muốn em phải khổ vì anh...

Trong bài thơ *Em vẫn bên anh*, Mai Đình đã ghi lại chuỗi ngày đáng nhớ ấy:

Trèo lên bãi cát cháy chân
Anh ơi, em đã về thăm bên thềm!
Nhìn anh trong giấc ngủ êm

---

[1] Năm 1995, bà Mai Đình đã trao cho Kiều Văn tập bản thảo được giữ gìn cả nửa thế kỉ, và *Đôi Hồn* đã được xuất bản năm 1995 (Nxb Đồng Nai). Hiện *Đôi Hồn* đang được tái bản (Nxb Phương Đông, 2008).

http://sachviet.edu.vn

Tim em thổn thức, lòng em não nùng.
Lần này em đã quyết tâm
Về đây ở một hai năm mới đành
Để em theo dõi bệnh tình
Bữa ăn, giấc ngủ cho anh đỡ sầu.
Những ngày ta phải xa nhau
Anh buồn phương Bắc, em sầu phương Nam.
Thà rằng tử biệt cho cam
Sống mà mỗi đứa một phương sao đành!
Bây giờ em đã bên anh
Đói nghèo cam chịu, rách lành cũng vui
Để anh đời bớt lẻ loi
Để em đời có chung đôi thiếp – chàng.

Hàn Mặc Tử vô cùng cảm động trước tình yêu và đức hi sinh tuyệt đối của Mai Đình, đã đáp lại nàng bằng kiệt tác *Thắm thiết* ngay hôm đó, với những câu thơ cháy bỏng, quằn quại:

Cười cho lắm, cho dầm dề nước mắt,
Chết ruột gan mà ngoài mặt như không.
Anh nhìn Mai, chua xót cả tấm lòng,
Không biết nói làm sao cho da diết!
Trắng như tinh và rất nên thanh bạch,
Cốt cách đều rất mực đồng trinh.
Mai của anh, chiều phong vận xinh xinh,
Say một nửa và thơm thơm một nửa... ...
Đây Mai Đình, tiên nữ ở Vu Sơn
Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt.
Nàng! Ôm nàng! Hai tay ta ghì chặt,
Cả bài thơ êm mát lạ lùng thay!
Ta là người uống muôn hận sầu cay,

http://sachviet.edu.vn

Nàng là mật của muôn tuần trăng mật. ...
Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời,
Mai! Mai! Mai! là Nguyệt Nga tái thế,
Tình rất nặng và nghĩa đầy lượng bể.
Tôi ôm nàng, muốn cắn chết nàng đi!
Bao não nùng, sầu hận trong mê li
Anh thấy rõ rằng anh đang trơ trọi,
Em xa quá biết làm sao nhắn vói[1]*?*
Anh đưa lòng cho tới huyệt lòng em!
Mai! Ôi Mai! Là em vẫn còn nguyên
Hay đã chết như tình anh đã chết?

Ai ngờ cuộc gặp gỡ và trao đổi thơ ấy là cuộc gặp gỡ cuối cùng của đôi trai gái tri âm? Chỉ sau đó ít ngày, Tử trở bệnh quá nặng, gia đình buộc phải đưa Tử vào nhà thương Quy Hoà, và đến ngày 11–11–1940, nhà thơ thiên tài, một người đàn ông biết yêu tha thiết và cao thượng, đã "trút linh hồn".

Chính giây phút trút linh hồn ấy, Hàn Mặc Tử đã ngước nhìn về phía người yêu ở phương Nam xa xôi và trách cứ, và nhắn gửi:

Còn em, sao chẳng hay gì cả?
Xin để tang anh đến vạn ngày!

Không có lời nào diễn đạt được nỗi đau nơi tâm hồn Mai Đình vì mất người yêu, đồng thời là mất một thiên tài trên thế gian mà nàng ngưỡng mộ. Nước mắt, đau khổ và thơ của nàng cùng tuôn chảy như

---

[1] "nhắn vói": nhắn, vời.

http://sachviet.edu.vn

suối. *Đôi Hồn* vì vậy không có lí do gì để ngưng lại, trái lại nó vẫn tiếp tục chảy mãnh liệt sau khi Tử mất. Rõ ràng *cái chết* đã không hề làm tiêu vong được tình yêu ấy! Nàng vẫn nói với linh hồn của Hàn Mặc Tử ở chốn xa xăm và đáp lại nỗi mong mỏi của Tử!

Yêu anh mà chẳng gần anh được,
Nguyện để tang anh suốt một đời!

*

Thôi nhé, từ đây miền cực lạc
Hồn anh theo với cảnh phiêu diêu
Xác anh vùi lấp trong muôn kiếp
Để lại cho người hận mến yêu.
Còn có khi nào nhớ đến em
Hồn anh hãy kiếm buổi ban đêm
Giữa dòng sóng bạc, trên cồn cát
Dưới ánh trăng ngà, anh đón em!

*

Trăng cũ giờ đây vẫn sáng trong
Người mùa trăng cũ cách muôn trùng.
Ai về thăm thẳm trời tinh tú
Ngó lại trần gian bóng lạnh lùng...
... Từng tập thơ xưa, từng tập thơ
Từng trang huyết lệ ngấn trăng mờ
Hồn ai siêu thoát ngoài nhân thế,
Có biết rằng em vẫn đợi chờ?

Và quả vậy, nữ sĩ Mai Đình đã giữ nguyên vẹn mối tình với Hàn Mặc Tử trong tim, không chút phôi phai suốt hơn sáu thập kỉ, cho tới phút bà lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng vào đêm 16–10–1999 tại

http://sachviet.edu.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện một ước nguyện bà ôm ấp từ lâu:

Dồn thương nhớ vào tận cùng cân não
Để đêm nay xây đắp mộng luân hồi
Anh hãy cùng em về căn nhà nhỏ
Túp lều tranh muôn thuở đã chung đôi...

Một tình yêu như vậy phải chăng xứng đáng được ghi vào cuốn sử vàng tình yêu của nhân loại?

http://sachviet.edu.vn

20

BÍCH KHÊ

Bích Khê (Lê Quang Lương, 1916–1946) người xã Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1933, Bích Khê bỏ dở việc học ban tú tài ở Hà Nội, vào Phan Thiết mở trường tư một thời gian rồi đi lãng du và sáng tác thơ ca. Năm 1937 Bích Khê mắc bệnh lao, được chị ruột là Lê Ngọc Sương tận tình chữa chạy hàng năm trời. Bệnh lui, nhà thi sĩ lãng mạn lên núi Thiên Ấn sống với thiên nhiên và rong chơi khắp chốn lãng uyển bồng hồ: sông Trà, Phú Thọ, Cổ Luỹ, Sa Kì...

Sau cuộc thất tình với một người đẹp, thi sĩ bỏ ra Quy Nhơn thăm Hàn Mặc Tử, gảy nên những cung điệu thấm thiết khác thường của một mối tình tri kỉ.

Năm 1945, bệnh tái phát trầm trọng, gia đình và bằng hữu khắp nơi hết lòng yêu thương săn sóc nhưng không xoá được hình ảnh của cái chết sẽ đến vào năm 1946:

http://sachviet.edu.vn

Trên mồ, con quạ đứng im hơi...

TÌNH BẠN BÁ NHA – CHUNG TỬ KÌ CỦA CẶP THI SĨ THIÊN TÀI

Chỉ người có đại tài mới thực hiểu được một người có đại tài khác.

Hàn Mặc Tử, ngay ở tập thơ đầu tiên *Gái quê* (1936) đã bộc lộ một tài năng lạ. Nhiều bài đạt tới mức thật mới và tài tình của Thơ Mới:

Trong khóm vi lau rào rạt mãi
Tiếng lòng ai nói, sao im đi?
Ô kìa, bóng nguyệt trần truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe!

Ấy vậy mà Bích Khê đọc *Gái quê* vẫn chưa lấy gì làm phục! Bởi vì Bích Khê đang chờ đợi một thứ thơ khác lạ hơn nữa, vượt xa *Gái quê* nhiều hơn nữa! Dự cảm của Bích Khê đã tỏ ra chính xác! Từ năm 1937, ngay sau khi *Gái quê* được trình làng, Hàn Mặc Tử lao vào một cuộc biến thiên dữ dội. Về thể xác, nhà thơ lãnh một thảm hoạ: mắc bệnh phung để rồi vài năm sau đó lìa đời trong một cơn bạo phát của bệnh lị. Về thơ, Tử đoạn tuyệt thứ thơ "tỉnh táo" và quay sang làm toàn thơ "điên"! Đó là sự nhảy vọt về chất khiến thơ của Tử vượt tới những tầm mức cao nhất của thơ hiện đại Việt Nam. Sự kiện ấy khiến nhiều người, trong đó có cả những nhân vật "không phải tay vừa" như Xuân Diệu, cũng không hiểu nổi. Người thực hiểu Tử, đánh giá đúng chân giá trị tài năng của

http://sachviet.edu.vn

Tử chính là Bích Khê, cũng như người cảm thơ Tử đặc biệt sâu sắc là Mai Đình.

Chịu sức hút mãnh liệt của Hàn Mặc Tử, Bích Khê khao khát được vai kề vai với Tử – người mà Bích Khê thừa nhận là vượt xa mình – trên đường sáng tạo thơ. Một tình bạn kiểu "Bá Nha – Tử Kì" nảy nở nhanh chóng, gắn bó hai tài năng lớn (nhưng cùng một lúc hứng chịu bất hạnh về bệnh tật và... tình yêu) thành một cặp tri âm. Họ gần gũi nhau, không hề e dè lo ngại lây bệnh của nhau chút nào!

Năm 1938, từ Phan Thiết, Bích Khê gửi ra cho Tử một chùm thơ gồm *Ảnh ấy*, *Thời gian* và *Thi tứ*. Hàn Mạc Tử thực sự thích thú và đánh giá cao sáng tạo của bạn, khen rằng ở thơ Bích Khê "tài và tình hoà hợp một cách song toàn, rung cảm người đọc đến da diết đê mê"! Thế nhưng một bất ngờ "nghề nghiệp" đã xảy ra: Bích Khê hăm hở làm cả một tập thơ tiếp theo gửi ra cho Tử thẩm định, thì Tử lại chê là "quá kém" và phê phán thẳng thừng! Bích Khê lập tức nhận ra cái bất cập của thơ mình, hậu quả của bệnh "nhanh nhảu đoảng". Nhà thơ tự giận mình, xé nát cả tập thơ và viết thư ra cho Tử thề rằng: "*Trong sáu tháng sẽ trở nên một thi sĩ phi thường, bằng không sẽ không bao giờ làm thơ nữa*". Những khích động và phê phán của Tử đã khiến Bích Khê không phút nào xao lãng, rời khỏi cõi huyền diệu của thi ca. Chính bằng sự "nhập thần" cao độ vào "cõi thơ" đó mà tinh hoa của Bích

http://sachviet.edu.vn

Khê đã chín muồi và phát tiết. Những câu thơ hay nhất, những câu thơ "điên cuồng" không kém thơ Tử đã ra đời:

Đàn thơ cơ hồ lên cung âm điệu
Đây dây trinh bạch khóc mướt trong mơ,
Đây hồn ngọc thạch xanh xao như tờ...

hoặc:

Buồn lưu cây đào xin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân.
Ô hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông!

hoặc:

Người cho ta một thanh gươm rất sắc
Ồ vung lên... cắt mạch nguyệt vàng xanh
Xé mạch trời mây xô sao, răng rắc
Phăng mạch đêm, hương vỡ, ứa ngầm tinh!

Và Bích Khê đã thực thi được lời thề với tri âm chỉ sau có ba tháng! Tập thơ nhan đề TINH HUYẾT quả thực là một kiệt tác thơ của Việt Nam thế kỉ XX, khẳng định thiên tài thơ của Bích Khê và xác nhận Bích Khê là người cách tân thơ Việt Nam, đưa Thơ Mới lên đỉnh cao, ngang tầm với thơ hiện đại phương Tây.

Hàn Mặc Tử hiểu chân giá trị của TINH HUYẾT hơn ai hết, đã viết lời tựa cho tập thơ và ngợi ca rằng đây là *một bông hoa nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc,* rằng thơ Bích Khê như *một đoá hoa thần dị!*

http://sachviet.edu.vn

Cho đến tận ngày nay, khó có nhà phê bình nào thẩm thơ Bích Khê được sâu sắc, chí lí, "máu tuỷ" như Hàn Mặc Tử.

Tình tri âm giữa hai thi sĩ lớn thật vô cùng thiết tha và sâu sắc. Xưa kia Lí Bạch và Đỗ Phủ yêu quý nhau như thế nào thì giờ đây Bích Khê và Hàn Mặc Tử cũng yêu quý nhau như vậy. Chỉ cần đọc một bài thơ Bích Khê mơ thấy Tử cũng đủ hiểu rõ tất cả mối thâm tình ấy:

Bóng nào nhợt như ma
Khắp châu thân hổn hển
Huyền hồ nhìn không ra
Lưu luyến dường thiết tha
Chờm chờm trên giường bệnh?
...Bóng nào trắng dần ra
Trên đầu đơm vòng hoa
Khắp thân in màu tuyết
Trong trẻo và diễm tuyệt
Tơ tơ gần như nguyệt
Biếc biếc gần như thu? ...
Hai ta đều quạnh quẽ
Đứt ruột nhớ thương nhau
Nấn ná sẽ lìa nhau
Chiêm bao còn thấy nhau...

Có lẽ sẽ không ngoa nếu nói rằng tình bạn thơ của họ xứng đáng với danh hiệu "tình bạn lí tưởng".

MỘT THIÊN DIỄM TÌNH ĐẦY GIÔNG BÃO

http://sachviet.edu.vn

Nhà thơ Pháp Lamartine nói: "Đằng sau những công trình vĩ đại của các bậc vĩ nhân, bao giờ ta cũng thấy thấp thoáng hình bóng của một người đàn bà".

Thật vậy. Nếu Hàn Mặc Tử từng bị Nàng Thơ đánh cho đau quá, đồng thời bị "ái tình" vò xé ác liệt quá đến nỗi phải "kêu rêu" lên thành thơ, thì Bích Khê cũng bị mũi tên của ái tình làm tổn thương trầm trọng để rồi những kiệt tác thơ tình đã tuôn ra.

Năm 1938 Bích Khê dạy học lớp buổi tối tại ngôi trường tư thục (do người chị là Ngọc Sương lập ra). Ông thầy trẻ kiêm thi sĩ đã để lọt vào mắt xanh một nàng ngọc nữ lúc ấy theo học lớp buổi tối: *Ngọc Kiều*. Nàng có cặp mắt u sầu và mơ mộng – cặp mắt đặc trưng của một giai nhân phương Đông. Tình yêu của đôi trai tài gái sắc đã bừng nở...

Lần đầu tiên Bích Khê nếm trải cái trạng huống của tâm hồn mà trước đó nó chối bỏ, giống như lời ca của một bài hát lãng mạn:

Cánh chim đã bao phen giang hồ
Ngờ đâu dừng tâm hồn bên em...[1]

Trong một đêm trăng rằm, trên bãi biển, chàng thi sĩ thổ lộ nỗi lòng với người chị gái thân thiết Ngọc Sương qua mấy câu thơ:

Chị ơi trời sáng màu xanh
Tình trăng sống dậy trên cành hoa tươi.

---

[1] Lời bài hát lãng mạn thời tiền chiến *Khúc nhạc tương tư* của Ngọc Bích.

http://sachviet.edu.vn

Nói ra xin chị chớ cười:
Tình nay đẹp lắm, hơn mười tình xưa!

Gia đình Bích Khê đang mong muốn cho chàng sớm yên bề gia thất để kéo chàng ra khỏi thế giới mộng du của chàng, bèn mau mắn lo liệu việc cầu hôn. Thế nhưng một nghịch cảnh đáng nguyền rủa đã diễn ra: gia đình Ngọc Kiều đã trót hứa gả nàng cho một đám khác thuộc một gia đình phú thương!

Tình yêu đẹp như mộng bị giáng một đòn trí mạng của cuộc đời kệch cỡm, giống hệt câu chuyện tình bất hạnh của thi nhân Phạm Thái và nàng Trương Quỳnh Như thuở xưa. Đôi trai gái bị tổn thương, tâm hồn giập nát! Ngọc Kiều hoá điên hoá dại, chợt khóc chợt cười và đòi quyên sinh! Đến lúc ấy gia đình nàng mới chịu đầu hàng một tình yêu bất khả diệt, bắn tin bằng lòng gả Ngọc Kiều cho Bích Khê để cứu lấy tính mạng con! Nhưng đối với hạng người đầy "ngạo cốt" như Bích Khê, làm sao chàng có thể uống bát nước người ta hót lại sau khi người ta đã đổ nó đi? Chàng dứt khoát từ chối, và không đủ bình tĩnh mà nhận thức rằng hành động cố chấp ấy rốt cuộc chỉ làm cho tình yêu của chàng và Ngọc Kiều của chàng hứng lấy thảm hoạ!

Thiên diễm tình tan vỡ. Ngọc Kiều từ đỉnh cao ngút ngát của tình yêu rơi trở lại cuộc đời thường của hầu hết đàn bà trên đời. Những kỉ niệm ái ân xưa rồi cũng chìm trong lá rụng. Còn chàng thi sĩ thì xối

http://sachviet.edu.vn

nước mắt và máu trong tim viết nên những bài *thơ điên thất tình* như:

... Tối hôm qua làm văn tế
Tôi khóc sống người giai nhân
Tối hôm nay tôi xuất thần
Tôi muốn nàng đừng có chết
Thần tôi đời mô mới hết
Thơ tôi đời mô hết đau
Là nàng trở nên sang giàu
Tôi sú cho nguồn Khoái lạc
Tôi cho ăn toàn Hương Nhạc
Tôi bắt vận toàn Âm Dương
Tôi để vạn miếng Nghê Thường
A vào đôi con mắt ngọc
Nàng dội Thiêng Liêng lên tóc
Nàng lùa Thanh Sắc vô tay...

Thời gian dằng dẵng trôi đi, cho đến năm 1945, khi Bích Khê tái phát bệnh lao, đang trên bờ của cái chết thì "người xưa" Ngọc Kiều – chắc hẳn do một tiếng gọi thiêng liêng – đã tìm đến bên Bích Khê một lần cuối. Nàng bước vào phòng, bốn mắt nhìn nhau nghẹn ngào, không nói nên lời. Ngọc Kiều vô cùng thương cảm nhìn thân hình tiều tuỵ của người yêu xưa, và lệ nàng rơi... Song Bích Khê bình tĩnh hơn, mời nàng ngồi xuống ghế, không quên nhắc nàng về cái khoảng cách thật giữa hai người:

– Chúng ta nên nhớ: em là gái có chồng...

Thế nhưng, cho dù chàng thi sĩ gàn dở đã cố tình

http://sachviet.edu.vn

kết liễu cuộc tình của mình, thì rốt cuộc sự thật vẫn là sự thật: Ngọc Kiều, bằng cuộc viếng thăm này, đã hồi sinh cho cả hồn lẫn xác của Bích Khê. Quả thật tình yêu đã tàng trữ trong nó một sức mạnh không gì trên cõi đời này có thể sánh nổi! Bích Khê như khoẻ ra, bệnh lui bớt, sắc mặt chàng trở nên hồng hào, tính tình chàng vui vẻ hẳn lên![1] Cả gia đình chàng đều chứng kiến điều kì diệu ấy.

Một tình yêu đích thực sẽ vĩnh viễn tồn tại, bất chấp tất cả những sự bày bố của cuộc đời: đó quả là một chân lí bất hủ!

Sau ít ngày ở lại thăm Bích Khê, Ngọc Kiều ra đi. Bích Khê hiểu rằng tình yêu cũ của chàng đến để vĩnh biệt chàng. Chàng lặng lẽ vào phòng riêng đóng cửa nằm một mình suốt buổi, để đắm mình ôn lại mối tình xưa và chiêm nghiệm sự diệu kì của nó trước khi chàng rời bỏ thế giới này.

---

[1] Tác giả cuốn sách này có viết một câu ứng vào trường hợp Bích Khê: *Chỉ có bàn tay của chính người yêu mới xoa dịu được những đau đớn do hắn gây ra mà thôi.* (Những dòng tâm tưởng).

http://sachviet.edu.vn

21

Tháng 7 năm 1937, trên tuần báo *Tiểu thuyết* thứ bảy đăng truyện ngắn *Hoa tigôn* của tác giả Thanh Châu. Truyện kể về một mối tình lãng mạn vượt ra ngoài khuôn khổ lễ giáo đạo đức phong kiến: một người phụ nữ đã có chồng (trong một cuộc hôn nhân ngang trái) đã vì yêu thật sự mà đáp lại tình yêu tha thiết của một chàng hoạ sĩ thầm yêu nàng từ lâu. Cuộc ngoại tình đã bắt đầu, và đôi trai gái hẹn ước cùng nhau sẽ trốn sang Nhật. Nhưng đến giờ chót thì chàng nhận được thư nàng báo rằng nàng không thể vượt qua nổi lề luật của gia đình và xã hội. Trong lá thư rơi ra một dây hoa tigôn mà chàng nhận thấy những nụ hoa sao mà giống như những trái tim tan vỡ, và chàng vô hạn đau buồn. Bốn năm sau, chàng nhận được thư của chồng nàng báo tin nàng đã qua đời. Chàng đáp xe lửa lên tận Vân Nam, tìm đến mộ nàng và đặt lên đó một dây hoa tigôn để viếng nàng. Từ đó mỗi sáng chàng đều mua hoa tigôn đặt

http://sachviet.edu.vn

trong phòng vẽ của mình để luôn tưởng nhớ một mối tình đẹp đã trở thành bi kịch.

Hai tháng sau khi truyện in ra, toà soạn nhận được một bài thơ của một tác giả kí tên T.T.Kh. Nhà văn Ngọc Giao (đã mất năm 1997), thư kí toà soạn *Tiểu thuyết thứ bảy*, trong bài hồi kí mang tên "Sám hối", đã thuật lại giai thoại về số phận khá li kì của bài thơ này như sau:

Một buổi trưa, trong lúc ông (Ngọc Giao) chuẩn bị ra về thì một đám tang đang diễu qua phố Hàng Bông khiến ông phải nán lại giây lát. Lúc đám tang đi qua, ông vừa định bước xuống đường thì như có một linh giác mách bảo, ông cúi nhìn xuống sọt giấy vụn ngay cạnh chân ông và lượm lên một nắm giấy vo viên (do chính ông hôm ấy đã ném vào). Ông liền tò mò giở tờ giấy ra xem lại. Đó là một tờ giấy học trò trong chép bằng bút chì kín hai mặt giấy một bài thơ có nhan đề *Hai sắc hoa tigôn* với nét chữ run rẩy, nguệch ngoạc, nhạt mờ.

Ông đọc và lập tức bị choáng ngợp trong một cảm giác rung động dị kì. Không chần chừ, ông liền cho đăng vào ngày 23–9–1937. Có lẽ bài thơ này được sáng tác và gửi đến toà soạn là do tác giả của nó đã xúc động mạnh với truyện ngắn *Hoa tigôn* của Thanh Châu, đã cảm nhận được sự tương đồng sâu sắc giữa truyện ngắn ấy với cuộc tình thầm kín thiết tha nhưng nhiều đau khổ của chính mình.

Hai sắc hoa tigôn là bài thơ tình đặc sắc của Thơ

http://sachviet.edu.vn

Mới thời tiền chiến, mô tả nỗi lòng da diết của một phụ nữ phải chôn vùi tình yêu đầu đời của mình với một người nghệ sĩ để "bước sang ngang":

Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.
Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thở dài trong lúc thấy tôi vui
Bảo rằng: "Hoa, dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"
Thuở ấy nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh li,
Cho nên cười đáp: "Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy."
Đâu biết lần đi một lỡ làng,
Dưới trời gian khổ, chết yêu đương.
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...
Từ đấy thu rồi thu lại thu
Lòng tôi còn giá đến bao giờ?
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng một người.
Buồn quá! Hôm nay xem tiểu thuyết
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ

http://sachviet.edu.vn

Và đỏ như màu máu thắm pha!
Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi.
Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ
Chiều thu hoa đỏ rụng chiều thu
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng
Người ấy ngang sông đứng ngóng đò.
Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thầm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?

Gần hai tháng sau, *Bài thơ thứ nhất* cũng của T.T.Kh được đăng tiếp ngày 20–11–1937:

Thuở trước hồn tôi phơi phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương...
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại,
Êm ái trao tôi một vết thương.
Tai ác ngờ đâu gió lại qua
Làm kinh giấc mộng những ngày hoa,
Thổi tan tâm điệu du dương trước
Và tiễn người đi bến cát xa.
Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh,
Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo,
Yêu bóng chim xa, nắng lướt mành.
Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo

http://sachviet.edu.vn

Những cô áo đỏ sang nhà khác,
Gió hỡi! Làm sao lạnh rất nhiều.
Từ đấy không mong không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm.
Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ
Người ấy ghi lòng vẫn nhớ em.
Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai đưa lại cánh hoa tim
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.
Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ,
Tóc úa giết dần đời thiếu phụ
Thì ai trông ngóng chả nên chờ.
Viết đoạn thơ đầu lo ngại quá
Vì tôi còn nhớ hẹn nhau xưa:
"Cố quên đi nhé câm mà nín
Đừng thở than bằng những giọng thơ".
Tôi run sợ viết, lặng im nghe
Tiếng lá thu khô siết mặt hè
Như tiếng chân người len lén đến
Song đời nào dám gặp ai về.
Tuy thế tôi tin vẫn có người
Thiết tha theo đuổi nữa, than ôi!
Biết đâu tôi một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi.

Tất cả độc giả đều sửng sốt và thắc mắc: T.T.Kh là ai mà có một cuộc đời đầy tính chất tiểu thuyết lãng mạn như vậy, và có thi tài kì diệu như vậy? Thơ đã hay, tâm tình gửi gấm trong thơ lại vô cùng khả

http://sachviet.edu.vn

ái, có nhiều thổ lộ táo bạo và "hiện đại" khác thường so với tư duy và tâm lí thông thường của phụ nữ thời ấy, cộng với cái tên "T.T.Kh" đầy vẻ huyền bí kia đã làm nhiều "chàng" bị "hớp hồn" đến nỗi liều mạng "nhận vơ" rằng T.T.Kh không phải ai khác, chính là "người yêu" của mình! Thậm chí cả thi sĩ Nguyễn Bính cũng có ngay một bài thơ phi lộ mối tình thầm kín với một "người đẹp vườn Thanh" nào đó, rất giống nàng T.T.Kh...

Trước tình trạng "vơ quàng vơ xiên" đó, theo lẽ thường có thể hiểu được, người yêu thực của T.T.Kh, lâu nay vẫn giấu mình trong màn bí mật với những nỗi sầu đau xen với niềm tự hào kín đáo, bỗng không còn giữ được kiên nhẫn nữa. Chàng bèn công bố trước công chúng (đăng trên báo *Phụ nữ*) một kỉ vật riêng của hai người. Đó là bài thơ "kín" của T.T.Kh là *Bài thơ đan áo*, toàn văn như sau:

Chị ơi, nếu chị đã yêu,
Đã từng lỡ hái ít nhiều đau thương,
Đã xa hẳn quãng đời hương,
Đã đem lòng gửi gió sương mịt mùng
Hay chăng chị mỗi chiều đông,
Đáng thương những kẻ có chồng như em
Vẫn còn giá lạnh trong tim,
Đan đi đan lại áo len cho chồng.
Con chim ai nhốt trong lồng,
Hạt mưa nó rụng bên sông bơ thờ.
Lưng trời nổi tiếng tiêu sơ,
Hay đâu gió đã sang bờ li tan

http://sachviet.edu.vn

Tháng ngày miễn cưỡng em đan,
Kéo dài một chiếc áo lam cho chồng.
Như con chim nhốt trong lồng,
Tháng ngày than tiếc ánh hồng nơi nao.
Ngoài trời hoa nắng xôn xao,
Ai đem khoá chết chim vào lồng nghiêm?
Ai đem lễ giáo giam em?
Sống hờ hết kiếp trong duyên trái đời.
Lòng em khổ lắm chị ơi!
Trong bao ngờ vực với lời mỉa mai.
Quang cảnh lạ, tháng năm dài,
Đêm đêm nằm tưởng ngày mai giật mình.

Theo tâm lí bình thường thì khi thấy bài thơ "kín" của mình riêng gửi người yêu bị chính người yêu đem công bố trước dư luận, hẳn là T.T.Kh vô cùng ngạc nhiên và bất bình, dù người công bố bài thơ vẫn lấy tên tác giả là T.T.Kh, bởi T.T.Kh vốn rất kị việc tiết lộ bài thơ đó.

Lại cũng theo logic tự nhiên, sau sự bất bình phải là một phản ứng mạnh mẽ. Quả vậy, ngày 30–10–1938 trên *Tiểu thuyết thứ bảy* lại xuất hiện một bài thơ nữa của T.T.Kh, đó là *Bài thơ cuối cùng*, như "vĩ thanh" của một mối tình khổ đau và tan vỡ. Bài thơ đầy giọng oán trách xót xa:

Anh hỡi, tháng ngày xa quá nhỉ?
Một mùa thu cũ một lòng đau...
Ba năm ví biết anh còn nhớ
Em đã câm lời có nói đâu!
Đã lỡ thôi rồi chuyện biệt li,

http://sachviet.edu.vn

Càng khơi càng thấy luỵ từng khi.
Trách ai mang cánh "tigôn" ấy
Mà viết tình em, được ích gì?
Chỉ có ba người đã đọc riêng
Bài thơ đan áo của chồng em.
Bài thơ đan áo nay rao bán
Cho khắp người đời thóc mách xem.
Là giết đời nhau đấy, biết không?
Dưới dàn hoa máu tiếng mưa rung,
Giận anh, em viết dòng dư lệ
Là chút dư hương điệu cuối cùng.
Từ đây anh hãy bán thơ anh,
Còn để yên tôi với một mình,
Những cánh hoa lòng, hừ đã ghét
Thì đem mà đổi lấy hư vinh.
Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi
Buồng riêng thờ thẫn hồn eo hẹp
Đi nhớ người không muốn nhớ lời.
Tôi oán hờn anh mỗi phút giây,
Tôi run sợ viết bởi rồi đây
Nếu không yên được thì tôi chết
Đêm hỡi, làm sao tối thế này?
Năm lại năm qua cứ muốn yên
Mà phương ngoài gió chẳng làm quên,
Và người vỡ lở duyên thầm kín
Lại chính là anh, anh của em!
Tôi biết làm sao được hỡi trời?
Giận anh không nỡ nhớ không thôi.
Mưa buồn mưa hát trong lòng ướt

http://sachviet.edu.vn

Sợ quá đi anh, có một người...

Độc giả của báo đều nhận thấy tiến trình ra đời của bốn bài thơ thật là hợp lí không có gì đáng nghi ngờ cả. Hiệu quả của sự việc trên quả là mĩ mãn: cả thi đàn, báo giới lẫn quần chúng đều bị hấp dẫn bởi sự xuất hiện của chùm thơ lạ. Và cho đến tận bây giờ, nghĩa là 70 năm sau, những bài thơ ấy vẫn còn là một dấu ấn của dòng thơ tình Việt Nam, và những câu hỏi *nữ sĩ T.T.Kh là ai? người yêu của nàng là ai?* cứ làm bận lòng mọi người mãi.

Đã có khá nhiều văn thi sĩ đương thời và hiện nay "vào cuộc" để tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó và đưa ra những kết luận rất khác nhau. Chúng tôi xin trình bày một số giải đáp chính sau đây:

Giải đáp thứ nhất:

Nhà thơ Nguyễn Vĩ cho biết những phi lộ của Tuấn Trình (tức Thâm Tâm) với ông, chúng tôi diễn đạt tóm tắt như sau:

Lúc ấy Tuấn Trình (tức Thâm Tâm, làm thơ và vẽ tranh trên báo) mới 19 tuổi, đã yêu say mê một cô gái đẹp 17 tuổi là Trần Thị Khánh, học trường tiểu học Sinh Từ, nhà cũng ở phố Sinh Từ, cạnh Thanh Giám (Văn Miếu), Hà Nội. Cô gái cũng cảm mến người nghệ sĩ tài hoa, và tình yêu chớm nở đẹp như những nhành hoa antigone (gọi tắt là tigôn) nở trước sân nhà cô. Song cô gái còn quá ngây thơ, là "con gái nhà lành", hoàn toàn chưa có chút bản lĩnh nào để tham gia vào một cuộc phiêu lưu tình ái. "Thầy mẹ

http://sachviet.edu.vn

em nghiêm lắm": đó là lời cửa miệng của cô, là một thứ rào cản giữ cô trong khuôn khổ, nết na. Cho nên mặc dù lòng cô yêu Tuấn Trình nhưng không bao giờ cô đáp ứng được tình yêu của chàng nghệ sĩ. Cuộc tình vì thế không những không lớn lên được mà còn có cơ tàn lụi. Một lần cô ngây thơ hỏi chàng dự định thế nào về việc dạm hỏi cô thì chàng vội vã lảng tránh, vì thân phận một nghệ sĩ nghèo của chàng nào có ra gì. Cuộc chia tay đã phải diễn ra sau đó. Tuấn Trình xót xa nói: "*Hình ảnh của em, nụ cười của em sẽ mãi mãi ghi sâu vào lòng dạ của anh, vào thâm tâm anh*". Cũng từ đấy Tuấn Trình lấy bút hiệu là Thâm Tâm. Ít lâu sau, cô gái viết thư báo tin cho "Mr Tuấn Trình" biết rằng cô sắp lấy chồng. Trong thư cô thú thật "em yêu anh mãi mãi" và "van anh đừng giận em, thương hại em, trách móc em...". Cô than thở đời mình khổ nên tình duyên ngang trái, và cô khóc suốt đêm.

Sau đó, cô Khánh sống hạnh phúc với người chồng giàu sang. Riêng Thâm Tâm mang mặc cảm một nghệ sĩ nghèo bị bỏ rơi, đã quằn quại đau khổ tưởng phát điên phát dại đến nửa năm trời, và vẫn không nguôi nuối tiếc mối tình đã mất. Chính trong trạng thái tình cảm kịch phát ấy, ông đã mang hết tài năng thi ca viết một loạt bốn bài thơ với bút hiệu T.T.Kh (hàm các nghĩa Trần Thị Khánh, Thâm Tâm-Khánh), và cố ý khéo léo dàn cảnh chúng theo thời gian và "sự kiện" trên báo chí để bạn đọc không phát hiện được "âm mưu" của mình. Nhưng Thâm Tâm làm như vậy chỉ với mục đích duy nhất: khắc hoạ và

http://sachviet.edu.vn

thêu dệt bằng văn chương trác tuyệt một mối tình éo le nhưng đẹp lạ thường, đẹp đến mức có thể "để đời", nhằm biến một tình yêu tan vỡ thành một diễm tình, và nhằm cứu rỗi cho tâm hồn đang bị thương tổn nặng nề của mình.

Hành động của Thâm Tâm phản ánh quy luật của tình yêu. Khổng Tử nói "Tình sở chung" (Tình yêu tồn tại đến tận cùng của đời người), cho nên một tình yêu đẹp khi không được thoả mãn do những éo le của cuộc sống, nó sẽ thăng hoa thành một niềm tôn thờ trong lòng người, hoặc thành những áng văn chương nghệ thuật tuyệt tác biểu đạt vẻ đẹp bất hủ của nó.

Chúng tôi xin lưu ý bạn đọc một chi tiết nhỏ nhưng quan trọng: nhà văn Ngọc Giao kể trên kia rằng bài thơ *Hai sắc hoa tigôn* gửi đến toà soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* được viết bằng bút chì, nét chữ nguệch ngoạc, nhạt mờ trên tờ giấy xé ra từ vở học trò. Chi tiết ấy trùng với việc Thâm Tâm, muốn chứng tỏ tác giả bài thơ không phải đàn ông mà là đàn bà con gái, đã nhờ một cô em gái văn hoá thấp chép bài thơ của mình và đưa đến toà soạn. Nếu là bài thơ của một nữ sĩ tài danh thuộc giới quý phái (như nữ sĩ Trần Thị Vân Chung sẽ đề cập tới ở phần sau) gửi đến toà soạn thì không thể nào có sự cẩu thả như vậy.

Theo phán đoán của chúng tôi, không thể bác bỏ giải đáp trên đây do chính Thâm Tâm tuyên bố: "*thật ra thì những bài thơ kí tên T.T.Kh là do mình sáng tác ra cả thôi.*" (trả lời Bùi Viết Tân), và "*Chính tôi làm những bài thơ đó*" (trả lời ông Đỗ Nhân Tâm).

http://sachviet.edu.vn

Đồng thời các nhà thơ thân thiết với Thâm Tâm như Hoàng Tấn, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính đều khẳng định những bài thơ kí tên T.T.Kh do Thâm Tâm sáng tác (theo bài viết của Hoài Anh). Vì vậy, chí ít chúng ta cũng cần bảo lưu giải đáp này để nghiên cứu tiếp. Còn như cho rằng Thâm Tâm không thể viết nổi những tâm tình vô cùng tế nhị của một người phụ nữ thì đó chỉ là một nhận định nông cạn. Biết bao văn thi hào của nhân loại là đàn ông nhưng đã miêu tả tâm tư tình cảm của phụ nữ đạt tới tuyệt đỉnh.

Huống chi sau đó, chính Thâm Tâm còn có một số bài thơ khác nói về mối tình này, được viết bằng một giọng đầy huyết lệ như sau:

Màu máu tigôn

Gửi T.T.Kh
tác giả bài *Hai sắc hoa tigôn*

Người ta trả lại cánh hoa tàn
Thôi thế duyên tình cũng dở dang
Màu máu tigôn đà biến sắc
Tim người yêu cũ phủ màu tang.
K. hỡi! Người yêu của tôi ơi
Nào ngờ em giết chết một đời.
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
Hình ảnh em hoài mãi thế thôi.
Quên làm sao được thuở ban đầu
Một cánh tigôn dạ khắc sâu.
Một cánh hoa xưa màu hi vọng
Nay còn dư ảnh trái tim đau.

http://sachviet.edu.vn

Anh biết làm sao được hỡi trời!
Dứt tình bao nỡ, nhớ không thôi
Thôi em hãy giữ cành hoa úa
Kỉ niệm ngàn năm một cuộc đời.

Các anh

Các anh hãy uống thật say
Cho tôi những cốc rượu đầy rồi im.
Giờ hình như quá nửa đêm,
Lòng đau, đau lại cái tin cuối mùa.
Hơi đàn buồn như trời mưa,
Các anh tắt nốt âm thừa đi thôi.
Giờ hình như ở ngoài trời
Tiếng xe đã nghiến đường rời rã đi.
Tâm tình anh nhạt đâu nghe
Tiếng mùa lá chết đã xê dịch chiều.
Giờ hình như gió thổi nhiều,
Những loài hoa máu đã gieo nốt đời.
Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi
Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh,
Sá chi những chuyện tâm tình,
Lòng đau đem chứa trong bình rượu cay.

Và sau này, khi đã tỉnh "giấc mộng kê vàng tình yêu", Thâm Tâm đã tự "sổ toẹt" cái tấn trò đắm đuối trong thơ phú ươn hèn chỉ vì một người đẹp, để viết những câu thơ xứng với cái chí nam nhi của ông:

... Chiều nay lạnh có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi,
Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi,

http://sachviet.edu.vn

Niềm uất hận của một thời lạc lối
Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối,
Đem tài hoa cung phụng sóng mắt huyền
Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên.

Giải đáp thứ hai:

Tác giả Hoàng Tiến căn cứ ở lời ông Phạm Quang Hoà, bạn thân của Thâm Tâm, lại khẳng định rằng chính Trần Thị Khánh, người yêu của Thâm Tâm, là tác giả của những bài thơ đó. Thâm Tâm, với tính hiếu thắng của tuổi trẻ, trước tình trạng nhiều người "nhận vơ T.T.Kh là người yêu để vênh vang với đời" đã cho đăng trên báo Phụ nữ bài thơ *"Bài ca đan áo"* mà Khánh tặng riêng ông nhằm khẳng định T.T.Kh chính là người yêu của mình. Nhưng sự tiết lộ này đã làm T.T.Kh rất giận và đáp lại bằng *"Bài thơ cuối cùng"* với giọng thật là chua chát.

Giả sử giải đáp này đúng là sự thật thì đó là sự giải đáp "lí tưởng" ai cũng mong muốn. Nó hay hơn hẳn giải đáp "Thâm Tâm làm thơ mạo danh T.T.Kh" vừa được trình bày ở trên. Song tiếc rằng giải đáp này mâu thuẫn với những cứ liệu của Nguyễn Vĩ: một là T.T.Kh chưa học hết tiểu học và hoàn toàn không biết làm thơ, hai là T.T.Kh tuyệt nhiên không "đau khổ" chút nào sau khi đã lấy được người chồng giàu sang và rất yêu thương chiều chuộng mình (Nguyễn Vĩ đã bắt gặp mấy lần nàng "hí hởn" khi dạo chơi với chồng bên bờ Hoàn Kiếm(!).

Chúng tôi nhận thấy bốn bài thơ tuy đã miêu tả

http://sachviet.edu.vn

khá nhuyễn tâm tư của một phụ nữ, nhưng đây đó vẫn lộ ra cái tầm suy nghĩ khá cao và cái "phong cách giang hồ cổ điển" của một nam thi sĩ vào hàng "cự phách" về trí tuệ và tài năng qua những câu những chữ như: *Cánh hoa tan tác của sinh li; Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời/ Ái ân lạt lẽo của chồng tôi; Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại/ Êm ái trao tôi một vết thương; Làm kinh giấc mộng những ngày hoa, Thổi tan âm điệu du dương trước, Và tiễn người đi bến cát xa; Cho tôi ép nốt dòng du lệ/ Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên; một mảnh lòng tan vỡ/ Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ/ Tóc úa giết dần đời thiếu phụ; Biết đâu tôi một tâm hồn héo/ Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi; Dưới dàn hoa máu tiếng mưa rung/ Giận anh em viết dòng du lệ/Là chút du hương điệu cuối cùng; Ai đem khoá chết chim vào lồng nghiêm/ Ai đem lễ giáo giam em/ Sống hờ hết kiếp trong duyên trái đời...* Một phụ nữ trẻ và ít học như T.T Kh, không hiểu gì về văn chương cổ điển Hán học cũng như thơ phương Tây, làm sao viết được những câu thơ già giặn, từng trải hoặc "môđéc" như thế? Giọng văn ấy phải thuộc về các thi sĩ lãng mạn đương thời như Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Vũ Hoàng Chương, Leiba, Thái Can v.v..

Giải đáp thứ ba:

Đầu năm 2007 lại xuất hiện cuốn sách *Giải mã nghi án văn học T.T.Kh* của tác giả Trần Đình Thu. Với những lí lẽ (hầu hết bằng suy diễn) hoặc phân tích nội dung các bài thơ, tác giả kết luận rằng

http://sachviet.edu.vn

T.T.Kh (quê gốc Thanh Hoá) là nữ sĩ Trần Thị Vân Chung thuộc nhóm thơ Quỳnh Dao gồm những phụ nữ quý phái ở miền Nam. Còn người yêu thật của T.T.Kh chính là nhà văn Thanh Châu (cũng quê Thanh Hoá), tác giả truyện ngắn *Hoa tigôn*. Trên thực tế, hai người đó có một mối tình nhưng tan vỡ. Theo logic của giải đáp này thì truyện ngắn ấy như một tự truyện của Thanh Châu, và nó tất yếu đã lay động rất mạnh tâm hồn của bà Vân Chung khiến bà không thể kìm lòng nổi, đã phải "phát lộ" thành thơ tất cả nỗi niềm khổ đau u uất mà bà định giấu kín mãi mãi.

Nhận định này tuy có một hạt nhân hợp lí nhưng chưa đủ để kết luận một sự việc. Mặc dù ông Thanh Châu viết truyện *Hoa tigôn* chính là sự hồi tưởng về tình yêu với bà Vân Chung, nhưng không thể vì thế mà khẳng định rằng chính bà Vân Chung (chứ không ai khác) đã làm bốn bài thơ trên. Bởi một tác phẩm ra đời là đã thuộc về quần chúng rồi, bất cứ độc giả nào nếu có cảm hứng với truyện đều có thể viết cảm tưởng về nó hay nhân nó mà liên hệ đến chuyện của chính mình. Vả lại, một phụ nữ quý phái như bà Vân Chung không thể viết bản thảo gửi đăng báo bằng bút chì với nét chữ "nguệch ngoạc, nhạt mờ" trên mảnh giấy vở học trò lem nhem đến nỗi bị ông Ngọc Giao ném vào sọt rác. Hoàn toàn có lí để đặt giả thuyết rằng: truyện ngắn của Thanh Châu chính là một "cú hích" đúng lúc khiến Thâm Tâm lúc ấy đang thất tình nặng, bật ra ý định viết một loạt bài thơ nói về mối tình có thật của chính mình, nhân trong

http://sachviet.edu.vn

truyện có yếu tố *hoa tigôn* cũng là loài hoa gắn bó nhiều trong mối tình của ông với Trần Thị Khánh (nàng ở phố Sinh Từ phủ đầy hoa tigôn). Xét hai chữ "vườn Thanh" rõ ràng gần với "vườn Thanh Giám" (Văn Miếu) hơn là "thị xã Thanh Hoá". Xét bút danh T.T.Kh rõ ràng gần với *Trần Thị Khánh* hơn là *Trần Thị Vân Chung*. Huống hồ trong những bài viết của mình, ông Thanh Châu cho biết T.T.Kh chỉ là một người nào đó gửi thơ cho báo mà ông không hề biết mặt, thậm chí ông cũng không lưu giữ lại bức thư T.T.Kh trả lời phỏng vấn của toà soạn *Tiểu thuyết thứ bảy*, sau khi đọc nó xong ông đã... cho huỷ cùng vô số thư từ khác của độc giả. Ông không bao giờ công nhận những bài thơ kia là do bà Vân Chung viết. Đối với ông, T.T.Kh và bà Vân Chung là hai nhân vật hoàn toàn khác biệt.

Về phía bà Trần Thị Vân Chung cũng vậy: bà đã chính thức tuyên bố trong thư gửi bà Thư Linh rằng: "*Điều trước nhất tôi xin thưa: tôi không phải là T.T.Kh!*", và "*...mạo danh một nữ sĩ nổi tiếng, cũng như đạo văn, là một tội xấu xa nhất trong văn giới! Cho nên một lần nữa tôi phủ nhận tôi là T.T.Kh!*".

Tóm lại, giải đáp mới mẻ này cũng chỉ là một giả thuyết chưa thật có sức thuyết phục.

http://sachviet.edu.vn

22

THÍCH QUẢNG ĐỨC
VỊ BỒ TÁT THỊ HIỆN THẾ GIAN TẠI VIỆT NAM TRONG THẾ KỈ XX

Có biết bao sự tích li kì xảy ra trên đất nước ta từ ngàn xưa tới nay mà chúng tôi đã kể lại trong bộ sách GIAI THOẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM này, ví dụ:

Bài thơ tiên tri xuất hiện trước khi Lí Công Uẩn lên ngôi vua;

Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về đến Đại La trông thấy rồng vàng bay lên trời, nhân đó nhà vua đổi tên *Đại La* thành *Thăng Long*;

Chuyện "luân hồi chuyển kiếp" của nhà sư Từ Đạo Hạnh thời Lí;

Chuyện giải toả nỗi oan tình của Trúc Lâm đệ tam tổ Huyền Quang đời Trần;

Chuyện "thân bất hoại" sau 60 năm ngâm dưới đáy cửa bể Thần Phù của ngự sử Vũ Công Duệ thời Trần...

http://sachviet.edu.vn

Hòa thượng THÍCH QUẢNG ĐỨC

http://sachviet.edu.vn

Đến cuối thế kỉ XX lại có một sự kiện phi thường làm chấn động lòng người. Đó là sự thị hiện thế gian của một vị "bồ tát sống" tại miền Nam Việt Nam: Hoà thượng Thích Quảng Đức (Nguyễn Văn Khiết).

Ông xuất gia tu Phật từ lúc còn trẻ tại tỉnh Khánh Hoà, đi vân du hoá đạo (truyền bá đạo Phật) tại các tỉnh miền Trung, xây dựng và trùng tu 14 ngôi chùa tại vùng này.

Năm 1943 ông rời miền Trung vào Nam, đi hoá đạo khắp nơi và sang Nam Vang (Phnom Penh) nghiên cứu kinh điển Phật trong ba năm. Trong 20 năm tu hành và hoạt động trong giáo hội Phật giáo, ông đã xây dựng và trùng tu thêm 17 ngôi chùa nữa. Ngôi chùa cuối cùng ông trụ trì là chùa Quán Thế Âm (hiện ở 90 Thích Quảng Đức, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

Suốt từ năm 1954 đến 1963, tại miền Nam, Ngô Đình Diệm thiết lập chế độ gia đình trị và thực hành chính sách kì thị tôn giáo hết sức quái gở. Là người theo Thiên Chúa giáo – tín đồ của nước tình thương – nhưng Ngô Đình Diệm lại có trái tim và cái nhìn hết sức hẹp hòi, vị kỉ: coi Phật giáo như là một "đối thủ đáng gờm", cần phải triệt bỏ!

Hôm gia đình họ Ngô gồm Diệm, Nhu, Cẩn và giám mục Thục từ Sài Gòn đi dự lễ khánh thành nhà thờ Đức Mẹ La Vang ở Quảng Trị, qua Huế, Diệm thấy cảnh khắp nơi trang hoàng cổng chào rực rỡ, cờ

http://sachviet.edu.vn

xí rợp trời. Diệm ngạc nhiên khi hay rằng đó chính là cảnh mừng đại lễ *Phật Đản*. Diệm đùng đùng nổi giận, lập tức ra lệnh gửi gấp công điện đi khắp nơi, bắt phải hạ cờ Phật giáo xuống! Và chưa đủ, để thị uy, ngay đêm *Phật Đản* (15 tháng 4 âm lịch), Diệm ra lệnh cho bọn tay chân tấn công các Phật tử đang đứng trước đài phát thanh Huế nghe tin tức về lễ *Phật Đản*, làm 8 Phật tử chết tại chỗ và 4 Phật tử khác bị thương nặng.

Những vị đứng đầu Tỉnh hội Phật giáo ở Thừa Thiên lập tức nhóm họp tại chùa Từ Đàm (Huế) và soạn thảo một tuyên ngôn 5 điểm yêu cầu chính phủ (Việt Nam Cộng hoà) thu hồi vĩnh viễn bức công điện triệt hạ cờ Phật giáo, đòi được quyền bình đẳng với Thiên Chúa giáo, đòi được quyền tự do truyền đạo và hành đạo, đòi chấm dứt tình trạng khủng bố tín đồ Phật giáo, đòi bồi thường cho những người bị hại. Ngay sau đó *Ủy ban liên phái bảo vệ Phật giáo Việt Nam* được thành lập để đối thoại với Ngô Đình Diệm. Song thái độ của phủ tổng thống là "ngoảnh mặt đi". Vì vậy toàn thể tín đồ Phật giáo đã siết chặt hàng ngũ kiên quyết đấu tranh bằng hình thức "bất bạo động", biểu tình, tuyệt thực, tổ chức lễ cầu siêu cho những tín đồ vừa bị tử nạn...

Tuy nhiên, Diệm vẫn ngoan cố, không những không đáp ứng yêu cầu chính đáng của phái Phật giáo, lại còn tăng cường bắt bớ người và phong toả các chùa chiền trên toàn miền Nam. Có thể nói từ cổ

http://sachviet.edu.vn

chí kim, kể từ thời nhà Lí (thế kỉ XI) đến lúc bấy giờ, đạo Phật – quốc giáo chính thống trong nhiều thế kỉ của dân tộc ta – chưa bao giờ lại bị "đặt ra ngoài vòng pháp luật" một cách phi lí và tàn nhẫn đến như vậy! Ngô Đình Diệm là người Việt nhưng đã rời bỏ truyền thống nhân đạo của người Việt, chà đạp tín ngưỡng thiêng liêng của dân tộc!

Giữa nghịch cảnh lớn lao ấy, một bậc thánh nhân đã xuất hiện để giải quyết một vấn nạn của lịch sử, hay một *pháp nạn* như cách nói của các tín đồ Phật giáo. Thánh nhân đó chính là Hoà thượng Thích Quảng Đức.

Vị sư già có đức hạnh viên mãn của một Phật tử chân chính. Phong cách sống của ông hết sức thanh đạm nhưng luôn luôn an nhiên tự tại, không phiền não, hỉ xả và hoà hợp với mọi người. Lòng từ bi của ông tưới nhuần đến cả thế giới cỏ cây: đi đâu xa về, nhìn thấy cây cối héo hon, ông liền tự tay tưới đủ nước cho chúng rồi mới ăn cơm. Ông nói: "Cây cỏ cũng như mình, chúng ta đói cơm khổ như thế nào thì cỏ cây thiếu nước khổ như thế đó".

Bằng nhãn quan của một bậc trí huệ, ông hiểu rằng lúc này muốn thắng được cái ác thì cái thiện phải hội đủ sức mạnh cần thiết. Lòng thương xót các đạo hữu đang bị tàn sát, đang trong vòng nguy khốn, trách nhiệm bảo vệ giáo phái cao cả mà cả dân tộc đã phụng thờ hàng bao thế kỉ, và đức đại hùng của một bồ tát cứu thế chân chính, đã đưa ông đến một

http://sachviet.edu.vn

quyết định to lớn: tự biến mình thành một ngọn đuốc sống, soi tỏ cõi vô minh!

Trong Lời nguyện tâm quyết viết ngày 4–6–1963 (bảy ngày trước khi tự thiêu) ông nói: *Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là Trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật... cầu cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng Bác ái Từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà vững yên muôn thuở...*

Trước khi chết, ông còn viết bốn bài kệ với những câu thơ già giặn và đầy khí phách:

Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh
Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác,
Tro trắng phẳng san hố bất bình...

Theo đúng kế hoạch đã bàn bạc kĩ càng, vào đầu giờ Ngọ ngày 20 tháng 4 nhuận âm lịch (11–6–1963), Hoà thượng Thích Quảng Đức đi trên một chiếc xe hơi dẫn đầu đoàn Phật tử đông cả ngàn người đến làm lễ cầu siêu tại Phật Bửu tự. Ngay khi còn ở trong xe, Hoà thượng đã tẩm xăng ướt đẫm mấy lần áo cà sa. Khi xe đi đến ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng (Cách mạng tháng Tám – Nguyễn Đình Chiểu

http://sachviet.edu.vn

ngày nay) thì dừng lại. Vị sư già từ trên xe bước xuống và ngồi ở giữa đường trong tư thế tham thiền nhập định. Và ngay lập tức, Hoà thượng tự bật lửa. Trong chớp mắt, một ngọn lửa lớn bùng lên dữ dội trùm lấy nhà sư! Một sự kinh hoàng khôn xiết kể của các tăng ni và dân chúng bùng lên theo ngọn lửa giữa những tiếng kêu thét thất thanh, tiếng khóc, tiếng nguyện cầu! Có mặt tại chỗ lúc ấy là viên tướng Mĩ Harkins và đại diện của các hãng thông tấn AFP (Pháp), AP (Mĩ), UPI. Ngần ấy con người đều chứng kiến một sự việc phi thường: giữa ngọn lửa rừng rực, vị Hoà thượng vẫn điềm nhiên tĩnh toạ, lưng thẳng như một bức tượng đồng, không hề lay động. Mười lăm phút sau, ngài mới nằm ngã xuống viên tịch, tay còn kiết ấn cam lồ. Sau đó thi hài Hoà thượng được đưa về quàn ở chùa Xá Lợi hơn một tuần lễ rồi được đưa đi hoả thiêu.

Cái chết bi tráng của Hoà thượng Thích Quảng Đức đã làm chấn động không những giới Phật giáo và nhân dân trong nước mà còn làm rung động tâm hồn toàn nhân loại. Họ khâm phục nhân cách cao cả của vị sư già, sự kì bí mang tính chất siêu phàm của Phật giáo. Và cả thế giới đều nhất tề đứng về phía các Phật tử Việt Nam, phản đối, lên án chính sách kì thị tôn giáo của họ Ngô.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương cảm kích trước hành vi tử vì đạo của vị Hoà thượng đáng kính, đã viết bài thơ dài *Lửa từ bi* với những câu:

http://sachviet.edu.vn

Người siêu thăng... Giông bão lắng từ đây
Bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rợi bóng cây bồ đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi!
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi...

Rốt cuộc, Ngô Đình Diệm buộc phải "xuống thang", cử "Uỷ ban liên bộ" ra đàm phán và kí thông cáo chung với Uỷ ban liên phái của Giáo hội Phật giáo, ra lệnh giải vây tất cả các chùa trên toàn miền Nam. Rõ ràng Hoà thượng Thích Quảng Đức đã dùng một hình thức đấu tranh mang đậm phong cách riêng của Phật giáo là "bất bạo động" nhưng vẫn không kém phần oanh liệt, vẫn chiến thắng được bè lũ hung bạo, vô minh. Sự chiến thắng của Thích Quảng Đức đối với chế độ Ngô Đình Diệm dường như còn có những nguyên do kì bí, "bất khả tư nghì", điều mà trước kia thi hào Nguyễn Du đã từng nói: *Đạo trời báo phục chỉn*[1] *ghê!*

Chỉ không đầy năm tháng sau, vào ngày 1–11–1963, không phải các tín đồ Phật giáo mà chính các tướng lĩnh của Ngô Đình Diệm đã lật đổ chế độ gia đình trị của họ Ngô. Cả hai anh em Diệm – Nhu đã bị hạ sát bằng súng và chết thảm trong một chiếc xe bọc thép!

---

[1] Chỉn (tiếng cổ): thật là, thật sự. *Chỉn ghê* = thật là ghê gớm.

http://sachviet.edu.vn

TRÁI TIM HOÁ NGỌC BẤT HOẠI CỦA HOÀ THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

Một huyền thoại giữa thế kỉ XX văn minh khoa học khiến cho suốt mấy chục năm qua, chẳng những trong nước mà khắp hoàn vũ, không ngừng đề cập và xưng tụng: đó là trái tim mầu nhiệm bất hoại của Hoà thượng Thích Quảng Đức.

Sau hơn một tuần lễ quàn ở chùa Xá Lợi, thi hài Hoà thượng Thích Quảng Đức được đưa về An dưỡng địa và làm lễ "trà tì" (hoả thiêu). Sau khi thiêu suốt một ngày, thân thể hoà thượng cháy thành tro hết, duy có trái tim không bị cháy mà chai cứng lại như đá. Người ta lại tiến hành đốt riêng trái tim ấy trọn một ngày nữa trong ngọn lửa nóng 1000 độ. Nhưng kì lạ thay, trái tim vẫn trơ trơ bất hoại! Sau cùng người ta rước trái tim đã hoá ngọc ấy về chùa Xá Lợi. Phủ tổng thống nghe tin ấy, ngờ rằng các tín đồ Phật giáo lại giở trò ma mị để lừa bịp dân chúng chăng, bèn cử trùm mật vụ là bác sĩ Trần Kim Tuyến đến tận chùa làm xét nghiệm. Ngài bác sĩ đã dùng các chất hoá học cực mạnh (từng làm tan các loại đá, sắt, thép...) tưới không ngừng lên trái tim ấy, nhưng trái tim không những không hề bị hư hại mà còn sáng quắc lên! Trần Kim Tuyến cả sợ vội vàng chắp cả hai tay mà vái trái tim phi phàm, kì diệu ấy. Rồi ông ta quay về dinh Độc Lập tuyên bố với tổng thống cùng toàn thể cơ quan đầu não của Ngô triều rằng:

http://sachviet.edu.vn

– Thật là kì lạ, đây đúng là quả tim bất diệt, khoa học và y học chẳng tài nào hiểu nổi. Ngoài sự kì lạ về mặt vật chất ra, về mặt tâm linh, quả tim có một điều gì quá thiêng liêng. Chúng ta không nên đối địch với Phật giáo, mà hãy tìm cách dung hoà.

Lời thú nhận chân thực ấy của ông bác sĩ đã làm phật ý bà Trần Lệ Xuân (vợ cố vấn Ngô Đình Nhu). Ông bị bà ta quát mắng. Sau đó ngày 20–8–1963, vợ chồng Nhu mở chiến dịch "nước lũ" tấn công các ngôi chùa ở Sài Gòn nhưng mục đích chính là tấn công chùa Xá Lợi để "đánh cắp" trái tim kia, nhằm trừ bỏ những hậu hoạ khôn lường. Song vợ chồng Nhu chỉ vớ được một trái tim giả bằng... thạch cao. Bởi vì trước đó, Uỷ ban liên phái đã kịp thời cất giấu trái tim đã hoá ngọc vào một két sắt và đưa gửi ở một chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt tại Sài Gòn rồi. Họ Ngô tức giận, điên cuồng trở mặt chống phá Phật giáo thêm vài ba tháng nữa cho đến lúc chính họ sụp đổ thành tro bụi.

Mãi sau ngày thống nhất đất nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới giải quyết việc ổn định trú xứ cho trái tim bất diệt của Hoà thượng Thích Quảng Đức. Ngày 26–1–1991, một bản khế ước đã được kí kết giữa đại diện Giáo hội Phật giáo và đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gửi trái tim ấy vào Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cất giữ.

http://sachviet.edu.vn

Gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới đã nêu vấn đề rằng "hiện tượng Hoà thượng Thích Quảng Đức ngồi đại định trong lửa thiêu và hiện tượng trái tim hoá ngọc bất hoại của ngài có ý nghĩa làm thức tỉnh lương tâm loài người". Còn cơ quan Liên Hiệp Quốc cũng soạn văn bản xác định rằng ngài Thích Quảng Đức là một vị BỒ TÁT THỊ HIỆN THẾ GIAN.

(Tổng hợp các tài liệu của Hoà thượng Thích Thông Bửu (hiện đang trụ trì chùa Quán Thế Âm), Hoà thượng Thích Đức Nghiệp, Thượng toạ Thích Phước Sơn, và nhà nghiên cứu Lí Việt Dũng)

http://sachviet.edu.vn

Mục lục

Lời nói đầu 5
Đề từ (Phan Bội Châu) 9
1. Cướp voi giữa cửa Hà Nội 11
2. Vua Duy Tân 13
3. Trần Cao Vân 22
4. Nguyễn Cao 26
5. Ưng Bình Thúc Gia Thị: thi ông, tiên ông 30
6. Trần Quý Cáp 42
7. Tăng Bạt Hổ – nhà chí sĩ dọc ngang trời đất 47
8. Cái chết oanh liệt của liệt nữ Lê Thị Đàn 53
9. Từ Diễn Đồng 55
10. Hoàng Hoa Thám 61
11. Phạm Hồng Thái với vai trò "thích khách cách mạng" 72
12. Nguyễn Thái Học – đối thoại với thực dân Pháp . 76
13. Hai chị em Nguyễn Thị Bắc, Nguyễn Thị Giang: những tấm gương nữ kiệt ..... .81
14. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục 87
15. Nguyễn An Ninh với lời thề yêu nước 99
16. Thái Văn Lung: một tấm gương trí thức yêu nước...104
17. Phạm Quỳnh 108
18. Nhất Linh – một mẫu "người hùng" 124
19. Những nữ lưu đi qua đời Hàn Mặc Tử 138
20. Bích Khê 153
21. T.T.KH và mối tình tan vỡ 162
22. Thích Quảng Đức – vị Bồ Tát thị hiện thế gian tại Việt Nam trong thế kỉ XX 179

http://sachviet.edu.vn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử kí toàn thư* (Ngô Sĩ Liên), NXB Văn hóa Thông tin (2003).
- *Việt Nam sử lược* (Trần Trọng Kim), NXB Tân Việt (1951).
- *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), NXB Văn học (1987).
- *Chuyện làng văn* (Nhóm tác giả ĐHSP Hà Nội), NXB Giáo dục (1987).
- *Việt Nam danh nhân từ điển* (Nguyễn Huyền Anh), Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn (1967).
- *Từ điển văn học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội (1984).
- *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ), NXB Văn học (1972).
- *Tang thương ngẫu lục* (Phạm Đình Hổ, Nguyễn Án), NXB Văn học Hà Nội (1972).
- *Nghìn xưa văn hiến* (Trần Quốc Vượng Nguyễn Từ Chi - Nguyễn Trần Dân), NXB Kim Đồng (1978).
- *Những vì sao đất nước* (Văn Lang, Quỳnh Cư, Nguyễn Anh), NXB Thanh Niên (1978).
- *Truyền thuyết Hùng Vương* (Vũ Kim Biên), Sở Văn hóa Thông tin Thể thao Phú Thọ (2001).
- *Các bậc khai quốc triều Lê* (Đinh Công Vĩ), NXB Văn hóa Thông tin (2003).
- *Bên lề chính sử* (Đinh Công Vĩ), NXB Văn hóa Thông tin (2005).
- *Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ với thảm án Lệ Chi Viên* (Hoàng Đạo Chúc chủ biên), NXB Văn hóa Thông tin (2004).
- *Nữ sĩ Việt Nam* (Như Hiên), NXB Văn học (2006).

http://sachviet.edu.vn

– *Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh* (Như Hiên), NXB Văn học (2002).
– *Việt sử tiểu truyện* (Trần Ngọc Trụ, Vũ Hữu Tuệ), NXB Yên Sơn Hà Nội (1950).
– *Giai thoại văn chương Việt Nam* (Thái Bạch), NXB Sống Mới (1958).
– *Nguyễn Công Trứ, thơ và đời* (Chu Trọng Huyến), NXB Văn Học (1996).
– *Tú Xương – tác phẩm và giai thoại,* Hội văn nghệ Hà Nam Ninh (1987).
– *Giai thoại và sấm kí Trạng Trình* (Phạm Đan Quế), NXB Văn Học (2000).
– *Lê Văn Duyệt – Từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông* (Hoàng Lại Giang), NXB Văn hóa Thông tin (1999).
– *Kho tàng giai thoại Việt Nam* (Vũ Ngọc Khánh), NXB Văn hóa (1994)
– *Giai thoại kẻ sĩ Việt Nam* (Thái Doãn Hiểu – Hoàng Liên), NXB Văn hóa dân tộc (1997).
– *Phan Bội Châu niên biểu* (Phan Bội Châu), NXB Văn nghệ TP.HCM (2001).
– *Đông Kinh Nghĩa Thục* (Nguyễn Hiến Lê), NXB Văn hóa Thông tin (2002).
– *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ* (Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng), NXB Quân đội nhân dân (1977).
– *Hồi ức về cha tôi: Ưng Bình Thúc Gia Thị,* (Tôn Nữ Hỉ Khương), NXB Văn nghệ TP.HCM (2002).
– *Vương phi công chúa triều Trần – những điển hình và ấn tượng dân gian* (Hồ Đức Thọ), NXB Văn hóa Thông tin (2005).

http://sachviet.edu.vn

– *Các chuyện tình vua chúa hoàng tộc Việt Nam* (Đinh Công Vĩ), NXB Phụ Nữ (2005).
– *Hàn Mạc Tử – thân thế và thi văn* (Trần Thanh Mại), NXB Tân Việt (1942).
– *Đi tìm chân dung Hàn Mạc Tử* (Phạm Xuân Tuyển), NXB Văn học Hà Nội (1997).
– *Đôi Hồn* (Tập thơ của Hàn Mặc Tử và Mai Đình), Kiều Văn biên soạn, NXB Phương Đông (2008).
– *Thi ca Việt Nam chọn lọc* (Kiều Văn biên soạn), NXB Đồng Nai (19942 – 2007).
– Báo chí từ trước đến nay.
– Các sách biên khảo, thơ ca, tiểu thuyết, lí luận phê bình.

http://sachviet.edu.vn

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

❖ SÁNG TÁC:

- *Khoảnh đời huyền thoại* (thơ) – NXB Đồng Nai, 1996.
- *Trường ca Lê Đan* (song ngữ Việt – Anh) – NXB Thanh Niên, 2001.
- *Cùng khốn một tình yêu* (tiểu thuyết) – NXB Thanh Niên, 2002 – NXB Phương Đông, 2008.
- *Những dòng tâm tưởng* (song ngữ Việt – Anh) – NXB Hải Phòng, 2003.
- *Thơ trữ tình và Trường ca Lê Đan* – NXB Hải Phòng, 2005.
- *Những gương mặt tiêu biểu thi ca Việt Nam* (tiểu luận văn học) – NXB Văn Học, 2005.
- *Thơ trữ tình Hán văn và Pháp văn* (Kiều Văn tuyển dịch) – NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.
- *Tình đầu trên những cánh thư* (tiểu thuyết), NXB Phương Đông, 2008.

❖ BIÊN SOẠN:

- *Đôi Hồn* (tập thơ chung của Hàn Mặc Tử – Mai Đình), tái bản, NXB Phương Đông, 2008.
- *Ba Giai* –
  Niên, 2006.
- *Tân từ điển thành ngữ tiếng Việt* – NXB Giáo

http://sachviet.edu.vn

Dục, 2005.

- *Thi ca Việt Nam chọn lọc* (bộ 50 cuốn) – NXB Đồng Nai, 1995 – 2008.
- *Thi ca thế giới chọn lọc* (bộ 20 cuốn) – NXB Thanh Niên, 2004.
- *Danh ngôn phương Đông tinh tuyển* – NXB Văn Nghệ TP. HCM, 2004.
- *Danh ngôn phương Tây tinh tuyển* – NXB Văn Nghệ TP. HCM, 2004.
- *Thơ tình Việt Nam chọc lọc* (bộ nhiều cuốn) NXB Đồng Nai.
- *Thơ tình thế giới chọn lọc* (bộ nhiều cuốn) – NXB Đồng Nai.
- *Thơ tình nữ sĩ Việt Nam* – NXB Đồng Nai, 2005.

❖ **TÁC PHẨM SẼ XUẤT BẢN:**

- *Thăm thẳm một đời* (Tuỳ bút – hồi kí)
- *Tiểu luận và bút kí* (Kiều Văn)
- *Quy chuẩn hóa chữ Việt*
- *Nhìn tỏ mặt đời* (Đoàn Ngôn, song ngữ Việt Anh).

http://sachviet.edu.vn

Tổng mục lục
GIAI THOẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM

Tập 1: **GIAI THOẠI CÁC THỜI ĐẠI: HÙNG VƯƠNG – HAI BÀ TRƯNG – BẮC THUỘC – TỰ CHỦ (NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ – LÍ – TRẦN)**

1. Chuyện Hùng Vương nhường ngôi và cột đá thề Thục Phán
2. Lí Ông Trọng, nhân tài nước Âu Lạc, danh tướng của Tần Thuỷ Hoàng
3. Thừa tướng Lữ Gia
4. Hai Bà Trưng
5. Triệu Thị Trinh
6. Khương Công Phụ, một người Việt có cặp mắt thần
7. Mai Hắc Đế
8. Triệu Quang Phục và câu chuyện hậu "Mị Châu – Trọng Thuỷ"
9. Ngô Quyền
10. Đinh Bộ Lĩnh
11. Lê Hoàn từ đứa trẻ mồ côi trở thành võ tướng của triều đình
12. Đỗ Thuận ông lái đò của đất nước thi thư
13. Đô Hồ phu nhân (bà chúa Tó) cô gái dẹp giặc cỏ
14. Lê Long Đĩnh – ông vua hiếu sát và ham mê tửu sắc
15. Lí Thái Tổ

http://sachviet.edu.vn

16. Lê Phụng Hiểu bậc trung thần oanh liệt
17. Lí Thánh Tông
18. Lí Thường Kiệt và bài thơ thần
19. Chuyện lạ về nhà sư Từ Đạo Hạnh
20. Thái sư Lê Văn Thịnh
21. Lịch sử của quả chuông vĩ đại
22. Từ cuộc tình bê bối đến thảm hoạ của các công thần đời Lí Anh Tông
23. Tô Hiến Thành
24. Tình yêu son sắt của vua Lí Huệ Tông
25. Hai mối tình của Lí Chiêu Hoàng
26. Trần Thủ Độ
27. Trần Hưng Đạo
28. Trần Nhân Tông – Vị vua hiển Phật
29. Phạm Ngũ Lão
30. Trần Nhật Duật thu phục lòng người
31. Trần Bình Trọng – Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc
32. Trần Khánh Dư – danh tướng bán than
33. Người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản

Tập 2: **GIAI THOẠI THỜI TRẦN – HỒ – HẬU TRẦN – HẬU LÊ**

1. Yết Kiêu, Dã Tượng hết lòng phò chủ
2. Đỗ Khắc Chung một mình đấu lí với tướng giặc
3. Thái hậu Khâm Từ Bảo Thánh – thân liễu bồ đối mặt với mãnh thú

http://sachviet.edu.vn

4. Cuộc dấn thân của công chúa Huyền Trân
5. Một "cái tát" vào mặt kẻ phản quốc Trần Ích Tắc
6. Vị trạng... "trẻ con" Nguyễn Hiền
7. Đoàn Khung tinh ý xét công chữa cháy
8. Nguyễn Thành Huấn – nhà thơ yêu thương đến cả muôn loài
9. Nỗi oan của sư Huyền Quang
10. Nguyễn Thuyên – bậc tiền bối thơ Nôm
11. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi
12. Trần Cụ: đại nghệ nhân... đại gàn
13. Đoàn Nhữ Hài
14. Chu Văn An: bậc thầy thiên hạ lúc thời suy
15. Danh y Tuệ Tĩnh
16. Nguyễn Thị Bích Châu – một bậc "nữ trượng phu"
17. Hồ Tông Thốc
18. Từ mối tình lãng mạn sản sinh ra thiên tài
19. Hồ Quý Li
20. Trần Khát Chân – bậc trung thần lẫm liệt
21. Hồ Nguyên Trừng
22. Lê Cảnh Tuân với "Vạn ngôn thư"
23. Nguyễn Biểu
24. Đặng Dung – một tấm gương bi tráng
25. Lê Lợi
26. Nguyễn Trãi
27. Trần Nguyên Hãn
28. Nguyễn Xí: dùng binh sĩ... chó tấn công giặc
29. Nguyễn Chích: dùng bồ câu làm liên lạc

http://sachviet.edu.vn

30. Phạm Cuống: khéo tay viết chữ mỡ trên lá
31. Hai giai thoại về "cắt cỏ Bồ Đề
32. Liễu Thăng tử trận hoá đá cụt đầu
33. Chuyện Lê Lai liều mình cứu chúa và tấn bi kịch lúc cuối đời
34. Bùi Cầm Hổ – một con người nhân, trí, dũng
35. Suy nghĩ khác nhau của hai vị đại thần

Tập 3: **GIAI THOẠI THỜI HẬU LÊ – MẠC – TRỊNH – NGUYỄN**

1. Phan Thiên Tước dâng sớ "sửa" vua Lê Thái Tông
2. Vụ ẩu chiến vì ganh ghét của hai vị đại quan
3. Vũ Tụ – ông quan không nhận lụa
4. Lê Thánh Tông – vị vua huyền thoại
5. Trạng nguyên Lương Thế Vinh
6. Lương Như Hộc – nhà tình báo kĩ thuật
7. Trịnh Thiết Trường: bảy mươi sánh với mười bảy
8. Vũ Công Duệ – bậc trung thần bất tử
9. Gương tận trung của Nguyễn Bá Kí
10. Lương Đắc Bằng – vị lương thần minh triết
11. Nguyễn Giản Thanh
12. Lê Nại – Trạng... ăn
13. Ngô Kính Thần với câu đối nâng cao quốc thể
14. Sứ thần Lê Quang Bôn – Tô Vũ của Đại Việt
15. Nguyễn Bỉnh Khiêm
16. Phạm Hoảng
17. Nguyễn Thế Nghi nhử sứ Tàu vào bẫy
18. Giáp Hải (Trạng Kế)

http://sachviet.edu.vn

19. Lương Hữu Khánh – chàng trai ăn khoẻ, thơ hay
20. Phùng Khắc Khoan
21. Lời trối trăng của Mạc Ngọc Liễn
22. Nguyễn Thị Duệ – bậc nữ kiệt và nữ sĩ tài danh
23. Nguyễn Văn Giai
24. Ngô Thị Lâm thực hiện kế mĩ nhân
25. Đào Duy Từ
26. Mối tình bi thương của hoàng tử Mạc Thao với quận chúa họ Trịnh
27. Bà chúa Mía
28. Tống thị – người đàn bà đầy tham vọng
29. Công chúa Ngọc Vạn làm dâu Cao Miên
30. Nguyễn Hữu Cảnh – người khai mở vùng đất Đồng Nai – Gia Định
31. Nguyễn Quán Nho
32. Những cuộc đấu tranh đòi bỏ lệ cống người vàng
33. Tài đối của Trần Quốc Khái
34. Nguyễn Quốc Trình
35. Phạm Công Trứ – ông quan có khối óc của nhà khoa học
36. Nguyễn Đăng Đạo
37. Người đàn bà đi sứ sang Tàu
38. Mưu kế của bà Ngọ

Tập 4: **GIAI THOẠI THỜI LÊ – TRỊNH – NGUYỄN – TÂY SƠN**

1. Nguyễn Đăng Cảo
2. Nguyễn Khoa Đăng

http://sachviet.edu.vn

3. Đoàn Thị Điểm
4. Mạc Thiên Tích – ông quan cai trị giỏi, thơ hay
5. Ngô Thì Sĩ
6. Lê Quý Đôn
7. Nguyễn Hữu Cầu
8. Hải Thượng Lãn Ông
9. Mời nhà sư nhập thế giúp đời
10. Mẹo hành quân thần tốc
11. Mưu sâu của gian hùng Trương Phúc Loan
12. Đinh Thời Trung
13. La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp
14. Liệt phụ Đoàn phu nhân
15. Quang Trung
16. Tấm lòng nghĩa nữ
17. Lê Ngọc Hân
18. Danh sĩ Trần Văn
19. Ngô Thì Nhậm
20. Trần Quang Diệu – vị hổ tướng giàu lòng nhân đức
21. Nữ anh hùng Bùi Thị Xuân
22. Nguyễn Hữu Chỉnh
23. Trần Phương Bính: chí sĩ chống Tây Sơn
24. Cuộc đấu tranh đòi bỏ chữ "di"
25. Gương chính trực của Trần Văn Trứ
26. Phạm Vĩ Khiêm
27. Vinh nhục của Tuyên phi Đặng Thị Huệ

http://sachviet.edu.vn

Tập 5: GIAI THOẠI THỜI LÊ – TRỊNH MẠT VÂN VÀ NGUYỄN GIA LONG

1. Bi hài kịch Lê Chiêu Thống – ông vua cuối cùng của triều Lê
2. Trần Danh Án
3. Lòng trung của Lí Trần Quán
4. Lê Văn Duyệt
5. Nguyễn Du
6. Phạm Quý Thích
7. Lời khuyên chí lí với Nguyễn Văn Thành
8. Người đẹp Ngọc Bình: chiếc bách giữa dòng
9. Phạm Thái
10. Hồ Xuân Hương
11. Hà Tông Quyền
12. Nguyễn Công Trứ
13. Nguyễn Quý Tân
14. Bà Huyện Thanh Quan
15. Nguyễn Thị Quyên: cùng khẩu khí với Hồ Xuân Hương
16. Phan Bá Vành
17. Phan Huy Chú
18. Nguyễn Quốc Cẩm với diệu kế cứu dân
19. Vua Tự Đức
20. Bà Từ Dũ
21. "Chân tài" với "địa vị"
22. Nguyễn Văn Siêu

http://sachviet.edu.vn

Tập 6: DANH NHÂN VĂN HÓA VÀ CHÍ SĨ CHỐNG NGOẠI XÂM THỜI NGUYỄN

1. Cao Bá Quát
2. Nguyễn Hàm Ninh
3. Đinh Nhật Thận
4. Hoàng Phan Thái
5. Nguyễn Đình Chiểu
6. Trương Công Định: phò nước, không phò ngu quân
7. Nguyễn Trung Trực đánh giặc đến cùng
8. Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân: còn sống ngày nào còn đánh giặc
9. Đội nghĩa binh trâu
10. Phan Văn Trị
11. Văn tế tướng Pháp Francis Garnier
12. Trần Quang Cán: chí của trò khác chí của thầy
13. Nguyễn Trường Tộ – nhà chiến lược xuất chúng
14. Bùi Viện – một "dã tràng xe cát
15. Phạm Thế Hiển – một đại thần hữu lao vô công
16. Trương Vĩnh Kí
17. Tôn Thất Thuyết – cột chống nhà xiêu
18. Gốc gác của Nguyễn Văn Tường
19. Lê Ngô Cát với nhuận bút vua ban
20. Phan Đình Phùng
21. Nguyễn Xuân Ôn
22. Ngô Quang Bích
23. Mai Xuân Thưởng: chỉ có đoạn đầu tướng quân chứ không có hàng đầu tướng quân
24. Lê Trung Đình

http://sachviet.edu.vn

25. Ấm Ninh: thưởng phạt phân minh
26. Nguyễn Khuyến
27. Trần Bích San
28. Bạch Xỉ
29. Ông Ích Khiêm

Tập 7: **ANH HÙNG CHỐNG NGOẠI XÂM, LÃNH TỤ PHONG TRÀO DUY TÂN VÀ DANH NHÂN VĂN HỌC CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỶ XX**

1. Tổng đốc Hoàng Diệu – tấm gương trung liệt
2. Đào Tấn
3. Bùi Hữu Nghĩa
4. Nguyễn Thiện Kế
5. Một nhà sinh được ba vua
6. Đức độ vị nho sĩ kiêm lương y Nguyễn Sinh Sắc
7. Phan Bội Châu
8. Phan Chu Trinh
9. Lí Tuệ: nghề hèn, nhân cách lớn
10. Trần Tế Xương
11. Kì Đồng
12. Huỳnh Thúc Kháng
13. Tản Đà
14. Sương Nguyệt Anh
15. Phạm Văn Ngôn
16. Phan Điện
17. Vua Thành Thái

http://sachviet.edu.vn

Tập 8: LÃNH TỤ, CHÍ SĨ YÊU NƯỚC VÀ DANH NHÂN VĂN HỌC THẾ KỈ XX

1. Cướp voi giữa cửa Hà Nội
2. Vua Duy Tân
3. Trần Cao Vân
4. Nguyễn Cao
5. Ưng Bình Thúc Gia Thị: thi ông, tiên ông
6. Trần Quý Cáp
7. Tăng Bạt Hổ – nhà chí sĩ dọc ngang trời đất
8. Cái chết oanh liệt của liệt nữ Lê Thị Đàn
9. Từ Diễn Đồng
10. Hoàng Hoa Thám
11. Phạm Hồng Thái với vai trò "thích khách cách mạng"
12. Nguyễn Thái Học – đối thoại với thực dân Pháp
13. Hai chị em Nguyễn Thị Bắc, Nguyễn Thị Giang: những tấm gương nữ kiệt
14. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục
15. Nguyễn An Ninh với lời thề yêu nước
16. Thái Văn Lung: một tấm gương trí thức yêu nước
17. Phạm Quỳnh
18. Nhất Linh – một mẫu "người hùng"
19. Những nữ lưu đi qua đời Hàn Mặc Tử
20. Bích Khê
21. T.T.KH và mối tình tan vỡ
22. Thích Quảng Đức – vị Bồ Tát thị hiện thế gian tại Việt Nam trong thế kỉ XX

http://sachviet.edu.vn

GIAI THOẠI LỊCH SỬ VIỆT NAM

Tập 8

KIỀU VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: NGUYỄN THỊ LIÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
DT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131-2012/CXB/663-123/THTPHCM ngày 24/9/2012.